



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CTCP

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN I – THÔNG TIN CHUNG VỀ PVOIL	5
1. Thông tin tổng quát	5
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	5
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	6
4. Mô hình quản trị công ty	8
5. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.....	8
6. Ban lãnh đạo Tổng công ty	9
7. Định hướng phát triển.....	15
7.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh	16
7.2. Tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp.....	16
7.3. Nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực	16
8. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của PVOIL.....	16
PHẦN II – QUẢN TRỊ CÔNG TY	18
1. Hội đồng quản trị	18
2. Ban Kiểm soát.....	22
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát năm 2023	23
3.1. Lương, phụ cấp đặc thù công việc/kiêm nhiệm, thù lao của HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát.....	23
3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ	24
3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ.....	24
3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	24
PHẦN III – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023	25
1. Bối cảnh chung.....	25
2. Kết quả sản xuất kinh doanh	26
2.1. Các chỉ tiêu sản lượng.....	26
2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	27
3. Tổ chức và nhân sự.....	28
3.1. Ban điều hành Tổng công ty.....	28
3.2. Những thay đổi trong năm của Ban điều hành	28
3.3. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động	28
4. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án.....	30
5. Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp	31
6. Tình hình tài chính	31
7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	32
PHẦN IV – BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	34

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty	34
2. Những tiến bộ đạt được trong năm	34
2.1. Nắm bắt thời cơ, đẩy mạnh phát triển CHXD dưới nhiều hình thức	34
2.2. Triển khai hợp đồng lắp đặt trạm sạc pin xe điện tại CHXD	35
2.3. Trạm dừng nghỉ dành cho xe tải	36
2.4. Phát triển đội xe bồn mang thương hiệu PVOIL	36
2.5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số	37
2.6. Nâng tầm uy tín thương hiệu PVOIL	37
3. Tình hình tài chính	38
3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn	38
3.2. Tình hình Nợ phải trả	39
4. Kế hoạch SXKD năm 2024	40
4.1. Dự báo tình hình	40
4.2. Nhiệm vụ trọng tâm	40
4.3. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu	41
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	42
PHẦN V – ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	43
1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Tổng công ty	43
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	45
3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2024	46
PHẦN IV - BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	48
1. Thông điệp phát triển bền vững	48
2. Nguyên tắc hoạt động của PVOIL đối với các bên liên quan	49
3. Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường (ATSKMT)	49
3.1. Duy trì hiệu quả Hệ thống ATSKMT	49
3.2. Công tác An toàn - An ninh, PCCC, ứng cứu tình huống khẩn cấp	51
3.3. Chăm sóc sức khỏe người lao động	52
3.4. Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải	52
3.5. Xây dựng văn hóa an toàn sức khỏe, môi trường	52
3.6. Các chỉ số an toàn sức khỏe và nghề nghiệp	52
3.7. Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT 2024	53
4. Tuân thủ về môi trường	54
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường	54
5.1. Tác động lên môi trường	54
5.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu	55
5.3. Tiêu thụ năng lượng	55
5.4. Tiêu thụ nước	55
5.5. Thích ứng với biến đổi khí hậu và chuyển dịch năng lượng	55
5.6. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	56
6. Chính sách Lao động	56

6.1. Thực hiện Luật lao động.....	56
6.2. Tình hình thực hiện Thỏa ước lao động tập thể và quy chế, quy định nội bộ	56
6.3. Lao động nữ	56
7. Báo cáo các vấn đề về xã hội	57
7.1. Việc làm và thu nhập	57
7.2. Trách nhiệm với sản phẩm, dịch vụ	57
7.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng	58
PHẦN VII - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2023	60
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	61
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP.....	63
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	65
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	68
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	69
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	71

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG VỀ PVOIL

1. Thông tin tổng quát

- ♦ Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
- ♦ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305795054
- ♦ Vốn điều lệ: 10.342.295.000.000 đồng
- ♦ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 10.342.295.000.000 đồng
- ♦ Địa chỉ: Tầng 14-18, Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- ♦ Số điện thoại: (84-28) 3910 6990
- ♦ Số fax: (84-28) 3910 6980
- ♦ Website: www.pvoil.com.vn
- ♦ Mã cổ phiếu: OIL, giao dịch trên Upcom từ ngày 07/3/2018

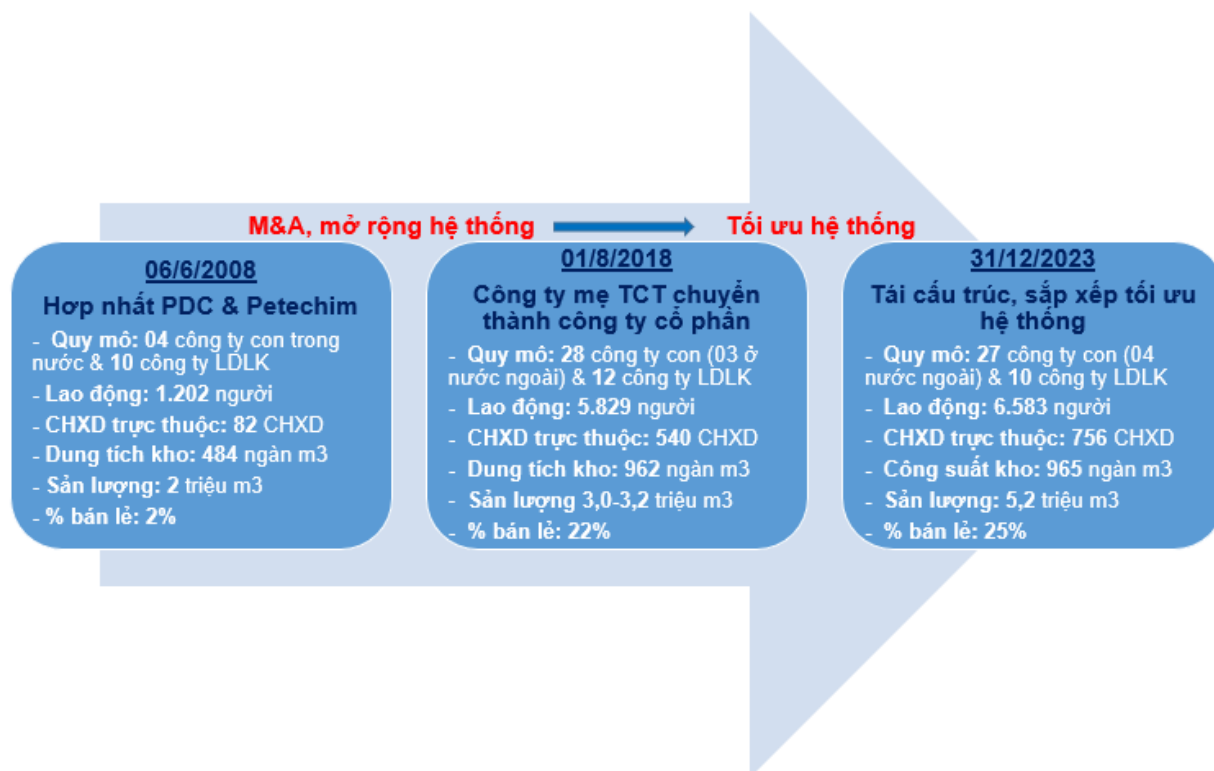
2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) là đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06/06/2008 của Tập đoàn trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim - thành lập tháng 04/1994) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm dầu (PDC - thành lập tháng 04/1996).

PVOIL là đơn vị duy nhất của Tập đoàn tham gia phát triển hoàn chỉnh khâu hạ nguồn của ngành Dầu khí trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, kinh doanh dầu thô và chế biến, tồn trữ, phân phối các sản phẩm dầu.

Trong gần 16 năm hoạt động dưới thương hiệu PVOIL, Tổng Công ty đã liên tục phát triển mở rộng hệ thống mạng lưới kinh doanh xăng dầu (KDXD) trong và ngoài nước thông qua mua bán sáp nhập doanh nghiệp. PVOIL cũng đã không ngừng tái cấu trúc, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo định hướng tối ưu bộ máy, tập trung vào các hoạt động cốt lõi nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động.

Những dấu mốc lịch sử trong quá trình hình thành và phát triển PVOIL:



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Lĩnh vực kinh doanh chính



+ Lĩnh vực ủy thác xuất/ bán dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế

PVOIL là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam tổ chức tiếp thị và thực hiện dịch vụ ủy thác xuất/ bán dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác tại các mỏ nước ngoài. Với bề dày 40 năm kinh nghiệm thực hiện dịch vụ, PVOIL đã trực tiếp xuất bán an toàn và hiệu quả gần 400 triệu tấn dầu thô các loại khai thác từ 16 mỏ dầu trong và ngoài nước.

PVOIL cũng đảm nhiệm việc cung cấp dầu thô nguyên liệu cho Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (Nhà máy lọc dầu Dung Quất) với sản lượng bình quân 7 triệu tấn/năm từ nguồn trong nước và nhập khẩu theo yêu cầu.

+ Lĩnh vực sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn, nhiên liệu sinh học

Sản xuất xăng dầu: PVOIL thực hiện sản xuất, pha chế xăng dầu với sản lượng khoảng

600.000 m³/năm từ nguồn condensate khai thác trong nước của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Toàn bộ lượng xăng sản xuất tiếp tục được đưa vào pha chế xăng sinh học E5 RON 92.

Sản xuất Nhiên liệu sinh học (NLSH): PVOIL có hệ thống pha chế xăng E5 trên cả nước với tổng công suất đạt trên 1,5 triệu m³ E5/năm. PVOIL hiện cung ứng ra thị trường gần 600.000 m³ xăng E5 thương phẩm/năm.

Sản xuất dầu mỡ nhờn: PVOIL LUBE, công ty con của PVOIL, với giá trị thương hiệu kế thừa từ VIDAMO - một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam sản xuất và kinh doanh dầu mỡ nhờn. Sản phẩm của PVOIL LUBE với hơn 140 loại dầu mỡ bôi trơn được sản xuất từ nguồn nguyên liệu chất lượng cao, chủ yếu cung cấp cho các khách hàng công nghiệp và các nhà thầu dầu khí và đang dần mở rộng đến đối tượng khách hàng lẻ thông qua mạng lưới phân phối xăng dầu của PVOIL. Sản phẩm dầu mỡ nhờn của PVOIL được sản xuất tại nhà máy Bình Chiểu (Tp. Hồ Chí Minh) công suất 20.000 tấn/năm.

Kinh doanh sản phẩm dầu Trong lĩnh vực kinh doanh phân phối xăng dầu tại thị trường nội địa, PVOIL xếp vị trí thứ 2 về sản lượng tiêu thụ, chiếm khoảng 20% thị phần. Tại Lào, PVOIL đứng đầu về sản lượng nhập khẩu, chiếm 18% thị phần và trong top 3 doanh nghiệp kinh doanh phân phối xăng dầu lớn nhất.

Trong suốt gần 16 năm hoạt động, thông qua hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), PVOIL đã phát triển mạnh mẽ hệ thống phân phối KDXD rộng khắp cả nước và tại nước bạn Lào.

3.2 Địa bàn kinh doanh và hệ thống phân phối

Trong nước:

Tính đến cuối năm 2023, PVOIL có hệ thống phân phối xăng dầu tại 64/64 tỉnh thành trên cả nước với gần 2.300 cửa hàng xăng dầu (CHXD), trong đó có 756 CHXD trực thuộc và 1.500 CHXD đại lý/nhượng quyền thương mại.

Nước ngoài:

- **Tại Lào,** PVOIL có 02 công ty con là PVOIL Laos kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu và PVOIL Laos Trading kinh doanh phân phối xăng dầu tại 16/18 tỉnh/thành của Lào với hệ thống phân phối là 132 CHXD.
- **Tại Singapore,** PVOIL có công ty con là PVOIL Singapore chuyên kinh doanh dầu thô và sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế.
- **Tại Campuchia,** PVOIL thành lập công ty con là PVOIL Campuchia để nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy chế biến condensate tại đây.

3.3 Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh



- 756 cửa hàng xăng dầu tại 56 tỉnh/thành trên cả nước.
- 14 cửa hàng xăng dầu tại Lào



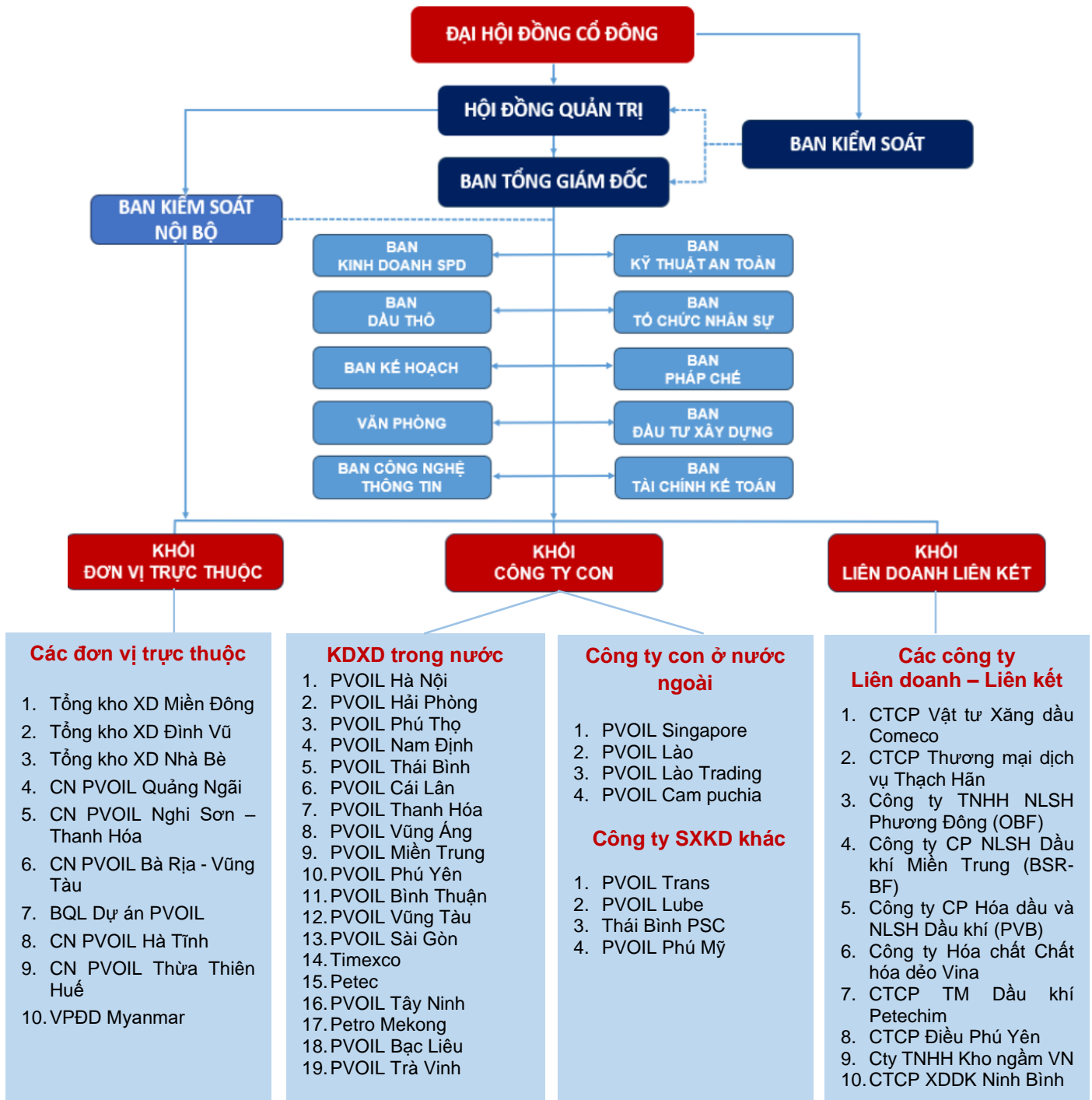
- 30 kho xăng dầu trên cả nước, tổng sức chứa 965 ngàn m³
- 09 kho xăng dầu tại Lào với tổng sức chứa 10.830 m³



- Hơn 250 xe bồn tổng dung tích gần 5.000 m³
- 07 sà lan tổng dung tích 10.780 m³

4. Mô hình quản trị công ty

Kể từ ngày 01/8/2018, Công ty mẹ Tổng Công ty Dầu Việt Nam chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với mô hình tổ chức bộ máy như sơ đồ sau:



5. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

- Các công ty con: Chi tiết xin xem tại thuyết minh BCTC kiểm toán (trang 72-74 báo cáo này)
- Các công ty liên doanh, liên kết: Chi tiết xin xem tại thuyết minh BCTC kiểm toán (trang 75 báo cáo này)

6. Ban lãnh đạo Tổng công ty

6.1. Hội đồng quản trị

Cơ cấu Hội đồng quản trị PVOIL được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua gồm 7 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập.

Thành viên HĐQT được ĐHĐCĐ bầu chọn và tham gia HĐQT PVOIL trong năm 2023 gồm:

Ông Cao Hoài Dương, Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 30/01/1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Hóa học; Thạc sĩ Hóa Công nghệ

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có hơn 30 năm đóng góp cho ngành dầu khí. Trải qua các vị trí từ chuyên viên, lãnh đạo cấp trung đến tham gia quản lý điều hành của ngành Dầu khí như: Phó Tổng giám đốc Liên doanh Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Tổng giám đốc Tổng công ty Đạm và Hóa chất Dầu khí (Đạm Phú Mỹ). Với tư duy chiến lược sắc bén và kiến thức sâu rộng trong nhiều lĩnh vực, ông khẳng định uy tín, vai trò qua từng vị trí công tác với nhiều đóng góp quan trọng. Tháng 01/2016, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam điều động về Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV giữ cương vị Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty. Khi PVOIL chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần - từ 01/8/2018, ông tiếp tục đảm nhận vị trí Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc PVOIL. Đến ngày 23/9/2020 ông được HĐQT tín nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT chuyên trách. Tại ĐHĐCĐ thường niên 2023, ông tiếp tục được tín nhiệm bầu tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 và HĐQT bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT.

Ông Cao Hoài Dương đang nắm giữ 284.639.404 cổ phần (tương đương 27,52% vốn điều lệ) tại PVOIL. Trong đó, 284.634.304 cổ phần là đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và 5.100 cổ phần là sở hữu của cá nhân.

Ông Đoàn Văn Nhuộm, Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Ngày sinh: 07/11/1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Trắc địa công trình

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có gần 37 năm đóng góp cho ngành Dầu khí, đã tham gia quản lý điều hành nhiều đơn vị lớn trong ngành như Giám đốc Công ty kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam, Tổng Giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo), Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Vận tải dầu khí (PV Trans). Ông đã có nhiều năm gắn bó với PVOIL, nguyên là Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ (PDC) – tiền thân của PVOIL và là Tổng Giám đốc PVOIL từ tháng 10/2014-12/2015. Với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, tháng 9/2020, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam điều động về PVOIL giữ cương vị Tổng Giám đốc Tổng công ty. Ông đồng thời được ĐHĐCĐ bầu chọn là thành viên HĐQT của Tổng công ty từ tháng 01/2021 đến nay.

Ông Đoàn Văn Nhuộm đang nắm giữ 237.884.774 cổ phần (tương đương 23% vốn điều lệ) đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL và không có cổ phần sở hữu cá nhân.

Ông Trần Hoài Nam, Thành viên HĐQT PVOIL

Phó Tổng Giám đốc HD Bank

Ngày sinh: 14/08/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý công nghiệp

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Với kinh nghiệm quản lý và điều hành tại các công ty quy mô lớn (như Viện Đo lường Việt Nam, Ngân hàng Citibank Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM, Công ty CP Thương mại Dầu khí - PETECHIM, Công ty Cổ phần Hàng không VietJet...), ông Nam được ĐHĐCĐ Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP tin tưởng và bầu chọn làm thành viên HĐQT (không chuyên trách) kể từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Ông hiện không sở hữu cổ phần tại PVOIL.

Ông Lê Văn Nghĩa, Thành viên HĐQT PVOIL

Chủ tịch HĐQT PetroMekong, PVOIL Cái Lân, Comeco (kiêm nhiệm)

Ngày sinh: 05/07/1966

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có nhiều năm kinh nghiệm quản lý và giám sát hoạt động tài chính doanh nghiệp, quản trị rủi ro trước khi về đầu quân cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Gia nhập Tổng công ty Dầu Việt Nam từ 02/2011, ông lần lượt nắm giữ các chức vụ như Phó, Trưởng ban Kiểm soát nội bộ, thành viên HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Ông tiếp tục cương vị thành viên HĐQT PVOIL sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Ông Lê Văn Nghĩa đang nắm giữ 103.428.762 cổ phần tại PVOIL (tương đương 10% vốn điều lệ của PVOIL). Trong đó, 103.428.162 cổ phần là đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và 600 cổ phần là sở hữu của cá nhân ông.

Ông Nguyễn Mậu Dũng, Thành viên HĐQT PVOIL

Chủ tịch HĐQT PVOIL Phú Yên, PVOIL Nam Định, PVOIL Vũng Áng (kiêm nhiệm)

Ngày sinh: 02/01/1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Gia nhập ngành từ hơn 30 năm trước, ông Nguyễn Mậu Dũng đã nắm giữ nhiều vị trí quản lý quan trọng tại các đơn vị lớn và công ty mẹ Tập đoàn dầu khí Việt Nam như: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty xây dựng Dầu Khí (PVC), Phó tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam (PVGAS), Trưởng ban Thương mại thị trường Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN). Ông Dũng được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giới thiệu và ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của PVOIL bầu làm thành viên HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP vào tháng 01/2021.

Ông là người đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL với 103.428.162 cổ phần (tương đương 10% vốn điều lệ của PVOIL) và hiện không sở hữu cổ phần tại PVOIL

Ông Nguyễn Đăng Trình, Thành viên HĐQT PVOIL

Ngày sinh: 20/07/1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Với gần 20 năm hoạt động trong ngành Dầu khí, ông Nguyễn Đăng Trình đã kinh qua các vị trí Trưởng phòng Kế toán Chi nhánh Công ty CP kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam; Kế toán trưởng Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam; Kế toán trưởng Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL); Tháng 6/2019 ông được HĐQT PVOIL bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc PVOIL. Từ 27/4/2023 ông được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 đồng thời tiếp tục nắm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc PVOIL.

Ông là người đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL với 103.428.162 cổ phần (tương đương 10% vốn điều lệ của PVOIL) và hiện không sở hữu cổ phần tại PVOIL.

Ông Nguyễn Xuân Quyền, Thành viên độc lập HĐQT PVOIL

Ngày sinh: 06/8/1956

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu biển.

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Hơn 20 năm làm việc trong ngành Dầu khí trong đó có 10 năm làm việc tại PVOIL và đơn vị tiền thân, trước khi nghỉ hưu (ngày 01/9/2016), ông Quyền từng giữ chức thành viên Hội đồng thành viên PVOIL. Từ 27/4/2023 ông được bầu làm thành viên độc lập HĐQT PVOIL nhiệm kỳ 2023-2028.

Ông hiện không sở hữu cổ phần tại PVOIL

Ông Hạng Anh Minh, Thành viên độc lập HĐQT

Ngày sinh: 10/11/1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý dự án

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông Minh đã có hơn 25 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí và từng nắm giữ các chức vụ quan trọng như Phó Ban Đầu tư tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC). Ông được ĐHĐCĐ bầu chọn làm thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP từ ngày 01/8/2018 – 26/4/2023 và đã thôi nhiệm kể từ ngày 27/4/2023.

Tại thời điểm thôi nhiệm, ông không nắm giữ cổ phần của PVOIL.

Ông Lê Ngọc Quang, Thành viên độc lập HĐQT

Ngày sinh: 21/03/1966

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Lọc hóa dầu; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có hơn 30 năm gắn bó với ngành Dầu khí ở nhiều vị trí công tác khác nhau, với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong các lĩnh vực thương mại, quản lý dự án Uy tín, kinh nghiệm và những đóng góp tích cực của ông trong ngành dầu khí là cơ sở để ĐHĐCĐ Tổng Công ty tin tưởng và bầu chọn ông giữ chức vụ thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP từ ngày 01/8/2018 - 26/4/2023. Ông đã thôi nhiệm tại PVOIL từ ngày 27/4/2023.

Tại thời điểm thôi nhiệm, ông không nắm giữ cổ phần của PVOIL.

6.2. Ban kiểm soát

Trưởng ban kiểm soát Nguyễn Đức Kện

Ngày sinh: 25/9/1964

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có gần 29 năm làm việc trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong đó có 17 năm ở lĩnh vực tài chính kế toán và quản lý tài chính các dự án dầu khí tại Công ty Mẹ Tập đoàn và tại các đơn vị thành viên. Ông là Trưởng ban Kiểm soát PVOIL nhiệm kỳ 2018-2022, nhiệm kỳ 2023-2028 ông tiếp tục được Tập đoàn Dầu khí tin nhiệm giới thiệu và được bầu chọn làm Trưởng ban Kiểm soát.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Thành viên Ban Kiểm soát Phạm Thanh Sơn

Ngày sinh: 01/8/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có gần 26 năm làm việc tại PVOIL và đơn vị tiền thân Petechim. Ông là kiểm soát viên của PVOIL từ ngày đầu thành lập – 06/6/2008 và tiếp tục được bầu làm thành viên ban kiểm soát khi PVOIL chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần từ 01/8/2018 đến nay.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Thành viên Ban Kiểm soát Lê Vinh Văn

Ngày sinh: 16/12/1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán, Cử nhân Ngữ văn Anh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có hơn 20 năm làm việc trong ngành Dầu khí ở lĩnh vực Thương mại, Kế toán tài chính và Kiểm soát. Với kinh nghiệm hơn 15 năm làm công tác kiểm soát tại Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí (PVFCCo), ông được Tập đoàn dầu khí Việt Nam giới thiệu và ĐHĐCĐ thường niên 2023 của PVOIL bầu làm thành viên Ban Kiểm soát PVOIL nhiệm kỳ 2023-2028 kể từ ngày 27/4/2023.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Thành viên Ban Kiểm soát Trần Thị Phượng

Ngày sinh: 15/12/1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán doanh nghiệp

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Bà có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và kiểm soát. Bà là kiểm soát viên của PVOIL từ khi thành lập (06/6/2008) và tiếp tục được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – PVN giới thiệu bầu chọn thành viên Ban kiểm soát khi PVOIL chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần (từ 01/8/2018). Ngày 27/4/2023, tại ĐHĐCĐ thường niên 2023, bà đã từ nhiệm vị trí thành viên Ban kiểm soát để nhận nhiệm vụ khác do PVN giao.

Tại thời điểm từ nhiệm, bà không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

6.3. Ban điều hành

Tổng Giám đốc Đoàn Văn Nhuộm

Ngày sinh: 07/11/1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Trắc địa công trình

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có gần 37 năm đóng góp cho ngành dầu khí, đã tham gia quản lý điều hành nhiều đơn vị lớn trong ngành Dầu khí như Giám đốc Công ty kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam, Tổng Giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo), Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Vận tải dầu khí (PV Trans). Ông đã có nhiều năm gắn bó với PVOIL, nguyên là Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ (PDC) – tiền thân của PVOIL và là Tổng Giám đốc PVOIL từ tháng 10/2014-12/2015. Với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, tháng 09/2020, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam điều động về PVOIL giữ cương vị Tổng Giám đốc Tổng công ty và tham gia thành viên HĐQT của Tổng công ty từ tháng 01/2021 đến nay.

Ông Đoàn Văn Nhuận đang nắm giữ 237.884.774 cổ phần đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL và không có cổ phần sở hữu cá nhân.

Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Anh Toàn

Chủ tịch HĐQT PVOIL Phú Yên, PVOIL Vũng Áng PVOIL Lào, PVOIL Lào Trading (kiêm nhiệm)

Ngày sinh: 17/9/1962

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Gia nhập ngành dầu khí từ năm 1994, ông đã trải qua các vị trí Phó/Trưởng phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Petec, Trưởng Ban Sản phẩm dầu Tổng công ty trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV từ tháng 6/2011. Từ 01/8/2018 – 30/6/2023 ông tiếp tục tham gia quản lý và điều hành tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP ở cương vị Phó Tổng Giám đốc. Ông đã nghỉ hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/7/2023, đồng thời thôi giữ các chức vụ tại các công ty con của PVOIL.

Tại thời điểm nghỉ hưu, ông còn sở hữu 1.700 cổ phần của PVOIL.

Phó Tổng Giám đốc Võ Khánh Hưng

Giám đốc PVOIL Cambodia, Thành viên HĐQT Petechim (kiêm nhiệm)

Chủ tịch HĐQT PVOIL Lào & PVOIL Lào Trading (kiêm nhiệm từ ngày 01/7/2023).

Ngày sinh: 28/9/1965

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật Hóa dầu; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: PTGD Võ Khánh Hưng gắn bó với Petechim – đơn vị tiền thân của PVOIL ngay từ những ngày đầu thành lập (tháng 8/1992), ông Hưng là một trong những gương mặt tiêu biểu về sự cống hiến trong từng bước tiến của Tổng công ty. Trong suốt hơn 30 năm công tác, ông đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao phó. Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV từ tháng 6/2008 và tiếp tục nắm giữ cương vị này sau khi Tổng Công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP đến nay.

Ông hiện đang sở hữu 2.200 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Tuấn Tú

Chủ tịch HĐQT Petec, Thành viên HĐQT PVB, BSR-BF, OBF (kiêm nhiệm)

Ngày sinh: 30/3/1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán; Cử nhân Anh văn; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông Tú đã có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí, nắm giữ nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính kế toán. Gia nhập Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechem) - tiền thân của PVOIL từ tháng 05/2006 với cương vị Kế toán trưởng. Đến tháng 06/2011 ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Hiện ông đang tiếp tục phát huy vai trò, nhiệm vụ ở cương vị này khi Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 01/8/2018.

Ông hiện đang sở hữu 1.000 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Đăng Trình

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 20/7/1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí, 13 năm ở lĩnh vực tài chính kế toán. Ông được tin tưởng và bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty từ tháng 12/2014 và đã có nhiều đóng góp vào quá trình hoàn thiện công tác kế toán quản trị tại Tổng công ty. Từ ngày 01/8/2018 khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP, ông tiếp tục giữ chức Kế toán trưởng và sau đó từ ngày 03/6/2019 được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty. Từ 27/4/2023 ông được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 đồng thời tiếp tục nắm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc PVOIL.

Ông là người đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL với 103.428.162 cổ phần (tương đương 10% vốn điều lệ của PVOIL) và hiện không sở hữu cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng Giám đốc Vũ Hoài Lam

Chủ tịch HĐQT PVOIL Hà Nội (kiêm nhiệm đến ngày 07/8/2023)

Ngày sinh: 22/4/1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế lao động; Thạc sĩ Kinh tế Thương mại

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Với nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức quốc tế uy tín, tháng 5/2011 ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Ông tiếp tục giữ cương vị này sau khi Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình CTCP - từ ngày 01/8/2018. Ông thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc PVOIL từ 07/8/2023 để nhận nhiệm vụ khác.

Tại thời điểm thôi nhiệm, ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Phó Tổng Giám đốc Hoàng Đình Tùng

Thành viên HĐQT PVOIL Singapore (kiêm nhiệm)

Ngày sinh: 03/12/1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu tại PVOIL và đơn vị tiền thân Petechem, đảm nhiệm qua các vị trí từ Chuyên viên Kinh doanh, Phó phòng Kinh doanh, Phó ban XNK Dầu thô và Sản phẩm dầu/Phó ban Kinh doanh Sản phẩm dầu, Giám đốc PVOIL Vũng Tàu và Trưởng ban Kinh doanh Sản phẩm dầu. Ông được HĐQT tín nhiệm bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty từ ngày 15/8/2023 đến nay.

Ông hiện đang sở hữu 1.000 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng Giám đốc Lê Thị Thu Hương

Ngày sinh: 09/10/1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh; Cử nhân Anh văn, Cử nhân Pháp văn

Kinh nghiệm nghề nghiệp: bà đã đảm nhiệm qua các vị trí Chuyên viên, Phó phòng quản lý Văn phòng đại diện ở nước ngoài - Sở Thương mại Hà Nội; Chuyên viên Vụ thương mại & Dịch vụ - Bộ KHĐT; Trưởng ban Luật và Hợp tác quốc tế PV Power; Phó trưởng ban Đầu tư phát triển PVN và Phó Tổng Giám đốc PVFCCo (từ 3/2013 – 8/2023). Bà được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giới thiệu bổ nhiệm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc PVOIL từ ngày 15/8/2023.

Hiện bà không sở hữu cổ phần tại PVOIL.

Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Ngọc Ninh

Ngày sinh: 07/10/1975





Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí ở lĩnh vực tài chính kế toán. Từng giữ các chức vụ Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng phòng Đầu tư, Trưởng phòng Giao dịch Công ty cổ phần Tài chính Dầu khí. Tháng 11 năm 2011 ông về công tác tại Tổng công ty Dầu Việt Nam ở vị trí Phó ban TCKT và sau đó tháng 10/2017 được bổ nhiệm chức Trưởng ban Kiểm soát nội bộ Tổng công ty. Với năng lực và kinh nghiệm trong công tác quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và quản lý công nợ, từ ngày 09/9/2019 đến nay ông được bổ nhiệm và giữ chức Kế toán trưởng Tổng công ty.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.




7. Định hướng phát triển

PVOIL kiên định với định hướng phát triển Tổng công ty dựa trên các quan điểm sau:

-  Phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Tập trung vào 02 lĩnh vực hoạt động chính là XNK kinh doanh dầu thô và sản xuất, kinh doanh sản phẩm dầu.
-  Tiếp tục kiên định với định hướng phát triển hệ thống phân phối, đảm bảo tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng và phát huy tối đa cơ sở hạ tầng đã đầu tư.
-  Phát triển ổn định, bền vững, an toàn và hiệu quả; gắn hoạt động SXKD với bảo vệ môi trường và hướng tới lợi ích chung của toàn xã hội.
-  Không ngừng hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, ứng dụng CNTT, tự động hóa và mô hình quản trị tiên tiến nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

Mục tiêu phát triển giai đoạn 2021-2025

❖ Mục tiêu tổng quát

-  PVOIL Là đơn vị duy nhất thực hiện nhiệm vụ xuất khẩu và kinh doanh dầu thô của Tập đoàn, cung cấp dầu thô từ nguồn nội địa và nhập khẩu cho NMLD Dung Quất.
-  Tăng trưởng sản lượng KDXD đạt trên 5%/năm, giữ ổn định thị phần.
-  Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối theo hướng gia tăng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp, phấn đấu tỷ trọng bán lẻ và khách hàng công nghiệp đạt tối thiểu 50% vào năm 2025.

❖ Mục tiêu cụ thể

- ✔ Sản lượng KDXD đến 2025 đạt 3,8-4,0 triệu m³/tấn; Tỷ trọng bán lẻ đạt tối thiểu 30% vào năm 2025.
- ✔ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ bình quân 6%.

7.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh



Lĩnh vực ủy thác dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế: Xuất/bán an toàn và hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác ở nước ngoài; cung cấp đầy đủ dầu thô nguyên liệu cho NMLD Dung Quất theo yêu cầu. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dầu quốc tế, khẳng định thương hiệu PVOIL trong lĩnh vực này.



Lĩnh vực sản xuất, pha chế: Triển khai sản xuất pha chế xăng sinh học đáp ứng nhu cầu thị trường và theo lộ trình của Chính phủ; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm DMN thương hiệu PVOIL LUBE.



Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu: Giữ ổn định thị phần và hệ thống phân phối; tập trung gia tăng tỷ trọng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp, bền vững (bán lẻ và bán khách hàng công nghiệp) và xúc tiến phát triển các dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD.

7.2. Tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp

Xác định công tác tái cấu trúc là yêu cầu cấp bách nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống, hướng tới các mục tiêu phát triển dài hạn, PVOIL đã tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu giai đoạn 2020 – 2025 với mục tiêu chính là rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị thành viên kinh doanh xăng dầu (KDXD) để đảm bảo hiệu quả hoạt động, tiết giảm chi phí quản lý vận hành, tránh trùng lắp, cạnh tranh nội bộ trên cùng địa bàn, lĩnh vực kinh doanh.

7.3. Nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực

Công tác nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực được chú trọng, thông qua các giải pháp:

- ✔ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản trị điều hành hướng tới mô hình quản trị hiện đại, minh bạch, chuyên nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế và áp dụng khoa học công nghệ, số hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ khách hàng.
- ✔ Chú trọng chất lượng tuyển dụng mới; bố trí đúng người đúng việc; Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực và phát triển nguồn nhân lực....

8. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của PVOIL

Rủi ro lãi suất: Lãi suất là một chỉ số tài chính quan trọng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của PVOIL do một phần vốn lưu động và đầu tư là vốn vay. Tuy nhiên, nhờ có dòng tiền tốt và tín nhiệm cao với các ngân hàng nên PVOIL luôn thu xếp được các khoản vay với lãi suất ưu đãi, giúp giảm thiểu chi phí kinh doanh.

Rủi ro tỷ giá: Là doanh nghiệp nhập khẩu, kinh doanh xăng dầu nên PVOIL chịu ảnh hưởng về biến động tỷ giá. PVOIL đã áp dụng hình thức giao dịch kỳ hạn để hạn chế rủi ro. Tuy nhiên, từ cuối năm 2018, nguồn cung từ 2 NMLD trong nước đã đáp ứng hơn 70% nhu cầu nội địa và PVOIL ưu tiên tiêu thụ nguồn hàng này, chỉ nhập khi thiếu hụt nên đã giảm thiểu được rủi ro về tỷ giá.

Rủi ro về giá dầu: Giá dầu thô và xăng dầu trên thế giới biến động liên tục, rất khó lường, phức tạp và phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình địa chính trị, tình hình kinh tế tại các nước như Mỹ, Trung Quốc, châu Âu; diễn biến nhu cầu và nguồn cung trên toàn thế giới cũng như các yếu tố tài chính, tâm lý thị trường. Để ứng phó, PVOIL đặc biệt chú trọng công tác phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và có chính sách điều hành linh hoạt.

Rủi ro về điều hành kinh doanh xăng dầu (KDXD) của Chính phủ: Hoạt động kinh doanh của Công ty có liên quan mật thiết với giá dầu thô và xăng dầu trên thị trường thế giới và điều hành giá của Chính phủ. Điều hành KDXD của Chính phủ trong những năm gần đây đã thể hiện sự minh bạch và tiếp cận thị trường, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn rủi ro cho doanh nghiệp (công thức giá, biên độ điều chỉnh giá; sử dụng các công cụ điều tiết khác như quỹ bình ổn và thuế; bắt buộc về tồn kho lưu thông 20 ngày; ấn định mức chi phí và lợi nhuận định mức trong KDXD).

Rủi ro cháy nổ, ô nhiễm môi trường: Kinh doanh xăng dầu là ngành nghề có rủi ro cao về cháy, nổ, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường... Khi có sự cố xảy ra sẽ để lại hệ lụy nặng nề đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Để hạn chế và kiểm soát rủi ro đặc thù này, PVOIL đã đầu tư, trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định, tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ, thuê đơn vị chuyên ngành triển khai các giải pháp phòng, chống tràn dầu và mua đầy đủ các loại bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm cháy nổ...

Rủi ro về pháp luật: Là một công ty cổ phần đại chúng, hoạt động kinh doanh của PVOIL bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Tổng công ty. Để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, PVOIL luôn theo dõi và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan trong hệ thống, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Tổng công ty.

Rủi ro khác: Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của PVOIL có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

PHẦN II

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Cơ cấu HĐQT PVOIL được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua gồm 7 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập. Chi tiết xin xem tại Mục 6.1 Phần I của báo cáo này.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc. Theo cơ cấu tổ chức của Tổng công ty, HĐQT quyết định thành lập Ban Kiểm soát nội bộ (KSNB) là bộ phận tham mưu, giúp việc trực thuộc HĐQT và giao chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động hệ thống cho Ban KSNB. Thực hiện Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/11/2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ, HĐQT đã giao bổ sung nhiệm vụ thực hiện công tác kiểm toán nội bộ cho Ban KSNB, đồng thời ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ và Quy trình kiểm toán nội bộ của Tổng công ty làm cơ sở triển khai hoạt động này.

1.3. Hoạt động của HĐQT trong năm 2023

- ✔ HĐQT đã xây dựng và ban hành “Chương trình công tác năm 2023 của HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP” theo Quyết định số 12/QĐ-DVN ngày 11/01/2023 nhằm cụ thể hóa các nội dung công tác, bao gồm các nhiệm vụ có tính chất chiến lược, định hướng phát triển trung, dài hạn đối với Tổng công ty; các nhiệm vụ thường xuyên gắn liền với kế hoạch SXKD hàng năm được ĐHĐCĐ giao và việc thực hiện chức năng lãnh đạo, quản lý các mặt hoạt động của Tổng công ty. Định kỳ 6 tháng/lần, HĐQT tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình công tác.
- ✔ HĐQT tổ chức phân công nhiệm vụ cho từng Thành viên HĐQT phù hợp với thể mạnh, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm công tác của từng thành viên.
- ✔ Mỗi Thành viên HĐQT luôn đề cao tinh thần làm việc trách nhiệm, dân chủ; Xử lý nhanh chóng, kịp thời các vấn đề, đề xuất/kiến nghị của Tổng Giám đốc; Ban hành các nghị quyết, quyết định phù hợp thẩm quyền. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ theo nguyên tắc đa số, dựa trên kết quả biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc biểu quyết thông qua hình thức phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT; Tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.
- ✔ Trong năm, HĐQT đã tổ chức 13 cuộc họp, ban hành 99 nghị quyết và quyết định để quản lý/chỉ đạo các hoạt động của PVOIL trên mọi lĩnh vực; Tổ chức giám sát và đánh giá kịp thời kết quả thực hiện nội dung các nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; Tổ chức giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác theo Điều lệ; Tổ chức giám sát trực tiếp toàn diện tình hình SXKD của các đơn vị thành viên trong hệ thống PVOIL và chỉ đạo các đơn vị khắc phục những tồn tại và yếu kém được phát hiện thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát.
- ✔ Năm 2023, lãnh đạo PVOIL hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2023 trong bối cảnh suy thoái kinh tế và lạm phát toàn cầu, giá dầu thế giới biến động khó lường, nguồn cung trong nước tại một số thời điểm khan hiếm do NMLHD Nghi Sơn tạm dừng hoạt động để bảo dưỡng.
- ✔ Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2023 và thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

- ✓ Cuối năm 2023, HĐQT đã tổ chức họp kiểm điểm, nghiêm túc đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo cũng như kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT; Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023; Kiểm điểm sâu sát về việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được cấp có thẩm quyền kết luận hoặc được chỉ ra ở các kỳ kiểm điểm trước.

1.4. Các cuộc họp HĐQT trong năm 2023:

TT	Thời gian	SL tham dự	Nội dung	Kết quả
1	06/01/2023	7/7	1. Giao kế hoạch SXKD năm 2023 cho Công ty mẹ và đơn vị thành viên. 2. Xem xét nguyên tắc xác định giá khởi điểm chào bán phần vốn của PVOIL tại PVChem. 3. Thông qua Chương trình công tác năm 2023 của HĐQT Tổng công ty. 4. Phê duyệt nguyên tắc chi thưởng cho Người quản lý từ quỹ thưởng Ban điều hành năm 2021. 5. Phân công nhiệm vụ trong HĐQT Tổng công ty.	Cuộc họp đạt được sự thống nhất về các nội dung được đưa ra thảo luận.
2	08/02/2023	7/7	1. Báo cáo kết quả SXKD tháng 1 và nhiệm vụ trọng tâm các tháng tiếp theo của Tổng công ty. 2. Xem xét phương án đầu tư mua cổ phần của cổ đông để chuyển đổi PVOIL Thanh Hóa thành Công ty TNHH MTV. 3. Xem xét chủ trương về công tác nhân sự tại đơn vị thành viên.	Cuộc họp thảo luận và giao Thư ký lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản liên quan đến các kiến nghị của Tổng giám đốc trình HĐQT.
3	01/03/2023	7/7	Xem xét, cập nhật tình hình liên quan đến các dự án Nhiên liệu Sinh học có vốn góp của Tổng công ty.	Cuộc họp thống nhất hướng xử lý tiếp theo đối với các dự án NLSH và giao Tổng giám đốc Tổng công ty triển khai thực hiện.
4	27/04/2023	7/7	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2023 – 2028.	100% các thành viên tham dự họp bầu ông Cao Hoài Dương giữ chức Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2023 – 2028.
5	11/05/2023	6/7	1. Báo cáo kết quả SXKD tháng 4 và nhiệm vụ trọng tâm các tháng tiếp theo của Tổng công ty. 2. Ernst & Young Việt Nam báo cáo tư vấn tổng thể về hoạt động SXKD của PVOIL Lào và PVOIL Lào Trading.	Cuộc họp thảo luận các nội dung được trình bày. Góp ý, phản biện và đề nghị Ernst & Young Việt Nam hoàn thiện báo cáo tư vấn về hoạt động của PVOIL Lào và PVOIL Lào Trading.

TT	Thời gian	SL tham dự	Nội dung	Kết quả
6	06/06/2023	6/7	1. Báo cáo kết quả SXKD tháng 5 và nhiệm vụ trọng tâm các tháng tiếp theo của Tổng công ty. 2. Xem xét việc bổ sung kế hoạch đầu tư năm 2023 cho Công ty mẹ - PVOIL. 3. Báo cáo, cập nhật tình hình triển khai công tác tái cấu trúc của Tổng công ty và các đơn vị thành viên. 4. Báo cáo, cập nhật tình hình triển khai công tác Chuyển đổi số và triển khai ERP tại Tổng công ty.	Cuộc họp đạt được sự thống nhất về các nội dung được đưa ra thảo luận.
7	30/06/2023	7/7	Thảo luận về phương án thuê PVOIL Thanh Hóa quản lý, vận hành Kho Xăng dầu Nghi Sơn.	HDQT đồng ý chủ trương Tổng công ty thuê PVOIL Thanh Hóa quản lý, vận hành Kho Xăng dầu Nghi Sơn.
8	12/07/2023	7/7	1. Đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm – Chương trình công tác năm 2023 của HDQT Tổng công ty. 2. Xem xét tình hình khắc phục tình trạng giám sát tài chính đặc biệt tại các đơn vị thành viên. 3. Xem xét chủ trương giới thiệu công ty cung cấp dịch vụ kiểm toán uy tín cho các đơn vị thành viên.	HDQT thảo luận về những việc đã hoàn thành trong 6 tháng đầu năm và đề ra các mục tiêu cần tập trung chỉ đạo trong 6 tháng cuối năm 2023. Giao Tổng giám đốc triển khai các giải pháp nhằm khắc phục tình trạng giám sát tài chính đặc biệt tại các đơn vị thành viên.
9	07/09/2023	6/7	1. Báo cáo kết quả SXKD tháng 8 và nhiệm vụ trọng tâm các tháng tiếp theo của Tổng công ty. 2. Cập nhật, xem xét tình hình triển khai công tác Tái cơ cấu Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên. 3. Cập nhật, xem xét tình hình xử lý các dự án Nhiên liệu Sinh học có vốn góp của Tổng công ty. 4. Cập nhật, xem xét tình hình triển khai công tác quyết toán Cổ phần hóa Công ty mẹ - PVOIL và Petec.	Cuộc họp đạt được sự thống nhất về các nội dung được đưa ra thảo luận.
10	02/11/2023	7/7	1. Báo cáo kết quả SXKD tháng 10 và nhiệm vụ trọng tâm các tháng tiếp theo của Tổng công ty. 2. Xem xét các kiến nghị của Ban điều hành trình HDQT Tổng công ty liên quan đến bổ sung kế hoạch cho PVOIL Lào, PVOIL Vũng Áng và trình thông qua báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Mở rộng Kho Petec Hải Phòng.	Cuộc họp đạt được sự thống nhất về các nội dung được đưa ra thảo luận; Giao Tổng giám đốc Tổng công ty tiếp thu các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra.

TT	Thời gian	SL tham dự	Nội dung	Kết quả
			3. Cập nhật, xem xét tình hình triển khai công tác Tái cơ cấu Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên. 4. Báo cáo nội dung đánh giá và khuyến nghị của đoàn Kiểm toán nội bộ PVN về hoạt động của PVOIL. 5. Báo cáo kết luận kiểm tra của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công tác đầu tư và đấu thầu của PVOIL giai đoạn 2015 – 2021.	
11	23/11/2023	7/7	1. Thảo luận về định hướng giao kế hoạch SXKD năm 2024 cho các đơn vị thành viên. 2. Xem xét kiến nghị của Ban Điều hành về: (i) Tăng vốn điều lệ cho PVOIL Trans; (ii) Cập nhật báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Mở rộng Kho Petec Hải Phòng.	Cuộc họp thảo luận và giao Thư ký lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản liên quan đến các kiến nghị của Tổng giám đốc trình HĐQT.
12	18/12/2023	6/7	1. Cập nhật tình hình xử lý các dự án Nhiên liệu Sinh học có vốn góp của Tổng công ty. 2. Xem xét giao các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024 cho Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên. 3. Tổng kết chương trình công tác năm 2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP.	Cuộc họp thảo luận và giao nhiệm vụ cho Tổng giám đốc Tổng công ty: (i) triển khai các công việc liên quan đến các dự án NLSH; (ii) tổ chức giao kế hoạch năm 2024 cho các đơn vị thành viên. Cuộc họp đánh giá chung hoạt động của HĐQT trong năm 2023 được tổ chức bài bản, tuân thủ đúng các quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định nội bộ của Tổng công ty.
13	28/12/2023	6/7	1. Báo cáo, cập nhật, điều chỉnh hiệu quả kinh tế Dự án Mở rộng sức chứa 40.000 m ³ Kho Xăng dầu Petec Hải Phòng. 2. Thảo luận Chương trình công tác năm 2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP.	Cuộc họp thảo luận các nội dung được trình bày và thống nhất thông qua chương trình công tác năm 2024 của HĐQT Tổng công ty.

1.5. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Tổng công ty được tổ chức vào ngày 27/4/2023, có 5/7 Thành viên HĐQT kết thúc nhiệm kỳ 5 năm (2018 – 2023), trong đó có 02 Thành viên độc lập HĐQT là ông Hạng Anh Minh và ông Nguyễn Ngọc Quang. ĐHĐCĐ đã tổ chức bầu 5 Thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới, trong đó ông Nguyễn Xuân Quyền đã được bầu làm Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.

Từ 01/01/2023 đến 27/4/2023, 02 Thành viên độc lập được phân công nhiệm vụ như sau:

- ☑ Ông Hạng Anh Minh: Phụ trách lĩnh vực kế hoạch, đầu tư; theo dõi, giám sát hoạt động của 08 đơn vị gồm: PVOIL Thanh Hóa, PVOIL Nghi Sơn, PVOIL Bà Rịa – Vũng Tàu, Petec, PVOIL Trà Vinh, PVOIL Bạc Liêu, PVOIL Lào, PVOIL Lào Trading.
- ☑ Ông Lê Ngọc Quang: Phụ trách lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, an toàn, sức khỏe và môi trường, sản xuất; theo dõi, giám sát hoạt động của 08 đơn vị gồm: PVOIL Hải Phòng, PVOIL Đình Vũ, PVOIL Thái Bình, Thái Bình PSC, PVOIL Phú Yên, PVOIL Phú Mỹ, PVOIL Nhà Bè, Timexco.

Từ ngày 27/4/2023, ông Nguyễn Xuân Quyền - Thành viên độc lập được phân công: Phụ trách lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, an toàn, sức khỏe và môi trường, sản xuất trong toàn hệ thống; theo dõi, giám sát hoạt động 8 của đơn vị gồm: PVOIL Hải Phòng, PVOIL Đình Vũ, PVOIL Thái Bình, Thái Bình PSC, PVOIL Phú Mỹ, PVOIL Nhà Bè, Timexco.

Trong năm 2023, các Thành viên độc lập HĐQT đều thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo phân công của HĐQT; Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, có ý kiến và biểu quyết độc lập về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT; Tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của các ĐVTV theo phân công công việc của HĐQT.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty; Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia trong năm 2023 cụ thể như sau:

- ☑ Tháng 2/2023: 02 Lãnh đạo PVOIL tham gia khóa “Nhà Lãnh đạo dẫn dắt trong thế giới biến động” do Công ty TNHH Đại học Fulbright Việt Nam tổ chức.
- ☑ Tháng 3/2023: PVOIL đã tổ chức đào tạo “Luật chứng khoán và Công bố thông tin dành cho Lãnh đạo và CBNV PVOIL” cho các cán bộ quản lý và cán bộ liên quan công tác quản trị và công bố thông tin trong toàn Tổng công ty.
- ☑ Tháng 11/2023: ông Nguyễn Đăng Trình – PTGD tham gia chương trình đào tạo Chứng nhận Thành viên HĐQT tích hợp Quản trị môi trường và Xã hội (DCP-iEGS)..

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS)

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP đã bầu 3 thành viên Ban kiểm soát làm việc chuyên trách, thông tin xin xem tại Mục 6.2 Phần I của báo cáo này.

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- ☑ Thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc chấp hành các quy định về kinh doanh xăng dầu, giám sát công tác quản lý vốn, công tác đầu tư tại các đơn vị thành viên đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp, công tác bảo toàn phát triển vốn.
- ☑ Giám sát tình hình chấp hành Điều lệ và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc thực hiện các quy định, nghị quyết, quyết định, chỉ thị của các cơ quan quản lý cấp trên, việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán.
- ☑ Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo tài chính quý/năm của Tổng công ty và các nhiệm vụ, công việc kiểm tra, giám sát khác theo kế hoạch.

2.3. Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát

- ✔ Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nội dung theo kế hoạch hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua, chấp hành các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, Tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, toàn bộ các thành viên Ban Kiểm soát đều tham dự, có báo cáo đầy đủ các nội dung theo quy định và luôn có các nhận xét, đánh giá và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông nhằm không ngừng hoàn thiện công tác quản trị và kiểm tra, giám sát tại Tổng công ty.
- ✔ Ban Kiểm soát đã thường xuyên theo dõi, giám sát, đánh giá, đồng thời đã có một số ý kiến tư vấn, cảnh báo và kiến nghị về những tồn tại trong công tác quản lý và điều hành tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

2.4. Nội dung các cuộc họp của Ban Kiểm soát

- ✔ Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ đột xuất để bầu Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới, phân công nhiệm vụ, thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát, thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng/năm, thông qua báo cáo giám sát, báo cáo thẩm định tiền lương và báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ của cá nhân, tập thể Ban Kiểm soát.

2.5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty

- ✔ **Về hoạt động sản xuất kinh doanh:** Trong năm, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của diễn biến giá dầu bất lợi nhưng Tổng công ty đã nỗ lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ thông qua.
- ✔ **Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp:** được thực hiện phù hợp với phương án được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua.
- ✔ **Công tác quản trị:** Tổng công ty đã ban hành và cập nhật thường xuyên hệ thống quy chế, quy định phục vụ quản lý điều hành và phù hợp với quy định về quản trị công ty cổ phần đại chúng.
- ✔ **Công tác tài chính kế toán:** Báo cáo tài chính phản ánh hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Lập và nộp báo cáo theo đúng quy định của Nhà nước, thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát năm 2023

3.1. Lương, phụ cấp đặc thù công việc/kiêm nhiệm, thù lao của HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát

a) Tiền lương, phụ cấp đặc thù công việc:

ĐVT: triệu đồng

TT	Chức danh	Số người BQ		Tiền lương, phụ cấp		% TH/KH
		KH	TH	KH	TH	
1	HĐQT chuyên trách (gồm 02 TV HĐQT kiêm TGD và PTGD)	6	5,67	6.892	7.808,91	113,3%
2	Ban kiểm soát (chuyên trách)	3	2,83	2.920	3.300,35	113,02%
3	Ban điều hành (Gồm các Phó TGD và Kế toán trưởng)		4,81	Không trình bày	6.140,74	
	Tổng cộng		13,31		17.250	

b) *Thù lao, phụ cấp kiêm nhiệm của HĐQT, BKS không chuyên trách:*

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số tháng	Thù lao/Phụ cấp 01 tháng	Quỹ thù lao kế hoạch 2023	Quỹ thù lao thực hiện 2023
1	Thành viên HĐQT	12	15	180	180
2	Thành viên độc lập HĐQT (*)	8,13	15	0	122,00
3	Thành viên BKS (**)	2,13	10	0	21,33
	Tổng cộng			180	323,33

(*) Thành viên HĐQT độc lập bầu bổ sung từ ngày 27/4/2023 hưởng phụ cấp kiêm nhiệm.

(**) BKS có 01 thành viên làm chuyên trách tại đơn vị khác, hưởng thù lao kiêm nhiệm tại PVOIL trong thời gian từ 27/4/2023 đến 30/6/2023; từ 01/7/2023 trở đi hưởng lương chuyên trách.

(Chi tiết xin xem Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của công ty mẹ Tổng công ty)

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

- ✔ Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa Tổng công ty với Người nội bộ: Không phát sinh
- ✔ Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa Tổng công ty với Người có liên quan đến người nội bộ: Trong năm PVOIL có phát sinh giao dịch với (i) một số công ty mà Người nội bộ của PVOIL nắm giữ/kiêm nhiệm các chức danh quản lý và (ii) với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và Chi nhánh/đơn vị trực thuộc/các công ty con của PVN – là bên có liên quan của các thành viên HĐQT đại diện vốn của PVN tại PVOIL. Chi tiết xin xem Phụ lục 02 - Báo cáo tình hình quản trị năm 2023 và Thuyết minh số 40 - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của PVOIL.
- ✔ Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa các công ty con, các công ty mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với Người nội bộ: không phát sinh.
- ✔ Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa các công ty con, các công ty mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với những Người có liên quan đến Người nội bộ: Trong năm 2023 một số công ty con của PVOIL có phát sinh giao dịch với các công ty mà Người nội bộ của PVOIL giữ/kiêm nhiệm các chức danh quản lý. Chi tiết xin xem Phụ lục 03 – Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm 2023.

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng, cụ thể:

- ✔ Tổ chức họp đại hội cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- ✔ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được đảm bảo về nhân sự, hoạt động đúng chức trách nhiệm vụ quy định.
- ✔ Thực hiện đầy đủ và đúng hạn tất cả các nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường đối với công ty đại chúng.
- ✔ HĐQT ban hành đầy đủ và cập nhật thường xuyên các quy chế, quy định phục vụ quản trị Tổng công ty.
- ✔ Thực hiện đầy đủ và đúng hạn Báo cáo thường niên và Báo cáo quản trị áp dụng đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

PHẦN III

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. Bối cảnh chung

Giá dầu thế giới năm 2023 tiếp tục biến động khó lường do suy thoái kinh tế, lạm phát ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, các đợt tăng lãi suất kéo dài của FED và ECB dẫn đến nhu cầu tiêu dùng ở nhiều nền kinh tế hàng đầu bị sụt giảm, ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Đặc biệt, sự tăng trưởng chậm chạp của Trung Quốc sau mở cửa ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ dầu và kim hãm đà tăng của giá dầu.

Giá dầu Brent DTD trung bình năm 2023 đạt 82,62 USD/thùng, giảm 18% so với giá dầu trung bình năm 2022 (101,2 USD/thùng) và tăng 18% so với giá dầu kế hoạch 2023 (70 USD/thùng).

Trong nước, kinh tế tăng trưởng chậm lại do chịu tác động của kinh tế thế giới, cụ thể: kim ngạch xuất khẩu ước giảm 3,5%, nhập khẩu ước giảm 4,2%; nợ xấu có xu hướng tăng; các thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro; ổn định kinh tế vĩ mô chưa thực sự vững chắc; sức chống chịu của nhiều doanh nghiệp đã đến mức tới hạn; hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục còn nhiều khó khăn, các ngành kinh tế chưa chuyển dịch mạnh về tăng năng suất, nhất là khu vực công nghiệp và dịch vụ; năng lực tự chủ và khả năng chống chịu còn nhiều hạn chế,... Tuy vậy, Việt Nam vẫn là điểm sáng trong bức tranh kinh tế chung với GDP ước tăng 5,05%, cao gấp 1,5 lần so với mức tăng trưởng 2,9% của kinh tế toàn cầu và thuộc nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới trong năm 2023.

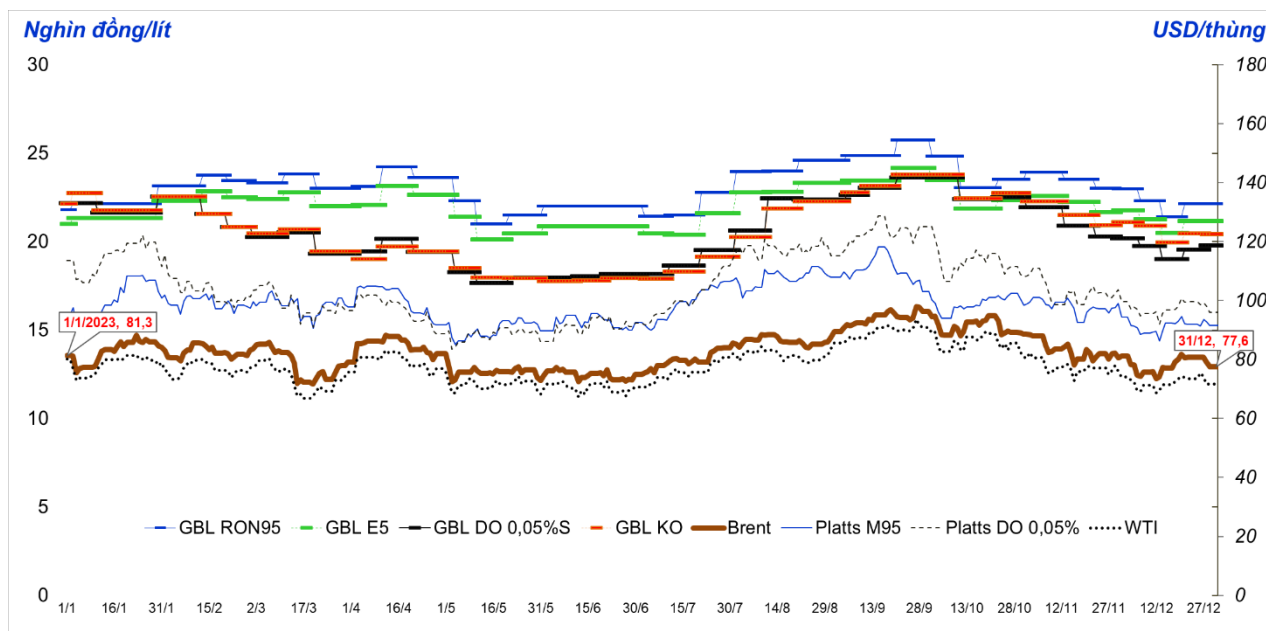
Trong hoạt động KDXD, Chính phủ tiếp tục điều hành theo các Nghị định 83/2014/NĐ-CP và Nghị định số 95/2021/NĐ-CP với công thức giá mới được áp dụng từ cuối tháng 2/2023. Ngày 17/11/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 80/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về kinh doanh xăng dầu, tiếp tục điều chỉnh công thức giá và rút ngắn thời gian điều hành giá bán xăng dầu từ 10 ngày còn 7 ngày/lần. Thuế Bảo vệ môi trường áp dụng trong năm 2023 là 2.000 đồng/lít đối với xăng (trừ E5) và 1.000 đồng/lít đối với dầu.

Tổng tiêu thụ xăng dầu của Việt Nam năm 2023 ước tính khoảng 26 triệu m³/tấn xăng dầu các loại (*không tính nhiên liệu bay*). Nguồn cung 02 NMLD trong nước đáp ứng khoảng 70% tổng nhu cầu thị trường. Trong năm, có một số thời điểm nguồn cung khan hiếm khi NMLD Nghi Sơn dừng bảo dưỡng và nhu cầu tăng cao tại các nhà máy điện (tháng 4&5).

Thị trường phân phối xăng dầu ngày càng lành mạnh hơn sau rất nhiều nỗ lực của Chính phủ trong việc kiểm soát thị trường, chống buôn lậu. Trong năm 2023, Chính phủ tiếp tục triển khai nhiều biện pháp thanh kiểm tra, giám sát hoạt động KDXD trên cả nước, rút giấy phép của 07 thương nhân đầu mối và xử lý nhiều vi phạm liên quan đến cấp phép và tổ chức KDXD. Tính đến cuối năm 2023, cả nước còn 34 Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và khoảng hơn 330 Thương nhân phân phối xăng dầu đang hoạt động.

Tại thời điểm 31/12/2023, giá bán lẻ mặt hàng xăng tăng từ 180-340 đồng/lít, trong khi giá dầu DO giảm 2.370 đồng/lít so với thời điểm đầu năm 2023.

Diễn biến giá dầu thế giới và điều hành giá bán lẻ của Nhà nước trong năm 2023 như sau:



Trong bối cảnh thị trường đầy thách thức, PVOIL đã quán triệt và triển khai quyết liệt trong toàn hệ thống các nhiệm vụ trọng tâm của năm, cụ thể: 1) Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2023 trên cơ sở phát huy tối đa chuỗi liên kết sản xuất, vận chuyển phân phối dầu thô và các sản phẩm xăng dầu với các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, gia tăng sản lượng kinh doanh trên cả 3 kênh phân phối; 2) Chú trọng triển khai công tác đầu tư phát triển hệ thống CHXD và chuyển đổi số; 3) Tiếp tục triển khai quyết liệt công tác tái cấu trúc doanh nghiệp; 4) Chủ động thích ứng với quá trình chuyển dịch năng lượng.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

2.1. Các chỉ tiêu sản lượng

Kết quả cụ thể từng lĩnh vực như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2022	Năm 2023		So sánh	
				KH	TH	Cùng kỳ	KH
1	Sản lượng xuất khẩu/ bán dầu thô và nhập khẩu dầu thô cho NMLD Dung Quất	1.000 tấn	10.404	9.185	10.642	102%	116%
-	Xuất/bán (gồm bán cho BSR)	„	8.642	8.058	8.483	98%	105%
-	Nhập khẩu dầu thô cho BSR	„	1.762	1.127	2.159	123%	192%
2	Sản xuất xăng dầu, DMN	1.000 m ³ /tấn	601	484	676	112%	140%
-	Trong đó: xăng E5	1.000 m ³	598	480	612	102%	128%
3	Kinh doanh xăng dầu	1.000 m ³ /tấn	4.048	3.300	5.242	129%	159%
	Tỷ trọng bán lẻ (*)	%	26,1%	28,4%	24,5%		

(*) Trong năm 2023, sản lượng tiêu thụ kênh bán lẻ tăng trưởng tốt so với kế hoạch, tuy nhiên do sản lượng các kênh bán hàng khác tăng trưởng mạnh hơn dẫn đến tỷ trọng bán lẻ giảm.

2.1.1 Xuất nhập khẩu dầu thô

PVOIL đã xuất bán an toàn, hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các chủ mỏ khác khai thác trên thềm lục địa Việt Nam với sản lượng đạt 8,48 triệu tấn, hoàn thành 105% kế hoạch năm và giảm 2% so với cùng kỳ.

PVOIL cũng đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời toàn bộ dầu thô nguyên liệu cho NMLD Dung Quất với tổng sản lượng 7,7 triệu tấn. Trong đó, cung cấp từ nguồn nội địa 5,5 triệu tấn và từ nguồn nhập khẩu 2,2 triệu tấn.

2.1.2 Sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn

Sản lượng sản xuất trong năm đạt 676 nghìn m³/tấn, hoàn thành 140% kế hoạch và tăng 12% so với cùng kỳ, chủ yếu là xăng sinh học E5 RON92. Trong năm, PVOIL đã tiếp nhận toàn bộ lượng condensate theo Hợp đồng Liên danh với PV Gas để sản xuất xăng nền pha chế E5 và phối hợp với BSR triển khai phương án pha chế xăng RON95 từ nguồn RFCC Naptha và xăng RON 97, giúp gia tăng sản lượng, bổ sung thêm nguồn cung trong những thời điểm thị trường khan hiếm và góp phần đáng kể vào lợi nhuận của năm.

2.1.3 Kinh doanh xăng dầu

Trong bối cảnh giá dầu biến động không ngừng, nguồn cung trong nước thiếu hụt ở một số thời điểm, nhờ áp dụng đồng bộ các giải pháp kinh doanh, tận dụng tối đa các cơ hội thị trường, phát huy tốt chuỗi liên kết nguyên liệu – sản xuất – tồn chứa, phân phối trong lĩnh vực dầu thô và sản phẩm dầu với các đơn vị trong ngành, sản lượng kinh doanh xăng dầu năm 2023 của PVOIL tiếp tục duy trì mức tăng trưởng ấn tượng.

Sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống đạt hơn 5,2 triệu m³, hoàn thành 159% kế hoạch năm và tăng trưởng 29% so với cùng kỳ, chiếm 20% thị phần kinh doanh nội địa.

2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

ĐVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2022	Năm 2023		So sánh	
			KH	TH	Cùng kỳ	KH
I	Hợp nhất					
1	Tổng doanh thu	104.833	50.000	103.639	99%	207%
2	Lợi nhuận trước thuế	912	600	798	88%	133%
3	Lợi nhuận sau thuế	723	480	621	86%	129%
4	Nộp NSNN	6.706	6.400	9.508	142%	149%
II	Công ty mẹ					
1	Tổng doanh thu	73.742	33.000	82.560	112%	250%
2	Lợi nhuận trước thuế	657	500	611	93%	122%
3	Lợi nhuận sau thuế	555	400	501	90%	125%

Tổng doanh thu Tổng doanh thu hợp nhất cả năm đạt 103.639 tỷ đồng, hoàn thành 207% kế hoạch và bằng 99% so với cùng kỳ (do giá dầu giảm so với cùng kỳ).

Lợi nhuận trước thuế Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 798 tỷ đồng, đạt 133% kế hoạch giao và bằng 88% so với cùng kỳ; LNTT công ty mẹ đạt 611 tỷ đồng, đạt 122% kế hoạch giao và bằng 93% so với cùng kỳ.

Nộp NSNN hợp nhất cả năm (không bao gồm số liệu nộp ngân sách của các đơn vị tại nước ngoài cho chính phủ nước sở tại) đạt 9.508 tỷ đồng, hoàn thành 149% kế hoạch năm và bằng 142% so với cùng kỳ.

Trong năm 2023, PVOIL đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHCĐ giao, trong đó các chỉ tiêu quan trọng gồm sản lượng kinh doanh xăng dầu, doanh thu, lợi nhuận đều hoàn thành vượt mức rất xa kế hoạch năm. Có được các kết quả trên là do PVOIL đã ứng phó tốt với những biến động về giá dầu và nguồn cung trên thị trường, áp dụng đồng bộ các giải pháp kinh doanh, tận dụng tối đa các cơ hội thị trường, phát huy tốt chuỗi liên kết nguyên liệu – sản xuất – tồn chứa, phân phối trong lĩnh vực dầu thô và sản phẩm dầu với các đơn vị trong ngành.

3. Tổ chức và nhân sự

3.1. Ban điều hành Tổng công ty

Xin xem mục 6.2 phần I của báo cáo này

3.2. Những thay đổi trong năm của Ban điều hành

Trong năm 2023 PVOIL nhân sự Ban điều hành thay đổi như sau:

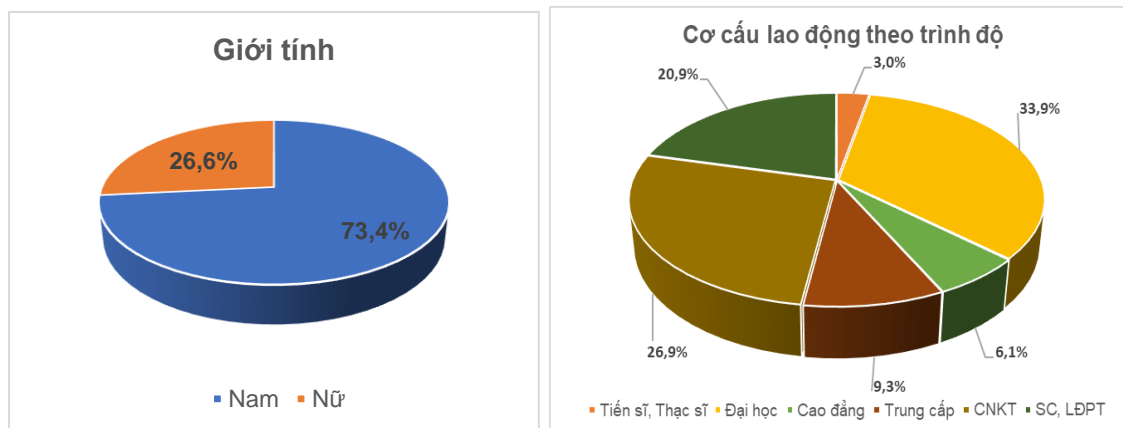
TT	Họ tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
1	Nguyễn Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu 01/7/2023
2	Vũ Hoài Lam	Phó Tổng Giám đốc	Thôi nhiệm từ 07/8/2023
3	Hoàng Đình Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm mới 15/8/2023
4	Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm mới 15/8/2023

3.3. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động

3.3.1. Lao động

Tổng số CBNV toàn Tổng công ty tính đến ngày 31/12/2023 là **6.583** người.

Cơ cấu nguồn nhân lực của PVOIL như sau:



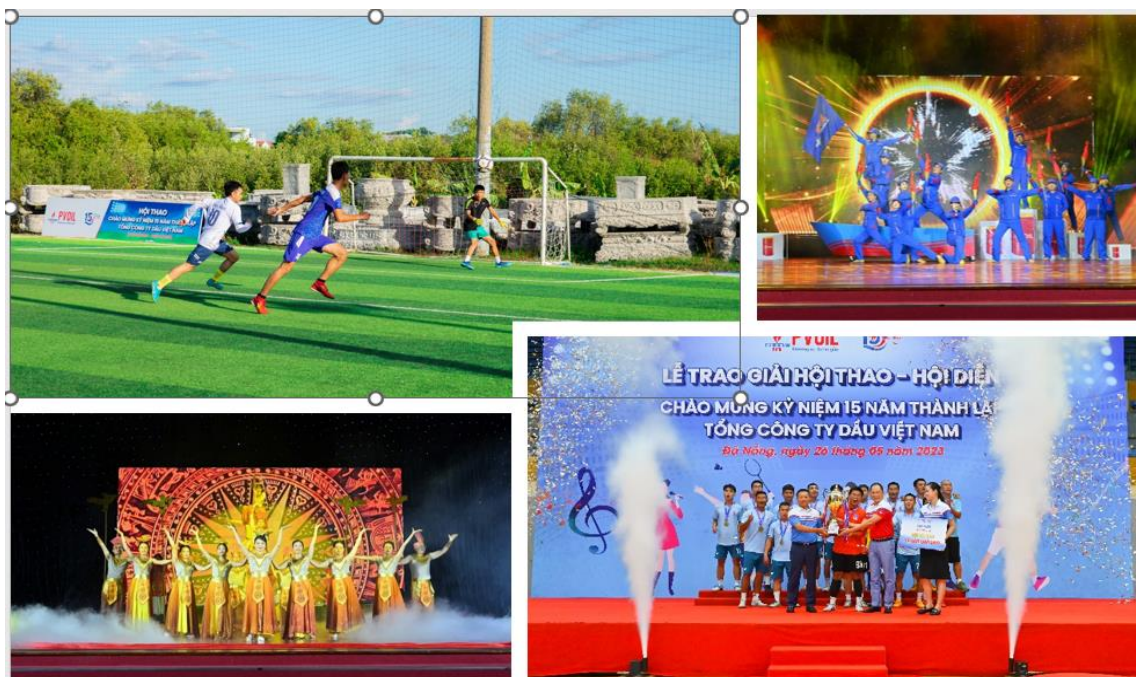
Là đơn vị kinh doanh xăng dầu, phần lớn lực lượng lao động của PVOIL làm việc trực tiếp tại các Kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu nên tỷ lệ lao động nữ thấp, chiếm hơn 25% tổng số lao động toàn Tổng Công ty.

3.3.2. Chính sách đối với Người lao động

✚ Chính sách lao động tiền lương

PVOIL thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung các quy chế, quy định liên quan đến công tác lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng... đảm bảo phù hợp các quy định của Nhà nước và đặc thù của PVOIL.

- ✔ Đảm bảo được việc làm cho Người lao động, bố trí công việc phù hợp với chuyên môn, khả năng của Người lao động; không có lao động phải ngừng việc hoặc mất việc làm.
- ✔ Về cơ bản chính sách tiền lương hiện tại Tổng Công ty đảm bảo được trả theo chức danh công việc đảm nhiệm, năng lực và kết quả công việc của mỗi CBCNV.
- ✔ Các loại phụ cấp được áp dụng phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc và đặc thù công việc của từng vị trí.
- ✔ Hàng năm, Công ty mẹ và một số đơn vị thành viên đã triển khai giao mục tiêu và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPIs) cho CBCNV.
- ✔ Tổng công ty luôn nỗ lực triển khai các chính sách về nhân sự, tiền lương nhằm đảm bảo ổn định thu nhập, tạo động lực cho người lao động tiếp tục phấn đấu, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển PVOIL, cụ thể:
 - ✔ Chính sách bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe: thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước; Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ trả sau...; Khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV, lao động nữ.
 - ✔ Tổ chức đối thoại tại doanh nghiệp để lắng nghe, giải đáp ý kiến của Người lao động cũng như là một kênh để công khai, thông báo, phổ biến đến Người lao động về tình hình SXKD, các quy chế, quy định, nội quy của Tổng công ty, việc trích lập các quỹ.
 - ✔ Các chính sách phúc lợi khác: tổ chức tham quan, nghỉ mát kết hợp teambuilding và các hoạt động phong trào (văn nghệ, thể thao,...). Nhân dịp kỷ niệm 15 năm thành lập, PVOIL đã tổ chức thành công Hội thao – Hội diễn nhằm gắn kết và nâng cao sức khỏe tinh thần cho đội ngũ CBCNV. Sự kiện đã thu hút hơn 1.000 lượt người tham gia.



Một số hình ảnh Hội thao - Hội diễn chào mừng kỷ niệm 15 năm thành lập PVOIL

+ Chính sách đào tạo:

- ✓ Trong năm 2023 PVOIL chú trọng tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực quản lý lãnh đạo, cập nhật kiến thức pháp luật, đào tạo bổ sung về chuyên môn nghiệp vụ và nâng cao kỹ năng làm việc cho toàn thể đội ngũ CBCNV.
- ✓ Hình thức đào tạo trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức. Hình thức E-learning tiếp tục được triển khai sâu rộng, đến cả đội ngũ nhân viên làm việc tại CHXD trong toàn hệ thống PVOIL để tiết kiệm chi phí và tạo điều kiện cho người lao động trực tiếp, làm việc theo ca được tham gia học tập.
- ✓ Bên cạnh đó, Lãnh đạo Tổng công ty và Lãnh đạo các đơn vị thành viên PVOIL cũng tích cực tham gia chương trình đào tạo khung dành cho cán bộ quản lý cũng như các khóa đào tạo chuyên môn sâu do PVN tổ chức và định hướng như: An toàn an ninh thông tin, Kiểm soát rủi ro, Kiểm soát nội bộ ...

Trong năm 2023, PVOIL triển khai đào tạo được 17.001 lượt người với chi phí gần 14,01 tỷ đồng. Dưới đây là hình ảnh một số khóa đào tạo của Tổng công ty trong năm.



Nhân viên CHXD tham gia đào tạo E-learning



Khóa học trực tiếp kết hợp trực tuyến về “Nhận thức An toàn thông tin & An ninh mạng”

4. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Trong năm 2023, PVOIL tiếp tục nắm bắt cơ hội và đẩy mạnh công tác phát triển CHXD theo nhiều hình thức (nhận chuyển nhượng, đầu tư mới, hợp tác đầu tư, thuê dài hạn). Toàn hệ thống PVOIL đã phát triển được 107 cửa hàng xăng dầu, hoàn thành 184% kế hoạch năm, nâng tổng số CHXD của PVOIL đến thời điểm cuối năm 2023 là 756 CHXD.

Bên cạnh đó, PVOIL tiếp tục đẩy mạnh triển khai các dự án ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ tại các kho xăng dầu và CHXD.

Tổng giá trị giải ngân toàn hệ thống là 532 tỷ đồng, đạt 83% kế hoạch năm. Chi tiết như sau:

Chi tiết thực hiện đầu tư như sau:

ĐVT: tỷ đồng				
TT	Hạng mục đầu tư	KH 2023	TH 2023	TH/KH (%)
1	Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng	134	85	63%
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD	326	351	108%

TT	Hạng mục đầu tư	KH 2023	TH 2023	TH/KH (%)
3	Mua sắm khác	178	96	54%
	TỔNG CỘNG	638	532	83%
	<i>Trong đó: - Công ty mẹ</i>	403	325	81%
	<i>- Công ty con</i>	235	207	88%
	<i>Đầu tư từ nguồn vốn CSH</i>	517	478	92%

5. Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp

Công tác tái cấu trúc, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị thành viên KDXD nhằm tối ưu hoạt động và hiệu quả doanh nghiệp tiếp tục được thúc đẩy trong năm 2023 với các hoạt động cụ thể như sau:

- ✔ Hoàn thành chuyển đổi mô hình PVOIL Thanh Hóa thành Công ty TNHH MTV và tiếp tục nghiên cứu chuyển đổi PVOIL Bình Thuận thành Công ty TNHH MTV.
- ✔ Tiếp tục triển khai phương án sáp nhập các đơn vị: PVOIL Tây Ninh vào PVOIL Sài Gòn.
- ✔ Hoàn tất việc xây dựng phương án tái cấu trúc hoạt động dài hạn đối với 02 công ty tại Lào (PVOIL Lào và PVOIL Lào Trading) và phê duyệt định hướng hoạt động của PVOIL Lào và PVOIL Lào Trading.
- ✔ Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ và phê duyệt kế hoạch phát triển 5 năm giai đoạn 2024 - 2028 của PVOIL Trans.
- ✔ Các Dự án Nhiên liệu sinh học (NLSH): Tiếp tục phối hợp với các cổ đông của BSR-BF, OBF và PVB triển khai phương án xử lý đối với các dự án nhiên liệu sinh học theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền và tuân thủ trình tự, quy định của pháp luật; Đồng thời, liên tục cập nhật thông tin về các dự án và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu.
- ✔ Công tác quyết toán cổ phần hóa: Tiếp tục làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước để xử lý các vướng mắc liên quan đến (i) quyết toán cổ phần hóa PETEC và (ii) sắp xếp, xử lý đất đai theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

6. Tình hình tài chính

6.1. Tình hình tài chính (hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2022 (tỷ đồng)	Năm 2023 (tỷ đồng)	So sánh (%)
1	Tổng giá trị tài sản	28.810,2	38.839,2	135%
2	Doanh thu thuần	104.213,8	102.662,9	99%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	895,2	698,3	78%
4	Lợi nhuận khác	17,0	99,6	587%
5	Lợi nhuận trước thuế	912,2	797,9	87%
6	Lợi nhuận sau thuế	723,2	621,3	86%

Chỉ số EBITDA

TT	Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2022 (tỷ đồng)	Năm 2023 (tỷ đồng)	So sánh (%)
1	Lợi nhuận trước thuế	912,2	797,9	87%

TT	Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2022 (tỷ đồng)	Năm 2023 (tỷ đồng)	So sánh (%)
2	Chi phí khấu hao	336,2	303,6	90%
3	Chi phí lãi vay	179,7	261,2	145%
	EBITDA	1.428,1	1.362,7	95%

6.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,35	1,21
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,18	1,06
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,61	0,71
	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,54	2,41
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	36,29	27,78
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	3,62	2,64
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,7%	0,6%
	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,4%	5,5%
	Hệ số LNST/Tổng tài sản BQ (ROA)	%	2,6%	1,8%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,9%	0,7%

7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phiếu PVOIL được đăng ký giao dịch tại Sàn Upcom – Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 07/3/2018 với thông tin chi tiết như sau:

- ♦ Mã chứng khoán: OIL
- ♦ Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- ♦ Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- ♦ Room tối đa cho khối ngoại: 6,621%
- ♦ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.034.229.500 cổ phiếu
- ♦ Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 201.425.936 cổ phiếu

7.1. Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty

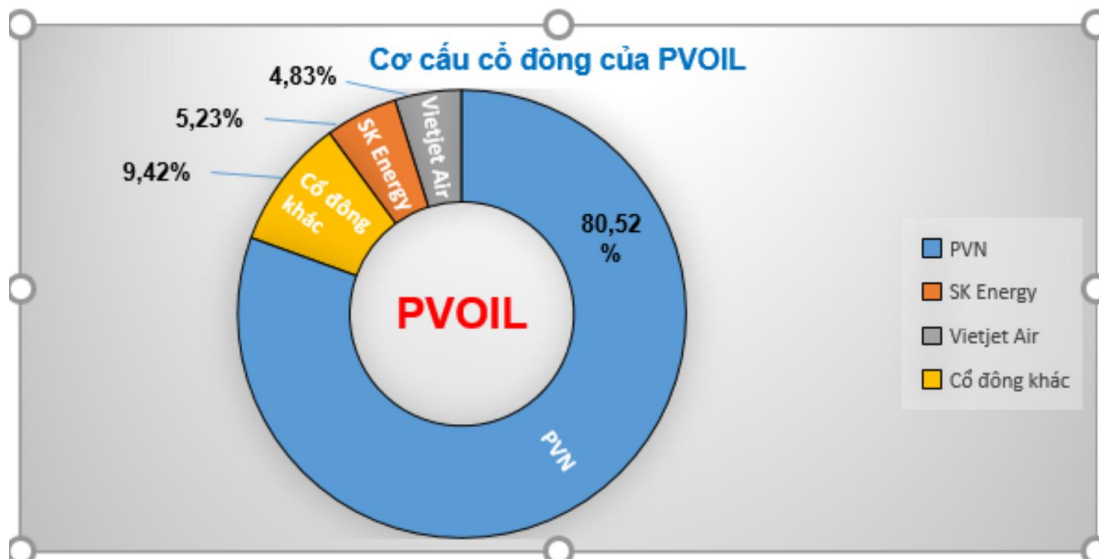
STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VDL
I	Cổ đông trong nước				
	Tổ chức	16	885.613.768	8.856.137.680.000	85,63%

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VĐL
	Cá nhân	12.013	90.920.561	909.205.610.000	8,79%
II	Cổ đông nước ngoài				
	Tổ chức	5	55.598.684	555.986.840.000	5,37%
	Cá nhân	67	2.096.487	20.964.870.000	0,21%
III	Cổ phiếu quỹ				
		0	0	0	0%
	Tổng cộng	12.101	1.034.229.500	10.342.295.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 24/8/2023

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tổng công ty đến 31/12/2023:

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	01	832.803.564	8.328.035.640.000	80,52%
2	SK Energy Co.Ltd.	01	54.121.507	541.215.070.000	5,23%



7.2. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

7.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

7.4. Các chứng khoán khác: không có

PHẦN IV

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động SKXD của Tổng công ty

Trong bối cảnh thị trường đầy biến động thách thức, PVOIL đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, kế hoạch được ĐHCĐ giao trong mọi lĩnh vực, cụ thể:

- ✔ **Ủy thác XNK dầu thô:** Xuất bán an toàn và hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô và condensate được giao; cung cấp đầy đủ, kịp thời dầu thô cho vận hành NMLD Dung Quất.
- ✔ **Kinh doanh phân phối xăng dầu:** Tiếp tục giữ đà tăng trưởng vượt bậc về sản lượng ở tất cả các kênh phân phối, đồng thời với việc gia tăng hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh giá dầu biến động khó lường và tăng trưởng kinh tế thấp hơn kỳ vọng.
- ✔ **Thực hiện tốt và có hiệu quả các chuỗi liên kết nguyên liệu – sản xuất – tồn chứa, phân phối** trong lĩnh vực dầu thô và sản phẩm dầu với các đơn vị trong ngành giúp gia tăng sản lượng và hiệu quả kinh doanh, phân phối trong lĩnh vực dầu thô và sản phẩm dầu với các đơn vị trong ngành.
- ✔ **Công tác đầu tư phát triển CHXD:** Nắm bắt thời cơ, đẩy mạnh hoạt động phát triển CHXD dưới nhiều hình thức, phát triển mới 107 cửa hàng, gấp gần 2 lần kế hoạch giao.
- ✔ **Công tác tái cấu trúc, sắp xếp lại hệ thống** tiếp tục được đẩy mạnh và đạt kết quả khả quan.
- ✔ **Công tác nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực quản trị, quảng bá thương hiệu,** ứng dụng CNTT và chuyển đổi số được chú trọng triển khai và đạt hiệu quả, giúp nâng cao vị thế và giá trị thương hiệu PVOIL, tạo nền tảng vững chắc cho các mục tiêu phát triển dài hạn.

2. Những tiến bộ đạt được trong năm

Để tồn tại và vươn lên phát triển bền vững trong một thị trường cạnh tranh khốc liệt và đầy bất ổn, nội tại doanh nghiệp còn nhiều khó khăn đòi hỏi Ban lãnh đạo PVOIL phải thực sự linh hoạt trong quản lý điều hành để có các đối sách phù hợp, đồng thời phải không ngừng tìm tòi đổi mới sáng tạo để tìm kiếm cơ hội phát triển, khẳng định vị thế. Dấu ấn của PVOIL trong những năm qua tiếp tục được phát huy hiệu quả trong năm 2023 là thành tựu trong việc đa dạng hóa, hiện đại hóa trong hoạt động kinh doanh và liên tục cải thiện vị thế, uy tín thương hiệu trên thị trường.

2.1. Nắm bắt thời cơ, đẩy mạnh phát triển CHXD dưới nhiều hình thức

Trong chiến lược phát triển của mình, PVOIL luôn kiên định với định hướng phát triển mở rộng hệ thống CHXD bán lẻ, đẩy mạnh sản lượng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp (bán lẻ, bán khách hàng công nghiệp) nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động và tính ổn định, bền vững của hệ thống phân phối.

Trong năm 2023, PVOIL tiếp tục nắm bắt cơ hội và đẩy mạnh công tác phát triển CHXD dưới nhiều hình thức. Toàn hệ thống PVOIL đã phát triển được 107 cửa hàng xăng dầu, hoàn thành 184% kế hoạch năm; nâng tổng số CHXD của PVOIL đến thời điểm cuối năm 2023 là 756 CHXD, gần đạt mục tiêu kế hoạch đề ra cho giai đoạn 5 năm 2021-2025 là 790 cửa hàng.



Hình ảnh một số CHXD khai trương trong năm 2023

2.2. Triển khai hợp đồng lắp đặt trạm sạc pin xe điện tại CHXD

Để thích ứng với xu thế chuyển dịch năng lượng, PVOIL đã đẩy mạnh hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tranh thủ cơ hội cũng như hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của quá trình chuyển dịch năng lượng trên cơ sở tận dụng tối đa những lợi thế sẵn có về thị phần cũng như hạ tầng phân phối xăng dầu, góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận thông qua các dịch vụ phi xăng dầu (non-oil) tại CHXD.

PVOIL đã ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh trạm sạc Vinfast tại các CHXD của PVOIL. Vào ngày 04/07/2022, Vinfast đã chính thức khánh thành và đưa vào hoạt động trạm sạc xe điện đầu tiên tại cửa hàng xăng dầu PVOIL tại huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, mở đầu cho chuỗi hơn 300 trạm sạc xe điện VinFast được lắp đặt tại các cửa hàng xăng dầu PVOIL trên toàn quốc tính đến cuối năm 2023.



Một số hình ảnh về trạm sạc xe điện của Vinfast tại CHXD của PVOIL

2.3. Trạm dừng nghỉ dành cho xe tải

Tháng 12/2023, Trạm dừng nghỉ cho xe tải đầu tiên của PVOIL đã được khánh thành tại CHXD Bà Triệu thuộc tỉnh Thanh Hóa với diện tích đất 9.600 m², bao gồm: CHXD, cửa hàng tiện ích PV Mart, khu dịch vụ tiện ích dành cho xe tải với phòng nghỉ, nhà ăn, sân bãi đậu xe. Bên cạnh việc gia tăng lợi nhuận từ cung cấp dịch vụ cho xe tải, PVOIL còn kỳ vọng sẽ đẩy mạnh sản lượng bán xăng dầu tại Trạm.



Một số hình ảnh Trạm dừng nghỉ dành cho xe tải tại CHXD Bà Triệu – Thanh Hóa

2.4. Phát triển đội xe bồn mang thương hiệu PVOIL

Trong chiến lược phát triển đến năm 2030, PVOIL đặt mục tiêu phát triển đội xe bồn đáp ứng 100% nhu cầu vận tải xăng dầu của toàn hệ thống. Việc này nhằm đảm bảo tính chủ động trong khâu điều độ vận tải và đảm bảo chất lượng xăng dầu cung ứng ra thị trường. PVOIL đã thực hiện chuyển đổi mô hình công ty cổ phần vận tải xăng dầu PVOIL (PVOIL Trans) thành công ty TNHH một thành viên từ tháng 8/2022. Ngay sau khi hoàn tất việc chuyển đổi, PVOIL đã tăng vốn cho đơn vị để đầu tư phát triển đội xe bồn nhằm từng bước hiện thực hóa chiến lược của mình.



Lễ xuất quân Đội xe bồn Miền Bắc

2.5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0, chuyển đổi số và nghiên cứu phát triển

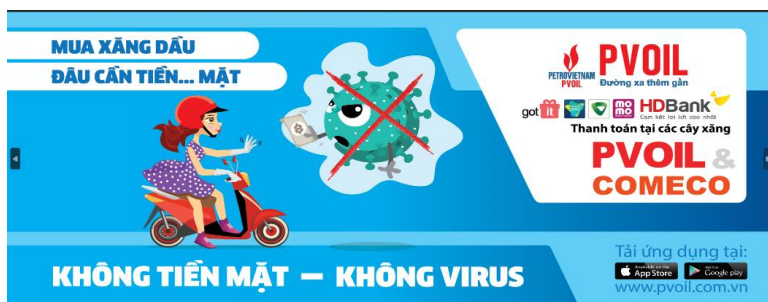
Tổng công ty đang tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT, tự động hóa và chuyển đổi số một cách toàn diện vào tất cả các lĩnh vực SXKD với mục tiêu chính là gia tăng hiệu quả vận hành, nâng cao trải nghiệm, làm hài lòng khách hàng và tạo được lợi thế cạnh tranh cho PVOIL trên thị trường với các hoạt động tiêu biểu trong năm như sau:

**PVOIL
B2B**



✚ Tiếp tục triển khai ứng dụng sâu rộng công nghệ 4.0 trong hoạt động kinh doanh, bán hàng và quản trị. Chú trọng triển khai công tác chuyển đổi số trên cả 3 kênh bán hàng; phát huy nền tảng công nghệ B2B, PVOIL Easy sẵn có, đa dạng hóa các hình thức thanh toán không tiền mặt (mã QR, ví điện tử, thẻ tín dụng...) nhằm nâng cao chất lượng quản trị cũng như tạo sự thuận tiện cho khách hàng, từ đó nâng cao lợi thế cạnh tranh của PVOIL;

✚ Nghiên cứu, xây dựng phương án triển khai ERP giai đoạn 2021-2025; giải pháp hiện đại hóa cửa hàng xăng dầu; ứng dụng phục vụ bán hàng cho khách hàng cá nhân (PVOIL 4U).



✚ Song song đó, PVOIL cũng triển khai xây dựng văn hóa số với việc ứng dụng các giải pháp ứng dụng vào hoạt động SXKD với các mục tiêu: (i) Đặt khách hàng làm trung tâm: Nghiên cứu và xây dựng giải pháp công nghệ phù hợp để nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm của khách hàng; (ii) Đề cao sự đổi mới sáng tạo: Khuyến khích cán bộ, nhân viên sáng tạo ý tưởng mới và đưa ra những giải pháp sáng tạo.

✚ Công tác nghiên cứu phát triển tiếp tục được chú trọng với việc cải tiến hệ thống công nghệ, nâng cấp và tối ưu hóa vận hành hệ thống kho cảng.

2.6. Nâng tầm uy tín thương hiệu PVOIL

Trong năm 2023, Công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu tiếp tục được đẩy mạnh thông qua các hoạt động thường xuyên như: Chinh trang CHXD theo chuẩn nhận diện thương hiệu, tham gia tài trợ chính cho giải đua xe địa hình VOC PVOIL Cup 2023. Bên cạnh đó, PVOIL cũng tận dụng tối đa lợi thế và hiệu quả của mạng xã hội để nhanh chóng chuyển tải thông tin hoạt động của Tổng công ty đến cổ đông, khách hàng và CBCNV PVOIL thông qua Website, Fanpage PVOIL, Fanpage Tuổi trẻ PVOIL.



Tài trợ cho VOC PVOIL Cup 2023

Với việc đảm bảo nguồn cung ứng trong mọi điều kiện thị trường, liên tục cải thiện chất lượng dịch vụ và duy trì hiệu quả các hoạt động quảng bá thương hiệu, hình ảnh PVOIL ngày càng thân thuộc với người tiêu dùng cả nước, thương hiệu PVOIL đã được khẳng định về uy tín và chất lượng trên thị trường.

3. Tình hình tài chính

3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn

Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản	Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.081.852.242.021	14%	5.377.029.776.926	14%
Hàng tồn kho	2.941.456.384.799	10%	4.171.177.245.517	11%
Tài sản cố định	3.651.453.863.973	13%	3.432.809.427.312	9%
Đầu tư tài chính dài hạn	762.803.468.765	3%	709.602.391.419	2%
Tài sản khác	17.372.612.105.570	60%	25.148.553.726.540	65%
Cộng tài sản	28.810.178.065.128	100%	38.839.172.567.714	100%

Tổng tài sản hợp nhất của PVOIL tại thời điểm 31/12/2023 là 38.839 tỷ đồng, tăng 10.029 tỷ đồng (35%) so với đầu năm 2023, bao gồm: tài sản ngắn hạn 32.976 tỷ đồng, tài sản dài hạn 5.863 tỷ đồng. Trong đó:

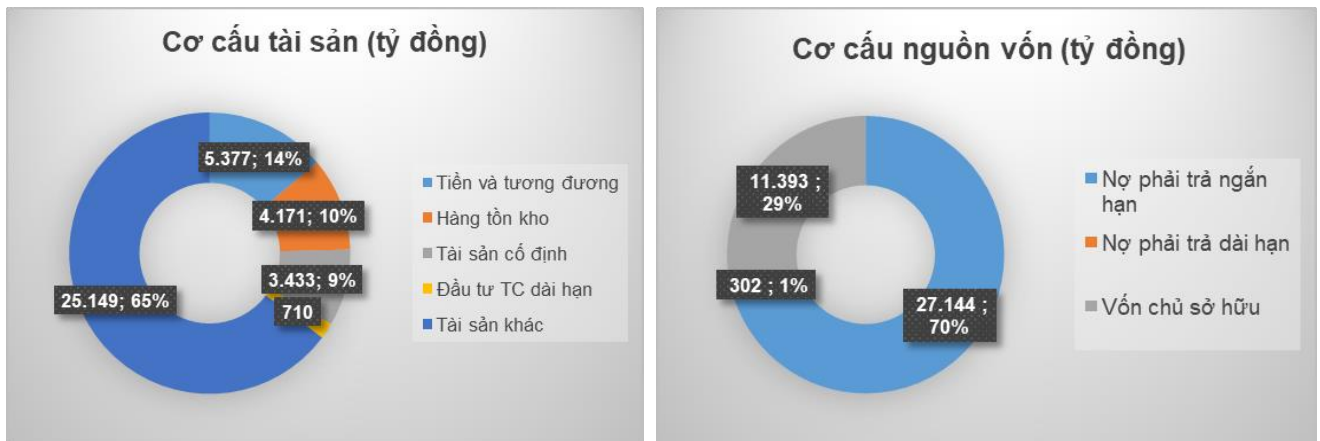
Tài sản ngắn hạn tăng 9.743 tỷ đồng, tập trung chủ yếu tại chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho.

Tài sản dài hạn tăng 286 tỷ đồng, tập trung ở chỉ tiêu tài sản dài hạn khác, tài sản dở dang dài hạn do đầu tư trong kỳ.

➤ Nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn	Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Nợ phải trả ngắn hạn	17.214.876.762.847	60%	27.144.353.193.886	70%
Nợ phải trả dài hạn	268.092.921.250	1%	301.759.736.613	1%
Vốn chủ sở hữu	11.327.208.381.031	39%	11.393.059.637.215	29%
Cộng nguồn vốn	28.810.178.065.128	100%	38.839.172.567.714	100%

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2023 là 10.364 tỷ đồng (không bao gồm Lợi ích cổ đông không kiểm soát), tăng 153 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2023 do lợi nhuận từ kinh doanh trong kỳ.



3.2. Tình hình Nợ phải trả

Tổng nợ phải trả hợp nhất thời điểm 31/12/2023 là 27.446 tỷ đồng, tăng 9.963 tỷ đồng (57%) so với thời điểm đầu năm, tập trung chủ yếu ở chỉ tiêu nợ ngắn hạn. Cụ thể:

- ✓ Phải trả người bán ngắn hạn 13.631 tỷ đồng, trong đó: Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn 3.822 tỷ đồng, Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn – Tập đoàn DKVN 3.239 tỷ đồng, BCP Trading Pte. Ltd. 2.803 tỷ đồng, PetroChina Inetrnational - HongKong 2.097 tỷ đồng, Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) 617 tỷ đồng, các đối tượng khác 1.053 tỷ đồng.
- ✓ Phải trả ngắn hạn khác 5.153 tỷ đồng chủ yếu là các khoản thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất nhập khẩu ủy thác, thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ, ...
- ✓ Vay và nợ ngắn hạn 6.967 tỷ đồng; Quỹ Bình ổn giá xăng dầu -144 tỷ đồng được trích lập, sử dụng theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 103/2021/TT-BTC ngày 18/11/2021 về việc hướng dẫn phương thức trích lập, chi sử dụng, quản lý Quỹ bình ổn giá xăng dầu và các văn bản liên quan.
- ✓ Các khoản phải trả khác bao gồm tiền thuế, lương và các khoản phải trả khác chưa đến hạn... tổng số 1.695 tỷ đồng.

4. Kế hoạch SXKD năm 2024

4.1. Dự báo tình hình

Trong báo cáo "Tình hình Kinh tế Thế giới và Triển vọng 2024" mới được công bố, Liên hiệp quốc đã đưa ra dự báo ảm đạm về kinh tế toàn cầu năm nay, do những thách thức như xung đột leo thang, thương mại toàn cầu yếu, lãi suất cao và các thảm họa khí hậu gia tăng. Liên hiệp quốc dự báo tăng trưởng của kinh tế toàn cầu sẽ giảm xuống 2,4% trong năm nay, so với mức 2,9% ước thực hiện năm 2023.

Giá dầu thô Dated Brent bình quân năm 2024 theo nhận định của Platts dự kiến ở mức 85,17 USD/thùng, tương đương mức giá dầu bình quân năm 2023.

Trong nước, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP ở mức 6-6,5%. Xuất khẩu, đầu tư công và FDI được kỳ vọng tiếp tục là những động lực hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục có những cơ sở thuận lợi để duy trì định hướng nới lỏng chính sách tiền tệ, duy trì xu hướng giảm mặt bằng lãi suất, ưu tiên hỗ trợ tăng trưởng.

Trong hoạt động kinh doanh xăng dầu, dự báo Chính phủ sẽ tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh doanh xăng dầu theo hướng giảm đầu mối, giảm khâu trung gian, tăng cường công tác giám sát, quản lý thị trường. Thị trường KDXD kỳ vọng sẽ ngày càng minh bạch và lành mạnh hơn.

Nguồn cung từ hai NMLD trong nước giảm đáng kể do NMLD Dung Quất dự kiến dừng bảo dưỡng từ tháng 3/2024 trong khoảng 50 ngày.

Xu hướng chuyển dịch năng lượng và sự phát triển của ô tô điện tiếp tục diễn ra ngày càng mạnh mẽ, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động KDXD, trong đó có PVOIL.

4.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Lĩnh vực Dầu thô:** đảm bảo xuất khẩu/bán toàn bộ khối lượng dầu thô/condensate khai thác được trong và ngoài nước an toàn, hiệu quả; cung cấp đầy đủ dầu thô từ nguồn trong nước cho NMLD Dung Quất.
- Sản xuất xăng dầu:** Sản xuất E5 RON 92, dầu mỡ nhờn thương hiệu PVOIL với mục tiêu gia tăng sản lượng đi đôi với chất lượng và hiệu quả pha chế, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của hệ thống và cung ứng cho các doanh nghiệp đầu mối khác.
- Kinh doanh xăng dầu:** Tổ chức kinh doanh xăng dầu tuân thủ các quy định của Nhà nước, chính sách của Tổng công ty; phấn đấu gia tăng sản lượng kinh doanh trên cả 3 kênh phân phối để mở rộng thị phần, song song với đảm bảo hiệu quả kinh doanh;
- Công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp:** Tiếp tục triển khai tái cấu trúc, sắp xếp lại hệ thống theo hướng tối ưu và hiệu quả; phối hợp với PVN, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, các cơ quan có liên quan để xử lý tồn đọng, thúc đẩy công tác quyết toán cổ phần hóa PVOIL.
- Công tác đầu tư phát triển hệ thống:** Tăng cường nắm bắt cơ hội, đẩy mạnh đầu tư phát triển CHXD dưới nhiều hình thức. Tiếp tục tìm kiếm và phát triển các dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD.
- Công tác quản trị hệ thống:** Tăng cường hiệu quả công tác quản lý dòng tiền và công nợ, tiết giảm chi phí; tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các CHXD và tổng kho xăng dầu; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý điều hành.

4.3. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

✚ Các chỉ tiêu sản lượng và tài chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2024	So với TH 2023
I	Các chỉ tiêu sản lượng			
1	Sản lượng xuất khẩu/bán dầu thô và nhập khẩu dầu thô cho NMLD Dung Quất	1.000 tấn	9.496	89%
2	SX xăng dầu, dầu mỡ nhờn	1.000 m ³ /tấn	585	87%
3	Sản lượng kinh doanh xăng dầu	1.000 m ³ /tấn	5.000	95%
	Tỷ trọng bán lẻ	%	27,1%	+ 2,5%
II	Các chỉ tiêu tài chính			
II.1	Hợp nhất			
1	Doanh thu	Tỷ đồng	83.000	80%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	740	93%
3	Lợi nhuận sau thuế		592	95%
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	7.584	80%
II.2	Công ty mẹ			
1	Doanh thu	Tỷ đồng	56.000	68%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	600	98%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	480	96%

Ghi chú: Doanh thu năm 2024 được tính trên giá dầu thô 70 USD/thùng

✚ Kế hoạch đầu tư XD CB

PVOIL tiếp tục tập trung đầu tư phát triển hệ thống CHXD bán lẻ dưới nhiều hình thức và nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh xăng dầu trong năm 2024 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	So với TH 2023
1	Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng		459	540%
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD (*)	65-70 CHXD	266	76%
3	Đầu tư, mua sắm khác		345	359%
	TỔNG CỘNG		1.070	201%
	Trong đó: - Công ty mẹ		377	116%
	- Công ty con		693	335%
	Đầu tư từ nguồn vốn CSH		639	134%

(*) CHXD được phát triển mới theo các hình thức: xây mới, nhận chuyển nhượng, thuê dài hạn, hợp tác kinh doanh. Giá trị đầu tư kế hoạch được ghi nhận đối với các cửa hàng đầu tư theo hình thức xây mới và nhận chuyển nhượng, đối với CHXD thuê dài hạn, hợp tác kinh doanh chi phí liên quan được tính vào chi phí SXKD.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của PVOIL do công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán. Theo đó, báo cáo có 01 điểm loại trừ của đơn vị kiểm toán và ý kiến giải trình của Ban Tổng giám đốc như sau:

Ý kiến của kiểm toán:

“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (“PVB”), công ty liên kết của Tổng Công ty, được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 271.593.756.068 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 272.716.534.896 đồng) dựa theo số liệu báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Tại ngày báo cáo này, Tổng Công ty vẫn đang chờ phê duyệt của các cơ quan về việc triển khai phương án phá sản cho PVB. Dựa trên các thông tin hiện tại, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khoản đầu tư vào PVB theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không”

Giải trình của PVOIL:

Khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (PVB) - là chủ đầu tư dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, đã phát sinh từ trước khi cổ phần hóa PVOIL, đã dừng thi công từ năm 2012 đến nay. Đây là một trong số 12 dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương theo Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29/9/2017 của Thủ tướng chính phủ. Theo Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ, dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ được đề nghị xem xét phương án giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.

PVOIL đã có văn bản trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đề xuất được xác định lại khoản đầu tư này về mức 0 đồng khi thực hiện quyết toán cổ phần hóa (được hiểu là loại khoản đầu tư này ra khỏi công ty cổ phần). Trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản dự án, nếu có phát sinh thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, PVOIL sẽ nộp toàn bộ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Vấn đề này đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xin ý kiến xử lý của Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong công văn số 3540/DKVN-HĐTV ngày 01 tháng 7 năm 2019 về sắp xếp lại, xử lý nhà đất và khó khăn vướng mắc trong quyết toán cổ phần hóa PVOIL.

Chính phủ đã đồng ý việc đưa dự án NLSH Phú Thọ ra khỏi danh sách theo dõi, xử lý của Ban chỉ đạo xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương theo nội dung công văn số 3554/VPCP-KTTH ngày 24/12/2020 của Văn phòng Chính phủ. Đồng thời, giao Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ động quyết định và thực hiện theo thẩm quyền và quy định của pháp luật việc xử lý, cơ cấu lại đối với dự án. Do không thể thực hiện thẩm định giá trị doanh nghiệp làm cơ sở để lập phương án thoái vốn khỏi PVB nên việc triển khai thoái vốn tại PVB không thể thực hiện được.

Hiện nay, PVOIL và PVB đang làm việc với các cổ đông của PVB và các bên có liên quan để xem xét, quyết định phương án xử lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

PHẦN V

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Tổng công ty

Năm 2023, kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn khi phải đối mặt với bất ổn địa chính trị (Nga và Ukraine, Israel và Hamas); Lạm phát tại nhiều nước có nền kinh tế phát triển tăng cao dẫn đến việc thực thi chính sách thắt chặt tiền tệ ở nhiều nước, các đợt tăng lãi suất kéo dài, nhu cầu tiêu dùng bị sụt giảm, tăng trưởng kinh tế bị ảnh hưởng tiêu cực; Kinh tế trong nước chịu tác động mạnh bởi suy thoái kinh tế thế giới; Giá dầu thế giới biến động khó lường, nguồn cung trong nước tại một số thời điểm khan hiếm do NMLHD Nghi Sơn tạm dừng hoạt động để bảo dưỡng,... Từ ngày 17/11/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 80/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về kinh doanh xăng dầu, điều chỉnh công thức giá, rút ngắn thời gian điều hành giá bán xăng dầu,...

Mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, nhưng tập thể PVOIL đã rất nỗ lực vượt khó, triển khai nhiều nhóm giải pháp hiệu quả, đôi khi có phần quyết liệt để xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và đã đạt được kết quả SXKD hết sức ấn tượng, tạo nên nhiều kỷ lục mới về hoạt động SXKD; Các mặt hoạt động khác của Tổng công ty ổn định; Nguồn lực doanh nghiệp được tích lũy, tạo nền tảng và kỳ vọng cho việc đặt mục tiêu tăng trưởng trong giai đoạn tiếp theo.

- ✔ **Nhiệm vụ chính - sản xuất kinh doanh:** Tiếp tục đảm bảo nguồn cung xăng dầu ổn định cho toàn hệ thống; tổ chức cân đối nguồn hàng và điều hành kinh doanh linh hoạt, phát huy tốt các chuỗi liên kết với đơn vị trong ngành dầu khí, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được ĐHCĐ thường niên năm 2023 giao: các chỉ tiêu hợp nhất về sản lượng hoàn thành 159% kế hoạch năm (5,2 triệu m³), doanh thu đạt 207% kế hoạch năm (103,6 nghìn tỷ đồng) và chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế hoàn thành 133% kế hoạch năm (798 tỷ đồng); Riêng Công ty mẹ hoàn thành 122% kế hoạch lợi nhuận trước thuế (611 tỷ đồng).
- ✔ **Về lĩnh vực quản lý vốn:** Quản lý và sử dụng vốn hiệu quả, đúng mục đích, bảo toàn và phát triển vốn; Quản lý công nợ phải thu, phải trả, xử lý/thu hồi công nợ/nợ tồn đọng trong toàn hệ thống theo quy định, hạn chế để phát sinh nợ xấu; Thường xuyên giám sát kết quả hoạt động các ĐVTV, đánh giá hiệu quả đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; Định kỳ rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của các đơn vị thuộc diện kiểm soát đặc biệt, bổ sung vào/đưa ra khỏi diện bị kiểm soát đặc biệt.
- ✔ **Về công tác quản trị doanh nghiệp:** Định kỳ tổ chức rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế/quy định nội bộ cho phù hợp với Luật, Nghị định và các văn bản mới có hiệu lực của Nhà nước và tình hình thực tế của Tổng công ty; Thực hành tiết kiệm chống lãng phí từ Tổng công ty tới các đơn vị thành viên, kiểm toán chi phí xăng dầu theo đúng quy định của Nhà nước; Thực hiện chuẩn hóa và nâng cao tính đồng bộ của các phương tiện liên quan đến đo lường và bán hàng làm sơ sở xây dựng và triển khai các giải pháp chuyển đổi số, nâng cao công tác quản trị trong hoạt động bán lẻ tại các CHXD, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các CHXD và tổng kho xăng dầu; Đẩy mạnh triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động; tăng cường công tác phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt tại các kho và CHXD.
- ✔ **Về lĩnh vực đầu tư xây dựng:** Triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch năm 2023 bao gồm: đầu tư CHXD, xây dựng và mở rộng kho xăng dầu, nâng cấp và cải tạo một số công trình, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động tại các đơn vị; Tiếp tục thực hiện và hoàn thành các dự án chuyển tiếp từ năm 2022; Thực hiện rà soát, sắp xếp quy hoạch

hệ thống kho cảng trong toàn hệ thống PVOIL nhằm tiết giảm chi phí hoạt động và nâng cao hiệu quả sử dụng; thúc đẩy việc tiếp tục nghiên cứu, xây dựng đề án phát triển kinh doanh nhiên liệu bay Jet A1.

- ✔ **Công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp:** Tiếp tục thực hiện kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu PVOIL giai đoạn 2020 – 2025 bao gồm nhóm công việc tái cấu trúc công ty mẹ, nhóm công việc tổ chức/sắp xếp lại các đơn vị thành viên, thoái vốn tại các doanh nghiệp đầu tư ngoài ngành và nhóm tái cấu trúc các nhà máy nhiên liệu sinh học. Năm 2023, Tổng công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi mô hình hoạt động của Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu Khí Thanh Hóa thành Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu Khí Thanh Hóa (100% vốn của Tổng công ty); Làm việc với các cổ đông khác để thúc đẩy phương án sáp nhập PVOIL Tây Ninh – PVOIL Sài Gòn; Chỉ đạo triển khai chủ trương liên quan đến chuyển đổi Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận thành công ty TNHH MTV; Tiếp tục công tác thoái vốn tại PVOIL Campuchia; Phê duyệt định hướng hoạt động của PVOIL Lào và PVOIL Lào Trading; Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ và phê duyệt kế hoạch phát triển 5 năm giai đoạn 2024 - 2028 của PVOIL Trans.
- ✔ **Công tác tổ chức, lao động và tiền lương:** Tiếp tục thực hiện đổi mới và hoàn thiện cơ cấu tổ chức của các Đơn vị thành viên, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống; Thực hiện đầy đủ, đúng yêu cầu công tác tổ chức, công tác cán bộ, tuyển dụng và đào tạo nhân sự; Công tác tiền lương, thưởng và chế độ chính sách theo đúng quy định; Công tác thi đua khen thưởng kịp thời và khích lệ Người lao động.
- ✔ **Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số:** Nghiên cứu, xây dựng Chiến lược chuyển đổi số giai đoạn 2024-2030 của Tổng công ty; Tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa và chuyển đổi số một cách toàn diện vào tất cả các lĩnh vực SXKD với mục tiêu chính là gia tăng hiệu quả hoạt động, tạo được lợi thế cạnh tranh. Phần đầu hoàn thành dự án ERP giai đoạn 2023-2025 với mục tiêu trong Quý 4/2024 đưa vào sử dụng tất cả các hạng mục của dự án; Thực hiện dự án “Giải pháp hiện đại hóa trụ bơm CHXD PVOIL”, thúc đẩy việc thực hiện qui định của Nhà nước về phát hành hóa đơn sau mỗi lần bán hàng; Thí điểm hợp tác thanh toán PVOIL Easy với Thẻ thu phí tự động VETC tại CHXD.
- ✔ **Công tác An toàn – PCCN:** Quan tâm công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các văn bản pháp quy của Nhà nước về công tác An toàn sức khỏe môi trường; Phối hợp với Cục Cảnh sát PCCC&CNCH về việc Thanh tra chấp hành các quy định pháp luật về PCCC tại Khối văn phòng PVOIL và các Đơn vị trong hệ thống; Đánh giá/kiểm tra tình hình thực hiện Đề án 1114 tại tất cả các CHXD và Đề án 808 tại toàn bộ các Kho/cảng trong hệ thống; Tổ chức đào tạo về kiểm soát an toàn, huấn luyện tâm lý trong hoạt động chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, và nhận diện, đánh giá chuyên sâu về những mối nguy tràn dầu trong vận hành tại hệ thống kho xăng dầu của PVOIL.
- ✔ **Về các dự án nhiên liệu sinh học:** Tiếp tục phối hợp với các cổ đông của BSR-BF, OBF và PVB triển khai phương án xử lý đối với các dự án nhiên liệu sinh học theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền và tuân thủ trình tự, quy định của pháp luật; liên tục cập nhật thông tin về các dự án và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu.
- ✔ **Công tác kiểm tra, giám sát:** Tổ chức giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên thông qua các báo cáo của Người đại diện tại các công ty con, báo cáo kiểm tra, giám sát định kỳ của Ban KSNB, báo cáo giám sát tài chính hàng quý của Ban Điều hành, báo cáo thẩm định BCTC hàng quý của BKS Tổng công ty; Chỉ đạo phương án hỗ trợ, khắc phục đối với các đơn vị gặp khó khăn, có lỗ lũy kế, các đơn vị thuộc diện giám sát đặc biệt; Chỉ đạo triển khai các giải pháp khắc phục những tồn tại trong hệ thống đã được các đoàn thanh tra, kiểm tra bên ngoài và nội bộ đã chỉ ra; Tăng cường công tác giám sát trực tiếp của HĐQT Tổng công ty đối với hoạt động của các Đơn vị trong hệ thống.

- ✔ **Về định hướng phát triển và công tác xây dựng chiến lược:** Tiếp tục bám sát định hướng phát triển ngành xăng dầu và bối cảnh chuyển dịch năng lượng thực tế để xem xét, quyết định việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung kịp thời chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của PVOIL cho phù hợp; Nghiên cứu và phát triển các hoạt động kinh doanh phi xăng dầu (non-oil) tại các CHXD, mô hình trạm dừng chân; Hợp tác với Vinfast thực hiện lắp đặt trạm sạc điện và kinh doanh sạc pin; Tiếp tục hợp tác kinh doanh, xây dựng chuỗi liên kết giá trị với các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, nghiên cứu và đề xuất các hình thức hợp tác, chuỗi liên kết mới nhằm tối ưu hóa hiệu quả SXKD của Tổng công ty; Thường xuyên tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để thúc đẩy, phát triển hoạt động SXKD của Tổng công ty nhằm thích ứng với xu thế chuyển dịch năng lượng.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Tổng giám đốc đã điều hành các mặt hoạt động của Tổng công ty một cách ổn định; các chỉ tiêu SXKD cơ bản tăng trưởng ngoạn mục, đạt được các kỷ lục mới về sản lượng kinh doanh xăng dầu, doanh thu và số CHXD phát triển được trong năm.

Trong năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đã làm tốt công tác dự báo diễn biến giá dầu thế giới, nhu cầu xăng dầu trong nước, từ đó có các giải pháp ứng phó kịp thời với biến động của thị trường, chủ động trong công tác điều hành kinh doanh, tăng cường công tác sản xuất pha chế, quản trị tồn kho hợp lý, linh hoạt trong các khâu tạo/cấp nguồn xăng dầu cho các ĐVTV; Phối hợp chặt chẽ với BSR, PVNDB xây dựng/Thực hiện các phương án đảm bảo việc tiêu thụ tối đa sản phẩm từ các nhà máy lọc dầu trong nước, điều độ hàng hóa để hỗ trợ cho 2 NMLD hoạt động liên tục và ổn định; Gia tăng sản lượng và hiệu quả kinh doanh thông qua phát huy chuỗi liên kết với ĐVTV thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (BSR, PVNDB, PVGAS) về nguyên liệu, sản xuất, tồn chứa, phân phối trong lĩnh vực dầu thô và sản phẩm dầu; Tập trung phát triển thị trường, mở rộng quy mô kinh doanh sau khi tái cấu trúc chuyển đổi các công ty con thành công ty TNHH MTV theo quy định. Kết quả đạt được như sau:

- ✔ ĐHCĐ năm 2023 của PVOIL đã diễn ra thành công theo đúng kế hoạch; Báo cáo thường niên năm 2022 và công tác công bố thông tin thực hiện minh bạch, đúng thời gian quy định.
- ✔ Về các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023, Ban Tổng giám đốc đã triển khai đầy đủ, nghiêm túc và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu được ĐHCĐ và HĐQT giao, trong đó các chỉ tiêu cơ bản bao gồm sản lượng kinh doanh xăng dầu (159%), doanh thu (207%) và lợi nhuận trước thuế (133%).
- ✔ Các nhiệm vụ trọng tâm khác đều được hoàn thành theo kế hoạch như: Tái cấu trúc - đổi mới doanh nghiệp; Đầu tư phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu và sắp xếp quy hoạch hệ thống kho cảng; Ứng dụng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số; Quản trị hệ thống: kiểm soát chi phí, quản lý tài chính an toàn và hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ tại các kho và cửa hàng xăng dầu thông qua việc triển khai Đề án 1114, Đề án 808, triển khai thí điểm các dịch vụ non-oil tại một số CHXD trong hệ thống, an ninh - an toàn, PCCN; Các hoạt động đoàn thể, an sinh xã hội, từ thiện, được quan tâm và triển khai tích cực trong toàn hệ thống với nhiều hoạt động ý nghĩa.

Đánh giá chung: Trong quá trình điều hành hoạt động SXKD năm 2023 của PVOIL, Tổng giám đốc và Ban Điều hành đã nghiêm túc tuân thủ quy định của pháp luật, phân cấp quản lý tại Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của PVOIL cũng như các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT; Đã có nhiều giải pháp điều hành các mặt hoạt động của Tổng công ty và các ĐVTV linh hoạt, kịp thời và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ; Hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm đã được ĐHCĐ và HĐQT giao phó;

Tiếp tục cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống của người lao động; Tạo nền tảng ổn định và động lực phát triển mới trong toàn hệ thống.

3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2024

Ngày 29/12/2023, căn cứ định hướng chiến lược phát triển trung - dài hạn, kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2020 - 2025 và kế hoạch SXKD năm 2024 của Tổng công ty, HĐQT Tổng công ty đã ban hành Chương trình công tác năm 2024 của HĐQT, cụ thể hóa các nhóm nhiệm vụ/công việc cần thực hiện và những mục tiêu đặt ra trong năm 2024 với những nội dung cụ thể:

- ✔ **Về hoạt động sản xuất kinh doanh:** Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công Kế hoạch SXKD năm 2024 trên cơ sở đảm bảo nguồn cung cấp xăng dầu đầy đủ cho hệ thống, ổn định thị trường; Phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh, nắm bắt các cơ hội phát triển, tận dụng hiệu quả các lợi ích từ chuỗi liên kết sản xuất - vận chuyển - phân phối trong Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam; Nâng cao sản lượng kinh doanh, mở rộng thị phần; Khai thác hiệu quả hệ thống kho xăng dầu. Thường xuyên giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản SXKD thông qua kết quả hoạt động SXKD hàng tháng/quý và cả năm của Tổng công ty và các ĐVTV trong toàn hệ thống; Chỉ đạo các giải pháp cần thiết nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch hoạt động SXKD năm 2024.
- ✔ **Công tác quản trị tài chính và công nợ:** (i) Đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh, an toàn; Việc huy động và sử dụng vốn đúng mục đích; Quản trị dòng tiền hiệu quả nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản và góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; Vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển; (ii) Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý công nợ, không để phát sinh nợ xấu mới, tập trung thu hồi nợ tồn đọng, khó đòi; (iii) Chỉ đạo công tác giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp; Xem xét chủ trương tăng vốn điều lệ cho một số ĐVTV nhằm đáp ứng nhu cầu vốn phát triển doanh nghiệp và (iv) Chỉ đạo rà soát, đánh giá hình hình hoạt động của một số đơn vị thuộc diện giám sát đặc biệt để quyết định bổ sung vào/đưa ra khỏi diện bị kiểm soát đặc biệt.
- ✔ **Công tác tái cơ cấu, quyết toán cổ phần hóa:** Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu PVOIL giai đoạn 2020 – 2025; Tiếp tục chỉ đạo triển khai các phương án xử lý đối với các dự án Nhiên liệu sinh học OBF, PVB và BSR-BF; Chỉ đạo bám sát và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để thúc đẩy việc quyết toán cổ phần hóa PVOIL và PETEC; Tiếp tục chỉ đạo tập trung việc thoái vốn tại các công ty không thuộc ngành nghề kinh doanh chính.
- ✔ **Công tác chuyển đổi số, áp dụng công nghệ 4.0:** Tiếp tục giám sát và chỉ đạo đẩy mạnh công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ 4.0 trong hệ thống PVOIL với trọng tâm: Xây dựng chiến lược Chuyển đổi số giai đoạn 2024-2030; Triển khai ERP; Đẩy nhanh công tác hiện đại hóa trụ bơm tại CHXD PVOIL; đảm bảo việc xuất hóa đơn từng lần bán hàng và kết nối dữ liệu bán hàng theo quy định; Triển khai các giải pháp phần cứng và phần mềm nâng cấp mở rộng PVOIL Easy, Hóa đơn điện tử và PVOIL B2B; Đầu tư, nâng cấp công nghệ, phần mềm quản lý và thiết bị hạ tầng CNTT phục vụ SXKD.
- ✔ **Công tác xây dựng các chuỗi liên kết giá trị; xây dựng và phát triển thương hiệu:** Tiếp tục chỉ đạo công tác hợp tác kinh doanh, xây dựng các chuỗi liên kết giá trị với các đơn vị trong Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam; Chỉ đạo công tác phát triển thương hiệu PVOIL, chỉnh trang/đồng bộ nhận diện thương hiệu toàn hệ thống PVOIL, mở rộng độ phủ thương hiệu PVOIL.
- ✔ **Công tác đầu tư:** Chỉ đạo, đôn đốc và giám sát việc triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch bao gồm cả những dự án chuyển tiếp từ năm 2023, đảm bảo tiến độ và hiệu quả; Tập trung đẩy mạnh công tác đầu tư CHXD phù hợp với chiến lược phát triển của

PVOIL; Tiếp tục nhiệm vụ rà soát, sắp xếp quy hoạch hệ thống kho, cảng trong toàn hệ thống PVOIL nhằm tiết giảm chi phí vận hành, tăng cường hiệu quả sử dụng kho cảng; Tiếp tục chỉ đạo việc triển khai nghiên cứu, xây dựng đề án phát triển kinh doanh nhiên liệu bay Jet A1.

- ✔ **Công tác rà soát văn bản quy định quản lý nội bộ:** Chỉ đạo rà soát, ban hành và sửa đổi, bổ sung các quy định quản lý nội bộ nhằm phù hợp với thực tế hoạt động SXKD và thay đổi của pháp luật, môi trường kinh doanh.
- ✔ **Công tác kiểm tra, giám sát:** Tổ chức giám sát thường xuyên và chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của các ĐVTV; Giám sát thường xuyên việc thực hiện quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Người đại diện tại các ĐVTV; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm đảm bảo các đơn vị trong hệ thống vận hành đúng định hướng, mục tiêu đã đặt ra.
- ✔ Tiếp tục bám sát định hướng phát triển ngành xăng dầu và bối cảnh chuyển dịch năng lượng trên thế giới và trong nước để xây dựng; sửa đổi, bổ sung kịp thời chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của PVOIL cho phù hợp.

PHẦN VI

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Thông điệp phát triển bền vững

Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm và trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu. Phát triển bền vững là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới. Điều này càng được chú trọng hơn đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu – một sản phẩm thiết yếu nhưng lại tiềm ẩn nhiều rủi ro ô nhiễm.

Ngay từ những ngày đầu thành lập PVOIL đã kiên định mục tiêu phát triển Tổng công ty một cách bền vững, phát triển kinh doanh đi cùng với bảo vệ môi trường và làm tròn trách nhiệm với xã hội, cộng đồng. Thể hiện cụ thể qua chiến lược phát triển đối với sản phẩm, con người và thực thi trách nhiệm với cộng đồng của Tổng công ty.



Về sản phẩm, ý thức sâu sắc trách nhiệm trong việc gìn giữ bảo vệ môi trường sống, PVOIL là đơn vị tiên phong cả nước giúp Chính phủ từng bước triển khai lộ trình đưa xăng sinh học E5 ra thị trường để thay thế xăng truyền thống. Xăng sinh học E5 đã được PVOIL đưa vào kinh doanh từ 01/8/2010 và từng bước mở rộng tiêu thụ trong hệ thống phân phối của mình. Sau nhiều năm kiên trì đeo đuổi, nỗ lực tuyên truyền lợi ích của việc sử dụng loại sản phẩm “xanh” và thuyết phục người tiêu dùng bằng chính sản phẩm chất lượng của mình, xăng sinh học E5 đã được Chính phủ quyết định đưa vào kinh doanh thay thế hoàn toàn A92 kể từ ngày 01/01/2018 và được người tiêu dùng đón nhận.

Với yếu tố con người, PVOIL xác định nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng, là yếu tố không thể thiếu và là nguồn lực lớn tạo nên thành công, mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, PVOIL chú trọng đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn; đảm bảo ổn định việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động; không ngừng cải thiện điều kiện làm việc, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp; hài hòa trong quan hệ lao động.



Đối với cộng đồng, PVOIL xác định sự công nhận của cộng đồng chính là thước đo chuẩn xác cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty. Vì vậy, PVOIL luôn đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, đồng thời thực thi trách nhiệm với xã hội, cộng đồng thông qua nhiều hoạt động thiết thực và bằng cả tấm lòng.

2. Nguyên tắc hoạt động của PVOIL đối với các bên liên quan

	<p>Đối với nhân viên</p> <ul style="list-style-type: none"> ☑ Đảm bảo việc làm; Xây dựng chính sách đãi ngộ tương xứng với sự cống hiến, đóng góp của Người lao động. ☑ Đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn; Tổ chức giao và đánh giá công việc bằng KPIs, khuyến khích nâng cao năng suất, chất lượng/hiệu quả công việc. ☑ Môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và thân thiện.
	<p>Đối với khách hàng</p> <p>PVOIL đảm bảo cung cấp sản phẩm chất lượng và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. PVOIL là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực phát triển kinh doanh xăng sinh học E5 thay thế nhiên liệu hóa thạch, góp phần giảm phát thải, bảo vệ môi trường. Sản phẩm xăng dầu, dầu mỡ nhờn và nhiên liệu sinh học mà PVOIL cung ứng ra thị trường luôn đảm bảo tuyệt đối về chất lượng và đầy đủ về số lượng. Bên cạnh đó, Tổng công ty đã và sẽ tiếp tục duy trì trong toàn hệ thống các chương trình hành động thiết thực như 1114 và 808 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu.</p>
	<p>Đối với cổ đông và nhà đầu tư</p> <p>PVOIL luôn hướng tới mục tiêu tối đa hóa giá trị doanh nghiệp với các nỗ lực hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Đồng thời, cung cấp đầy đủ, kịp thời, công khai minh bạch thông tin về tình hình hoạt động của Tổng công ty thông qua các buổi hội thảo, các kênh truyền thông, website và các phương tiện công bố thông tin theo quy định.</p>
	<p>Đối với đối tác kinh doanh</p> <p>Tổng công ty giữ nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng</p>
	<p>Đối với cộng đồng và xã hội</p> <p>Tổng công ty cam kết thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội bằng các hoạt động thiết thực.</p>

3. Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường (ATSKMT)

3.1. Duy trì hiệu quả Hệ thống ATSKMT

3.1.1. Bộ máy quản lý công tác ATSKMT

- ☑ Bộ máy quản lý công tác ATSKMT tại PVOIL đã được thiết lập, thường xuyên kiện toàn và tổ chức hoạt động đồng bộ, nhịp nhàng, chặt chẽ từ Tổng công ty đến các Đơn vị trực thuộc và các Đơn vị thành viên trong toàn hệ thống, từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến chuyên viên chuyên trách/bán chuyên trách.

- ✓ Xây dựng đội ngũ An toàn vệ sinh viên trong toàn Tổng công ty nhằm hỗ trợ trong công tác đảm bảo ATSKMT trong các hoạt động SXKD.
- ✓ Xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá định lượng rủi ro và Kế hoạch ứng phó tình huống khẩn cấp đáp ứng theo quy định của pháp luật.

3.1.2. Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý ATSKMT

- ✓ Hệ thống quản lý chất lượng tích hợp (HTQLTH) của PVOIL đã triển khai xây dựng, duy trì và tuân thủ từ năm 2012 trong toàn hệ thống và đã được Viện tiêu chuẩn Anh BSI đánh giá và cấp chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn - Môi trường - Chất lượng theo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001:2018, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 và Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Hệ thống được tái đánh giá chứng nhận định kỳ, đánh giá giám sát hằng năm và lần đánh giá gần nhất là tháng 9-10/2023.
- ✓ Việc triển khai các đề án 1114 “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD” và đề án 808 “Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại Kho xăng dầu” đã đóng góp tích cực trong việc đảm bảo tuân thủ quy trình nghiệp vụ, thành thạo các quy tắc về an toàn PCCC, an toàn vận hành, sử dụng thành thạo trang thiết bị PCCC và xử lý sự cố tại CHXD và các kho trong toàn hệ thống.



Hình ảnh kho xăng dầu và CHXD xanh – sạch đẹp – an toàn của PVOIL

- ✓ Việc duy trì tuân thủ và cải tiến HTQLTH được PVOIL thực hiện nghiêm túc, thông qua:
 - ✓ Công tác kiểm tra, đánh giá nội bộ của Tổng công ty về ATSKMT được duy trì thực hiện hàng năm.
 - ✓ Công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng tháng đối với Đề án 1114 “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD” và Đề án 808 “Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại Kho xăng dầu” với 04 lượt cho tất cả các kho và CHXD trong hệ thống.
 - ✓ Hoạt động đánh giá giám sát định kỳ HTQLTH của Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI): Các phát hiện sự không phù hợp và khuyến nghị cải tiến của BSI đều được theo dõi, lập kế hoạch và triển khai khắc phục, phòng ngừa, cải tiến theo Quy trình khắc phục sự không phù hợp.

- ✔ Đào tạo cho CBCNV về các nội dung liên quan. Trong năm 2023, PVOIL đã đào tạo cho các CBNV làm việc trực tiếp tại các kho xăng dầu trong hệ thống khóa “An toàn trong sử dụng điện, bảo vệ chống sét và tĩnh điện tại kho xăng dầu”; Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu và các khóa đào tạo An toàn vệ sinh lao động theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP.

3.2. Công tác An toàn - An ninh, PCCC, ứng cứu tình huống khẩn cấp

Trong năm 2023, PVOIL tiếp tục duy trì triển khai các biện pháp từ phòng ngừa đến sẵn sàng ứng cứu sự cố để đảm bảo an toàn, PCCN trong toàn hệ thống với các hoạt động tiêu biểu sau:

- ✔ Tất cả các kho, CHXD trong hệ thống PVOIL định kỳ tổ chức diễn tập phương án PCCC, ứng phó sự cố môi trường và cứu nạn thoát hiểm với sự tham gia của lực lượng chức năng địa phương nhằm nâng cao tính sẵn sàng ứng cứu của lực lượng ứng cứu tại chỗ và ý thức an toàn của CBNV.
- ✔ Tổng công ty đã kết hợp tổ chức các khóa đào tạo trực tiếp về ATSKMT theo quy định pháp luật; triển khai “Đánh giá an toàn kho cảng” theo thông lệ quốc tế, đào tạo “phối hợp chữa cháy giữa tàu và bờ”, an toàn vệ sinh lao động, diễn tập, thực tập PCCC định kỳ;
- ✔ Đối với công tác Phòng chống lụt bão, thiên tai, PVOIL thường xuyên theo dõi và cảnh báo kịp thời về các tình huống thiên tai, bão lụt nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động làm việc tại các Kho/cảng và giảm thiệt hại về tài sản; Ban chỉ đạo Văn phòng tình huống khẩn cấp thực hiện trực điện thoại 24/24 trong các dịp Lễ, Tết hoặc các thời điểm có bão, lũ... nhằm kịp thời chỉ đạo, xử lý các tình huống khẩn cấp; Tổ chức lực lượng trực ứng cứu tràn dầu trong quá trình xuất nhập hàng hóa tại tất cả các kho trong hệ thống.
- ✔ PVOIL luôn duy trì chế độ báo cáo hàng tháng, kiểm tra định kỳ và đột xuất công tác an toàn, an ninh và PCCC tại các đơn vị trong toàn hệ thống PVOIL.



Một số hình ảnh diễn tập PCCC và ứng cứu sự cố tràn dầu tại kho xăng dầu PVOIL

3.3. Chăm sóc sức khỏe người lao động

- ✓ Định kỳ, Tổng công ty đã tổ chức triển khai đo kiểm tra môi trường lao động định kỳ và công tác bảo hộ lao động hiệu quả, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp.
- ✓ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBCNV; thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động trực tiếp, và khám chuyên sâu đối với một số trường hợp có nghi ngờ về mắc bệnh nghề nghiệp.
- ✓ Tổng công ty cũng thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc tại Kho cảng/CHXD.
- ✓ Đối với các Đơn vị có bếp ăn tập thể, luôn kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm cho người lao động.
- ✓ Ngoài ra, để giúp người lao động được đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện, PVOIL nhiều năm qua đã áp dụng chính sách mua bảo hiểm sức khỏe /Bảo hiểm tai nạn cho CBCNV của mình.

3.4. Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải

- ✓ PVOIL thường xuyên theo dõi, cập nhật triển khai các văn bản pháp luật mới ban hành. Năm 2023, Tổng công ty tiếp tục theo dõi, hướng dẫn các đơn vị trong toàn hệ thống triển khai Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản dưới Luật cho các Đơn vị, ghi nhận các vướng, mắc khó khăn của Đơn vị trong quá trình triển khai để báo cáo các cấp thẩm quyền nhằm tháo gỡ vướng mắc cho Đơn vị.
- ✓ Định kỳ giám sát chất lượng môi trường, diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu, quản lý chất thải nguy hại, vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải.
- ✓ Áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro trong hoạt động bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải thông qua việc nhận diện, đánh giá các khía cạnh môi trường có ý nghĩa từ các hoạt động tồn trữ, pha chế, kinh doanh và vận chuyển xăng dầu để từ đó đưa ra giải pháp nhằm ngăn ngừa các sự cố ô nhiễm môi trường

3.5. Xây dựng văn hóa an toàn sức khỏe, môi trường

Cùng với việc sử dụng công nghệ, PVOIL còn quan tâm đến việc tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV thông qua việc tổ chức các hoạt động thiết thực như:

- ✓ Duy trì việc tuyên truyền định kỳ tháng hành động vì an toàn vệ sinh lao động, ngày môi trường thế giới, giờ trái đất, ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy... Giúp nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về tuân thủ yêu cầu Pháp luật về an toàn – phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và sức khỏe người lao động.
- ✓ Trong năm 2023, PVOIL đã tổ chức thành công Hội nghị An toàn Sức khỏe Môi trường, nhằm tổng kết công tác ATSKMT của Tổng công ty trong những năm qua, đồng thời tạo điều kiện chia sẻ kinh nghiệm/bài học trong việc triển khai hiệu quả hoặc xử lý các vướng mắc/khó khăn trong quá trình thực hiện công tác ATSKMT giữa các Đơn vị.

3.6. Các chỉ số an toàn sức khỏe và nghề nghiệp

Tỷ lệ chấn thương, bệnh nghề nghiệp, ngày nghỉ ốm, sự vắng mặt và số trường hợp tử vong có liên quan đến làm việc theo từng khu vực của Tổng công ty trong năm 2023 được thống kê như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
1	Tai nạn lao động		0
	- Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	0
	- Tổng số người bị tai nạn lao động	Người	0
	- Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, điều trị, trả lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)	Triệu đồng	0
	- Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền)	Triệu đồng	0
	- Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động	Ngày	0
2	Bệnh nghề nghiệp		0
	- Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo	Người	0
	- Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp	Ngày	0
	- Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp	Người	
	- Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (Các khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp,...)	Triệu đồng	0
3	Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động		
	+ Loại I	Người	1.361
	+ Loại II	Người	2.814
	+ Loại III	Người	1.957
	+ Loại IV	Người	53
	+ Loại V	Người	6
4	Số ngày nghỉ ốm	Ngày	0

3.7. Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT 2024

Những thành tích đạt được trong năm 2023 đã khẳng định những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty trong công tác đảm bảo ATSKMT, củng cố thương hiệu và hình ảnh của PVOIL vì một tương lai an toàn và phát triển bền vững. Để tiếp tục phát huy thành tích đó PVOIL đã xây dựng một số nhiệm vụ chính trong năm 2024 như sau:

- ✔ Đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của PVOIL an toàn, chất lượng và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về Chất lượng - ATSKMT.
- ✔ Duy trì cập nhật và đánh giá chứng nhận thành công Hệ thống quản lý theo phiên bản mới ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018.
- ✔ Tăng cường đào tạo và tập huấn để bổ sung kiến thức về an toàn ATVSLĐ nhằm đáp ứng yêu cầu Pháp luật và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.
- ✔ Không để xảy ra tai nạn lao động nặng trở lên tại các Đơn vị trong toàn Hệ thống.
- ✔ Không để xảy ra sự cố môi trường bị cơ quan chức năng xử phạt và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.
- ✔ Tiếp tục cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho CBCNV trong toàn Tổng công ty.
- ✔ Củng cố lực lượng Ứng cứu khẩn cấp, nâng cao tính sẵn sàng ứng phó sự cố bão lũ nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản trong các cơn bão.

4. Tuân thủ về môi trường

Ý thức được hoạt động kinh doanh xăng dầu tiềm ẩn nhiều rủi ro cho môi trường, Tổng công ty đã tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp để phòng ngừa và hạn chế rủi ro như:

- ✓ Trang bị đầy đủ thiết bị, bố trí nhân lực đủ năng lực, các hệ thống xử lý môi trường được vận hành, bảo trì, bảo dưỡng theo đúng quy định
- ✓ Tổ chức lực lượng quản lý công tác an toàn, sức khỏe, môi trường và ứng cứu sự cố khẩn cấp tại tất cả các đơn vị trong hệ thống.
- ✓ Xây dựng phương án ứng cứu sự cố tràn dầu và thuê lực lượng ứng cứu chuyên nghiệp tại các kho cảng xăng dầu.
- ✓ Các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu đều đảm bảo được cơ quan chuyên ngành cấp/cấp lại các giấy phép về an toàn, bảo vệ môi trường (Báo cáo Đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước...) trước khi đi vào hoạt động và trong quá trình hoạt động.
- ✓ Duy trì hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp về ATSKMT theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018.

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường

5.1. Tác động lên môi trường

Khí thải

- Tổng lượng khí thải phát sinh từ các nhà máy của PVOIL năm 2023 khoảng 7.014 tấn, trong đó Khí thải NOx là 3.54 tấn, CO là 2.67 tấn, VOC là 0.548, SOx là 0.006 tấn và bụi là 0.246 tấn
- Khí thải phát sinh từ các nhà máy đều được thu gom và xử lý tuân thủ theo quy định về bảo vệ môi trường của Việt Nam trước khi thải ra môi trường. Năm 2023, PVOIL không có sự cố do khí thải gây ra.
- Các nguồn khí thải đều được các quan trắc định kỳ và giám sát chặt chẽ, đảm bảo hàm lượng chất ô nhiễm phát thải ra môi trường đáp ứng tiêu chuẩn thải hiện hành.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính của PVOIL:
 - ✓ Lắp đặt mái phao tại các bồn kho xăng dầu.
 - ✓ Thực hiện nghiêm túc việc nhập kín tại các CHXD.
 - ✓ Cải tiến công nghệ thu hồi sản phẩm khí trong quá trình chưng cất làm nhiên liệu cho lò gia nhiệt.

Nước thải

- Nước thải tại các kho xăng dầu, CHXD và nhà máy của Tổng công ty phần lớn là nước thải nguy hại (nhiễm dầu), đều đã được xử lý để đảm bảo tiêu chuẩn xả thải ra môi trường. Hệ thống xử lý nước thải tại các kho, nhà máy của PVOIL được đầu tư, và nâng cấp và thường xuyên được bảo trì, bảo dưỡng
- Định kỳ thực hiện quan trắc chất lượng nước thải theo cam kết trong các Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường và Cam kết bảo vệ môi trường. Kết quả giám sát môi trường tại các đơn vị trong năm 2023 chưa có ghi nhận bất kỳ trường hợp thải nước không tuân theo quy định.

Chất thải rắn

- Hoạt động của PVOIL phát sinh chủ yếu các loại chất thải như chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại. Năm 2023, lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 3,5 nghìn tấn, chất thải công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 15,2 tấn, chất thải nguy hại khoảng 243,7 tấn.
- Các loại chất thải được phân loại, thu gom, lưu giữ an toàn và chuyển giao xử lý theo đúng quy định pháp luật hiện hành

5.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm, dịch vụ chính của PVOIL trong năm:
 - ✓ Condensate (Naptha): 154.000 m³
 - ✓ Dầu gốc sản xuất dầu nhớt: 2.729 tấn
 - ✓ Phụ gia sản xuất dầu nhớt: 256 tấn
 - ✓ Bao bì đóng gói sản phẩm dầu nhớt:

Stt	Tên bao bì	Đơn vị tính	Số lượng
1	Vỏ lon/can	Cái	351.883
2	Vỏ xô	Cái	42.128
3	Vỏ phuy	Cái	9.841
4	Hộp carton	Cái	18.695

- ✓ Nước khoáng: 7.000 m³
- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không áp dụng

5.3. Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 14.742.586 kw, tăng 12% so với năm 2022
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng và thống kê năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: chưa thực hiện

5.4. Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp từ nước thủy cục hoặc giếng khoan.
- Lượng nước sử dụng trong năm 2023 là 327.892 m³, tăng 3% so với năm 2022.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: nước thải tại các kho xăng dầu và CHXD của Tổng công ty phần lớn là nước thải nguy hại (nhiễm dầu), đều đã được xử lý để đảm bảo tiêu chuẩn xả thải ra môi trường. Tuy nhiên, Tổng công ty chưa thực hiện tái chế và tái sử dụng lượng nước thải nêu trên.

5.5. Thích ứng với biến đổi khí hậu và chuyển dịch năng lượng

Với sứ mệnh góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, dưới sự hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP đã có những hoạt động tham gia nhằm góp phần giảm thiểu ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu trong quá trình tồn trữ và kinh doanh xăng dầu:

- Hợp tác với Công ty Vinfast lắp đặt hệ thống trạm sạc xe điện tại các CHXD, nhằm từng bước thực hiện các hoạt động chuyển dịch năng lượng.
- Thực hiện kiểm kê phát thải khí nhà kính và khí ô nhiễm trong hoạt động lọc hóa dầu tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Mỹ.
- Phổ biến và triển khai cho tất cả Đơn vị các văn bản quy định pháp luật, văn bản hướng dẫn của Tập đoàn về thích ứng với Biến đổi khí hậu.
- Triển khai một số biện pháp tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh như: thay thế dần các bóng đèn điện lắp đặt ngoài trời bằng bóng đèn sử dụng điện mặt trời, thay thế dần các vòi nước tự động nhằm tiết kiệm nước, ...

5.6. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6. Chính sách Lao động

Việc tuyển dụng, đào tạo, trả lương, trả thưởng, giải quyết chế độ chính sách đối với người lao động được đảm bảo công bằng, kịp thời. Bên cạnh đó, Tổng công ty cố gắng để cung cấp các chế độ phúc lợi, lợi ích tốt nhất có thể cho Người lao động.

6.1. Thực hiện Luật lao động

- ✓ Tổng công ty luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành; cam kết không để xảy ra vi phạm trong quá trình thực hiện.
- ✓ Năm 2023, Công ty mẹ - PVOIL không xảy ra tranh chấp lao động, không có khiếu kiện liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

6.2. Tình hình thực hiện Thỏa ước lao động tập thể và quy chế, quy định nội bộ

- ✓ Việc ký kết và tổ chức thực hiện Thỏa ước lao động tập thể được thực hiện đầy đủ theo đúng trình tự, quy định của pháp luật hiện hành. Người lao động Tổng công ty luôn nêu cao ý thức, thực hiện tốt nội quy lao động, các quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty và từng đơn vị, các quy định về hợp đồng lao động, đào tạo, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, an toàn và vệ sinh lao động, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, chế độ thai sản, hưu trí,... được cụ thể hóa tại thỏa ước lao động tập thể và các văn bản nội bộ liên quan khác.
- ✓ Tổng công ty và các đơn vị thành viên tổ chức hội nghị người lao động năm 2023 theo đúng trình tự và quy định của pháp luật, kết hợp với việc tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động SXKD, Hội nghị tổng kết công tác Đảng, Công đoàn để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

6.3. Lao động nữ

- ✓ Tỷ lệ lao động nữ chiếm 26,6% tổng số lao động của toàn Tổng công ty. Lao động nữ được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia quản lý, điều hành trong bộ máy của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- ✓ Ngoài các chế độ đối với Người lao động nói chung, Tổng công ty và các đơn vị còn áp dụng đầy đủ các chế độ riêng cho người lao động nữ (ví dụ: khám sức khỏe chuyên khoa, chế độ nghỉ thai sản, nghỉ khác của lao động nữ, ...) phù hợp theo quy định của pháp luật lao động, thỏa ước lao động tập thể và các văn bản nội bộ.

7. Báo cáo các vấn đề về xã hội

7.1. Việc làm và thu nhập



Tổng số CBNV PVOIL tính đến ngày 31/12/2023

6.583 người



Tiền lương bình quân tháng của Người lao động

15,49 triệu đồng



Các khoản phúc lợi

- ✓ Sức khỏe, bảo hiểm sức khỏe
- ✓ Lợi ích/phúc lợi lâu dài: bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm hưu trí tự nguyện
- ✓ Thăm quan, nghỉ mát
- ✓ Tổ chức ăn ca, sinh nhật
- ✓ Văn hóa, văn nghệ, thể thao...



Không phân biệt đối xử

PVOIL cam kết không phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị, nguồn gốc quốc gia hoặc xuất thân xã hội. Trong năm 2023 không có vụ việc phân biệt đối xử xảy ra tại PVOIL.



Không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức

PVOIL cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức, sử dụng lao động đúng theo độ tuổi pháp luật quy định.


7.2. Trách nhiệm với sản phẩm, dịch vụ


PVOIL cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, người tiêu dùng biết thông qua các kênh thông tin như: Website, Facebook, pano quảng cáo, PVOIL cũng thực hiện giới thiệu dịch vụ mới qua báo chí và các cuộc hội thảo.

Bên cạnh đó PVOIL cũng duy trì các đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản hồi của khách hàng tại tất cả các CHXD và Kho xăng dầu trong toàn hệ thống.


Khách hàng có thể góp ý, khiếu nại thông qua các hình thức sau:


- ✉ Gửi thư tới địa chỉ: **Tổng công ty Dầu Việt Nam - Tầng 14-18 Toà nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**

 Gửi email tới địa chỉ: **contact@pvoil.com.vn**


 Gọi điện tới số: **(84.28) 39119333**

 Phản ánh, khiếu nại của khách hàng đối với các kho xăng dầu:

 **0988.43.17.17**: tiếp nhận thông tin phản ánh/ khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu từ khu vực Thừa Thiên Huế (kho Chân Mây) trở ra phía Bắc.

 **0988.21.17.17**: tiếp nhận thông tin phản ánh/ khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu từ khu vực Đà Nẵng (kho Liên Chiểu) trở vào phía Nam.

 **08.96618800** Hỗ trợ PVOIL Easy trên toàn quốc.

 Phản ánh, khiếu nại của khách hàng đối với CHXD: theo số hotline niêm yết tại cửa hàng.

7.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng

Nhận thức đầy đủ trách nhiệm đối với cộng đồng và mong muốn góp phần xây dựng xã hội ngày một tốt đẹp, nhân ái hơn, trong năm 2023 bên cạnh các chương trình xã hội từ thiện mang tính truyền thống từ nhiều năm qua, PVOIL đã đẩy mạnh các hoạt động ý nghĩa thiết thực nhằm chung tay chia sẻ với cộng đồng. Tổng chi phí ủng hộ cho công tác thiện nguyện trong năm đạt gần **26 tỷ đồng** với các hoạt động cụ thể sau:

- ❖ Tham gia các hoạt động tài trợ xây dựng trường học, các trung tâm y tế và các nhà Đại đoàn kết tại các địa phương trong cả nước: **17,4 tỷ đồng**
- ❖ Các hoạt động từ thiện, hỗ trợ khác: **8,2 tỷ đồng**
 - ✔ Phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh Hùng và Mẹ của Liệt sỹ tại huyện Củ Chi.
 - ✔ Chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu mồ côi do ảnh hưởng của dịch Covid-19 tại huyện Nhà Bè.
 - ✔ Thăm hỏi và tặng quà cho Mẹ Việt Nam Anh Hùng và Mẹ, vợ của các Liệt sỹ tại huyện Củ Chi, Trung tâm Điều dưỡng Thương binh và Người có công Huyện Long Đất, Bà Rịa – Vũng Tàu nhân dịp ngày 27/7 (Ngày Thương Binh Liệt sỹ).
 - ✔ Thăm hỏi tặng quà Tết Mẹ Việt Nam Anh Hùng và Mẹ, Vợ của các Liệt sỹ tại huyện Củ Chi, các cháu mồ côi do ảnh hưởng Covid-19 tại huyện Nhà Bè, Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi Thiên Phước, tặng quà cho người nghèo, người có công, nạn nhân chất độc màu da cam trên địa bàn tỉnh Thái Bình và Cần Thơ.
 - ✔ Hỗ trợ quỹ phát triển nghề cá Khánh Hòa.
 - ✔ Tài trợ xây dựng Đài tưởng niệm các Anh hùng Liệt sỹ Kiến An, Tp. Hải Phòng.
 - ✔ Hỗ trợ xây dựng cầu qua suối Khuổi Làng, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.
 - ✔ Tổ chức chương trình từ thiện xã hội “Đông ấm cho em” năm 2023 tại xã Nam Phong, huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La.
 - ✔ Chương trình “Cùng PVOIL về quê đón Tết” Xuân Giáp Thìn 2024 do Đoàn Thanh niên PVOIL phối hợp với Trung tâm hỗ trợ học sinh, sinh viên TP. Hồ Chí Minh và Đoàn trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh... tổ chức. Đây là năm thứ 6 PVOIL thực hiện chương trình rất ý nghĩa này, mỗi năm hỗ trợ gần 1.000 lượt sinh viên về quê đón Tết.



Một số hình ảnh về công tác xã hội từ thiện của PVOIL trong năm 2023

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐOÀN VĂN NHUỘM

PHẦN VII - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2023

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	61 - 62
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	63 - 64
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	65 - 67
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	68
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	69 - 70
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	71 - 111

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Hoài Dương	Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Thành viên
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Thành viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Đăng Trình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Xuân Quyền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Hạng Anh Minh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Lê Ngọc Quang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc
Ông Võ Khánh Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Trình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023)
Ông Hoàng Đình Tùng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023)
Ông Vũ Hoài Lam	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2023)
Ông Nguyễn Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- ✓ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ✓ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

- ✓ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- ✓ Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- ✓ Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 3 năm 2024

Deloitte.

Số: 0354 /VN1A-HN-BC



Công ty TNHH Kiểm toán
Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 7105 0000
Fax: +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”), được lập ngày 01 tháng 3 năm 2024, từ trang 5 đến trang 51 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (“PVB”), công ty liên kết của Tổng Công ty, được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 271.593.756.068 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 272.716.534.896 đồng) dựa theo số liệu báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Tại ngày báo cáo này, Tổng Công ty vẫn đang chờ phê duyệt của các cơ quan về việc triển khai phương án phá sản cho PVB. Dựa trên các thông tin hiện tại, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khoản đầu tư vào PVB theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

tự cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.


Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

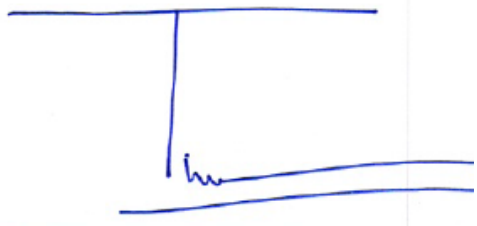
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 01, Thuyết minh số 02 và Thuyết minh số 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (“PETEC” - Công ty con của Tổng Công ty) và Công ty mẹ - Tổng Công ty do PETEC và Công ty mẹ - Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày PETEC và Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.


Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2023-001-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 01 tháng 3 năm 2024
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Tôn Thất Tiến
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4326-2023-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.976.531.658.391	23.233.060.749.388
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.377.029.776.926	4.081.852.242.021
1. Tiền	111		4.278.603.473.270	2.638.123.341.287
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.098.426.303.656	1.443.728.900.734
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.892.564.301.584	7.666.467.404.942
1. Chứng khoán kinh doanh	121		168.047	168.047
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(121.967)	(118.547)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	9.892.564.255.504	7.666.467.355.442
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.109.781.737.877	8.090.943.360.395
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	9.223.889.798.131	4.575.901.110.322
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		156.256.022.626	132.872.929.853
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.551.330.075.728	4.201.127.497.883
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(828.053.403.809)	(823.109.117.237)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		6.359.245.201	4.150.939.574
IV. Hàng tồn kho	140	10	4.171.177.245.517	2.941.456.384.799
1. Hàng tồn kho	141		4.189.636.962.749	2.961.539.417.245
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.459.717.232)	(20.083.032.446)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		425.978.596.487	452.341.357.231
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	41.568.261.946	39.947.250.445
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12	155.822.147.611	207.489.507.333
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	228.588.186.930	204.904.599.453

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.862.640.909.323	5.577.117.315.740
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.094.740.084	22.609.346.501
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	20.449.094.473	19.718.254.473
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		89.100.000	-
3. Phải thu dài hạn khác	216	8	36.705.252.084	22.820.546.501
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(20.148.706.473)	(19.929.454.473)
II. Tài sản cố định	220		3.432.809.427.312	3.651.453.863.973
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.970.445.660.393	2.017.864.050.619
- Nguyên giá	222		6.740.111.646.579	6.553.665.985.072
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.769.665.986.186)	(4.535.801.934.453)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		7.106.939.951	4.277.717.118
- Nguyên giá	225		8.530.631.135	4.857.749.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.423.691.184)	(580.032.199)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.455.256.826.968	1.629.312.096.236
- Nguyên giá	228		1.783.460.878.632	1.924.392.953.676
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(328.204.051.664)	(295.080.857.440)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	101.487.699.255	104.913.549.923
- Nguyên giá	231		139.193.437.163	139.314.852.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(37.705.737.908)	(34.401.302.327)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		186.957.586.512	116.970.343.744
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	585.993.545
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	186.957.586.512	116.384.350.199
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		709.602.391.419	762.803.468.765
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	642.590.776.373	689.714.063.531
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	108.911.654.132	108.911.654.132
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	19	(41.900.039.086)	(35.822.248.898)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.394.689.064.741	918.366.742.834
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.394.007.466.235	916.961.827.207
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		21.363.636	21.363.636
3. Lợi thế thương mại	269	20	660.234.870	1.383.551.991
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		38.839.172.567.714	28.810.178.065.128

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		27.446.112.930.499	17.482.969.684.097
I. Nợ ngắn hạn	310		27.144.353.193.886	17.214.876.762.847
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	13.630.705.436.026	9.264.285.413.714
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		51.257.265.531	71.644.441.481
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	747.765.561.352	355.827.312.509
4. Phải trả người lao động	314		319.832.549.640	266.831.603.549
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	196.260.844.651	216.193.333.461
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		10.941.235.534	9.871.308.187
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	5.153.463.733.043	4.587.995.670.639
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	6.966.663.180.400	2.701.313.740.248
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	66.120.284.378
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		211.791.788.198	188.192.597.380
11. Quỹ bình ổn giá	323	25	(144.328.400.489)	(513.398.942.699)
II. Nợ dài hạn	330		301.759.736.613	268.092.921.250
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		17.018.030.278	20.021.212.102
2. Phải trả dài hạn khác	337		25.256.656.416	25.583.007.894
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	87.810.540.210	62.657.782.898
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		170.277.647.967	156.900.774.086
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.396.861.742	2.930.144.270
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.393.059.637.215	11.327.208.381.031
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	11.393.059.637.215	11.327.208.381.031
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.342.295.000.000	10.342.295.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		23.612.446.327	23.612.446.327
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(163.981.446.150)	(163.981.446.150)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(90.503.579.945)	(55.282.039.140)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		237.911.815.985	228.667.036.228
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.536.409.008	20.494.008.664
7. (Lỗ) lũy kế	421		(6.190.291.640)	(185.534.886.956)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(463.375.937.854)	(717.906.233.428)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		457.185.646.214	532.371.346.472
8. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	27	1.029.379.283.630	1.116.938.262.058
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		38.839.172.567.714	28.810.178.065.128



Phùng Tố Vân
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	102.672.062.635.968		104.220.729.403.371	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	9.163.466.544		6.932.771.650	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	30	102.662.899.169.424		104.213.796.631.721	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	98.809.408.624.268		100.146.857.289.738	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.853.490.545.156		4.066.939.341.983	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	864.619.513.234		567.132.645.135	
7. Chi phí tài chính	22	34	403.179.889.468		330.081.514.103	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		261.163.524.272		179.692.092.511	
8. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24	18	10.470.110.673		3.038.860.143	
9. Chi phí bán hàng	25	35	2.482.580.855.823		2.370.193.962.567	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	1.144.547.307.630		1.041.591.430.338	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		698.272.116.142		895.243.940.253	
12. Thu nhập khác	31	36	111.645.213.227		52.494.988.208	
13. Chi phí khác	32	36	12.048.110.761		35.523.003.026	
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	36	99.597.102.466		16.971.985.182	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		797.869.218.608		912.215.925.435	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	176.873.163.608		162.463.829.922	
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(351.242.539)		26.554.268.588	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		621.347.297.539		723.197.826.925	
<i>Trong đó:</i>						
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		562.630.233.292		651.194.275.895	
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		58.717.064.247		72.003.551.030	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38				503



Phùng Tố Vân
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuận
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	797.869.218.608	912.215.925.435
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	02	303.622.705.334	336.185.567.199
Các khoản dự phòng	03	(56.502.267.412)	64.837.152.250
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	04	45.420.732.635	5.643.614.546
Chi phí lãi vay	05	(718.218.114.434)	(434.753.627.189)
Các khoản điều chỉnh khác (i)	06	261.163.524.272	179.692.092.511
	07	369.070.542.210	263.291.235.556
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.002.426.341.213	1.327.111.960.308
(Tăng) các khoản phải thu	09	(4.905.723.196.502)	(471.597.849.237)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(1.228.097.545.504)	(382.174.779.252)
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5.506.909.012.148	3.212.572.583.259
(Tăng) chi phí trả trước	12	(478.666.650.529)	(74.557.876.365)
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	33.246.516
Tiền lãi vay đã trả	14	(263.319.142.887)	(181.349.487.318)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(150.374.220.480)	(189.854.635.137)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(120.655.042.255)	(63.966.241.562)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(637.500.444.796)	3.176.216.921.212
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(418.981.814.129)	(399.801.532.580)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	12.836.755.454	5.713.152.383
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.404.456.792.459)	(7.681.585.144.417)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.178.423.764.697	7.940.748.164.697
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(23.460.140.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	33.139.404.640	13.271.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	553.227.443.825	414.075.497.129
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.045.811.237.972)	268.960.997.212

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	27.751.766.732.944	20.855.220.371.519
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(23.462.907.365.897)	(22.740.964.770.411)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.970.051.401)	(719.234.184)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(221.231.579.160)	(384.052.050.191)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.065.657.736.486	(2.270.515.683.267)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1.382.346.053.718	1.174.662.235.157
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.081.852.242.021	2.990.894.028.577
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(45.680.498.673)	(2.541.579.847)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	62	(41.488.020.140)	(81.162.441.866)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61+62)	70	5.377.029.776.926	4.081.852.242.021

(i) Bao gồm chênh lệch giữa số trích lập với số sử dụng Quỹ Bình ổn giá và lãi tính trên số dư âm Quỹ Bình ổn giá với số tiền lần lượt là 611.253.108.416 đồng, (238.373.781.530) đồng và (3.808.784.676) đồng.


 Phùng Tố Vân
 Người lập biểu


 Nguyễn Ngọc Ninh
 Kế toán trưởng




 Đoàn Văn Nhuộm
 Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”), trước đây là Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được thành lập trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí và Công ty TNHH Một thành viên Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ.

Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005189 ngày 26 tháng 6 năm 2008 và thay đổi lần 16 ngày 16 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 với vốn điều lệ là 7.220.000.000.000 đồng.

Từ ngày 01 tháng 8 năm 2018, Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần với tên gọi là Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 19 ngày 13 tháng 12 năm 2022. Vốn điều lệ của Công ty mẹ sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 10.342.295.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được chấp thuận giao dịch trên Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) vào ngày 07 tháng 3 năm 2018 với mã chứng khoán là OIL.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Tổng Công ty (không bao gồm các công ty con) là 683 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 700 người).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Kinh doanh sản phẩm dầu: Kinh doanh và xuất nhập khẩu sản phẩm Ethanol; Kinh doanh và xuất nhập khẩu dầu và dầu thô trong và ngoài nước; Phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Sản xuất sản phẩm Ethanol, sản phẩm dầu; Kinh doanh nhiên liệu máy bay; Xuất nhập khẩu sản phẩm dầu và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, hóa chất; Kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư thiết bị trong chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Mua bán phân bón; Kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu.
- Dịch vụ: Cho thuê kho bãi; Cho thuê xe ô tô, xe có động cơ khác, kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu, hệ thống thiết bị pha chế xăng dầu; Đại lý tàu biển; Môi giới và cung ứng tàu biển, vận tải dầu khô và sản phẩm dầu; Hoạt động điều hành cảng biển, cảng đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển và viễn dương, vận tải đường thủy nội địa; Hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe ô tô; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, mô tô, xe máy; Tư vấn đấu thầu; Xây dựng các hệ thống bồn, bể chứa sản phẩm dầu; Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu xăng dầu; Quảng cáo tại các kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu và trên các phương tiện vận tải xăng dầu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty gồm Công ty mẹ và 27 công ty con. Danh sách các công ty con như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa (i)	Thanh Hoá	100,00 %	100,00 %	Kinh doanh xăng, dầu các loại; kinh doanh thương mại, dịch vụ thương mại; kinh doanh xuất nhập khẩu; khai thác, chế biến khoáng sản; bất động sản...
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu nội địa PVOIL Lào	Lào	100,00 %	100,00 %	Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Lào	Lào	100,00 %	100,00 %	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	Bạc Liêu	100,00 %	100,00 %	Bán buôn thực phẩm. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan.
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	100,00 %	100,00 %	Vận tải hàng hoá đường bộ. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí. Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Trà Vinh	100,00 %	100,00 %	Kinh doanh xăng dầu. Kinh doanh hàng tiêu dùng.
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (ii)	Tp. Hồ Chí Minh	94,78%	95,09%	Xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn xăng dầu; chi tiết xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ; xuất nhập khẩu phân bón; cung cấp dịch vụ hàng hải.
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Cần Thơ	89,37%	89,37%	Xây dựng tổng kho xăng dầu. Chế biến và kinh doanh các sản phẩm dầu khí, xuất nhập khẩu các sản phẩm dầu mỏ.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Quảng Ninh	80,19%	80,19%	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Vận tải hàng hoá và đường bộ và thủy.
Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Tây Ninh	78,62%	78,62%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	Quảng Ngãi	72,29%	72,29%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng	Hải Phòng	72,00%	72,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	71,84%	71,84%	Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Dịch vụ kho cảng. Vận tải hàng hoá.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Phú Thọ	71,68%	71,68%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Vận chuyển các sản phẩm dầu khí.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	68,00%	68,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Xây dựng các loại nhà.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Vũng Tàu	67,64%	67,64%	Bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Sản xuất chế biến nhiên liệu và dung môi. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Phú Yên	67,13%	67,13%	Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan; mua bán khí đốt; vận tải hàng hoá.
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	Tp. Hồ Chí Minh	62,66%	62,66%	Khai thác, sản xuất, vận chuyển, bán buôn và bán lẻ các sản phẩm liên quan đến xăng, dầu và khí đốt.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	65,18%	66,93%	Kinh doanh xăng dầu. Khai thác dầu thô. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên. Sản xuất hoá chất cơ bản.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	57,18%	57,18%	Bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Sản xuất chế biến nhiên liệu và dung môi. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Nam Định	56,75%	56,75%	Mua bán, kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ. Đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Hà Tĩnh	56,50%	56,50%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Vận tải hàng hoá bằng đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Tp. Hồ Chí Minh	51,01%	51,01%	Kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt. Kinh doanh vận tải xăng dầu. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Sắt thép, vật liệu xây dựng.
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu Quốc tế Singapore	Singapore	51,00%	51,00%	Mua bán, kinh doanh các loại dầu thô và các sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế. Tham gia mua bán và cung cấp dầu thô tại Việt Nam.
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	51,00%	51,00%	Bán buôn và kinh doanh nước khoáng.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Campuchia	Campuchia	51,00%	51,00%	Đang trong quá trình thành lập

- (i) Trong năm, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng thành công số cổ phần từ các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa, qua đó nâng tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại công ty con này lên 100%, đồng thời chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của công ty con này từ công ty cổ phần sang công ty TNHH một thành viên.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty ghi nhận và phản ánh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty khoản góp vốn cổ phần vào PETEC lớn hơn giá trị PETEC đang theo dõi và hạch toán với số tiền 111.225.298.544 đồng (so với giá trị đầu tư trước điều chỉnh theo giá trị đánh giá lại để cổ phần hóa là 2.464.251.000.000 đồng). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản chênh lệch này sẽ được xử lý khi PETEC thực hiện xong công tác quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ tại công ty con để loại trừ khoản chênh lệch này trước khi thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
- (iii) Ngày 29 tháng 3 năm 2021, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”) đã ban hành Nghị quyết số 1474/NQ-DKVN thông qua chủ trương về việc Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (“PVGAS”) nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Thương mại và Kỹ thuật Đầu tư – CTCP (“PETEC”). Ngày 31 tháng 3 năm 2021, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có công văn số 1574/DKVN-KTĐT đề nghị Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại PVGAS và Tổng Công ty báo cáo Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo tổ chức triển khai các bước tiếp theo đảm bảo lợi ích của Tổng Công ty và PVGAS. Do các vướng mắc trong công tác quyết toán cổ phần hóa PETEC nên Tổng Công ty đang làm việc với PVGAS để thống nhất và báo cáo Tập đoàn việc dừng chuyển nhượng cổ phần của Tổng Công ty tại PETEC cho PVGAS.

Danh sách các công ty liên kết sở hữu trực tiếp:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Phú Yên	47,79%	47,79%	Sản xuất, chế biến hàng nông sản xuất khẩu...
Công ty Cổ phần Thương mại Thạch Hãn	Quảng Trị	44,99%	44,99%	Kinh doanh xăng dầu, công nghệ phẩm, nông sản, thực phẩm...
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	Tp. Hồ Chí Minh	44,87%	44,94%	Xuất nhập khẩu xăng dầu, vận chuyển hàng hóa
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí	Hà Nội	39,76%	39,76%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	34,28%	34,28%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	Tp. Hồ Chí Minh	29,00%	29,00%	Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Ninh Bình	20,26%	33,30%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chuẩn bị mặt bằng. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương.

Danh sách các công ty liên doanh sở hữu trực tiếp:

Tên công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Bình Phước	30,20%	Sản xuất kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	19,00%	Đầu tư xây dựng kho ngầm chứa xăng dầu
Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA	Đồng Nai	15,00%	Sản xuất và kinh doanh dầu hoá dẻo DOP

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN MỚI BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 08/2023/TT-BTC (“Thông tư 08”) bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường. Theo đó, số dư Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường (Chi tiết tại Thuyết minh số 25) đã trích lập nhưng chưa sử dụng hết kể từ thời điểm Thông tư 08 có hiệu lực thi hành được hạch toán vào thu nhập khác của năm tài chính 2023. Thông tư 08 có hiệu lực từ ngày 24 tháng 3 năm 2023 và áp dụng cho năm tài chính 2023.

Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 08 đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập (có pháp nhân hoặc không có pháp nhân) trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát và bên tham gia được hưởng lợi nhuận được chia phát sinh từ hoạt động của hợp tác kinh doanh.

Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên doanh được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên doanh sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên doanh vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên doanh đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên doanh đó) không được ghi nhận.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư góp vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là cổ phiếu niêm yết được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 7

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình

thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

	Số năm
Phương tiện vận tải	4 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn quy định trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng, vật kiến trúc và cơ sở hạ tầng do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị tiền thuê đất, thuê văn phòng, thuê tài sản, giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý, và các chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất, thuê văn phòng, thuê tài sản thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý thể hiện giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất còn lại hoặc theo thời gian sử dụng của tài sản cố định trên đất.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí san lấp mặt bằng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng chờ phân bổ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức của các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định hiện hành về kinh doanh xăng dầu.

Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở theo các quy định hiện hành.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán cho hàng hóa hay dịch vụ chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Tổng Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm tài chính nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ. Tỷ giá này có sự khác biệt so với tỷ giá quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, sự khác biệt này không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tổng Công ty.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tổng Công ty thực hiện hoạt động tại nước ngoài được kế toán như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí chịu thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	72.621.067.792	55.656.848.688
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	4.201.143.839.926	2.574.868.084.789
<i>Trong đó:</i>		

Số dư tài khoản Quỹ Bình ổn giá xăng dầu	-	-
Tiền đang chuyển	4.838.565.552	7.598.407.810
Các khoản tương đương tiền (i)	1.098.426.303.656	1.443.728.900.734
	5.377.029.776.926	4.081.852.242.021

- (i) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 0,50% đến 3,95%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 1,00% đến 6,00%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số tiền 2.603.571.374 đồng, 3.776.074 Đô la Mỹ là tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3.237.076.131 đồng, 3.776.074 Đô la Mỹ) và 1.014.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.014.000.000 Việt Nam đồng) là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng (“tương đương tiền”); đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 275.033.236.997 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 274.312.164.697 đồng) là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 06) tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương) bị hạn chế chi trả theo chỉ thị số 600/2015/CT-TGD ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Ngân hàng TMCP Đại Dương về việc tạm dừng cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để tiến hành rà soát, thẩm định hồ sơ thanh toán của khách hàng. Hiện nay, Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương đã chuyển thành ngân hàng sở hữu 100% vốn bởi Nhà nước, theo đó Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và tin tưởng rằng khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong thời gian tới khi có quyết định từ phía Ngân hàng Nhà nước.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất từ 3,50% đến 9,00%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 3,50% đến 8,00%/năm).

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (i)	4.242.042.358.563	23.825.807.585
Vitol Asia Pte Ltd	630.008.252.994	662.440.823.040
BCP Trading Pte Ltd	609.579.724.449	673.701.299.680
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	460.013.128.406	278.849.547.063
PTT (Lao) Co., Ltd	245.629.689.398	241.219.979.408
Công ty Xây dựng Công nghiệp mỏ - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	132.417.693.756	136.407.035.228
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	124.164.578.894
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xăng dầu	118.524.357.430	118.524.357.430
Tiền Phong		
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	87.946.610.123
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	77.865.356.829
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	69.438.325.811	69.438.325.811
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí Vũ Anh	43.257.741.001	43.257.741.001
Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn	41.842.423.416	16.945.910.883
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai	35.510.456.395	124.364.484.210
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	27.923.549.334	26.916.080.480
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	26.315.846.746	28.887.525.624
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	21.473.789.127	17.832.514.001
Các khách hàng khác	2.229.935.915.459	1.823.313.133.032
	9.223.889.798.131	4.575.901.110.322
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đĩnh Phong	12.839.699.605	12.839.699.605
Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	6.315.000.000
Các khách hàng khác	1.294.394.868	563.554.868
	20.449.094.473	19.718.254.473
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 40)</i>	4.809.534.311.544	538.886.994.347

- (i) Phản ánh khoản phải thu về phí ủy thác và tiền dầu thô liên quan đến việc thực hiện các hoạt động mua, nhập khẩu ủy thác và bán hàng cho Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất khẩu ủy thác	2.941.509.140.160	3.091.244.397.289
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô nhập khẩu ủy thác	492.819.769.000	5.824.487.025
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	172.131.795.269	172.131.795.269
- <i>Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)</i>	169.785.513.359	169.785.513.359
- <i>Lợi nhuận tạm phân phối Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</i>	2.346.281.910	2.346.281.910
Thuế tiêu thụ đặc biệt chờ khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu ưu đãi chờ hoàn (ii)	110.692.217.362	69.999.994.102
Phải thu về cổ phần hóa (iii)	6.253.479.545	6.253.479.545
Hợp đồng BCC số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 (iv)	305.514.166.317	500.530.344.425
Phải thu khác	522.409.508.075	355.143.000.228
	<u>4.551.330.075.728</u>	<u>4.201.127.497.883</u>
b. Phải thu dài hạn khác		
Phải thu về chuyển nhượng dự án Petroland	14.335.482.200	14.758.071.200
Ký quỹ, ký cược dài hạn	17.885.233.800	3.449.780.000
Cảng cá Ba Tri - Bến Tre	4.098.839.219	4.189.672.916
Phải thu khác dài hạn	385.696.865	423.022.385
	<u>36.705.252.084</u>	<u>22.820.546.501</u>

Trong đó: Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 40)

	3.056.532.564.106	3.302.535.799.338
--	-------------------	-------------------

- (i) Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm khoản lỗ lũy kế từ ngày 30 tháng 6 năm 2010 đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Dầu tư ("PETEC" - Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.
- (ii) Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên vật liệu condensate và hàng pha chế chờ được khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt chờ hoàn từ Ngân sách Nhà nước.
- (iii) Phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.
- (iv) Phản ánh khoản phải thu liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 ("Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh" hoặc "BCC") ngày 21 tháng 01 năm 2021 giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần ("PVGAS") để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh dưới hình thức chia lợi nhuận sau thuế. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả kinh doanh của Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh và phân chia lợi nhuận sau thuế cho Tổng Công ty và PVGAS theo tỷ lệ lần lượt là 65% và 35%. Chi tiết khoản phải thu ngắn hạn khác liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản phải thu khác liên quan đến việc thực hiện BCC	298.128.407.135	500.530.344.425
Phần lợi nhuận sau thuế được chia từ kết quả kinh doanh của BCC (*)	7.385.759.182	-
	<u>305.514.166.317</u>	<u>500.530.344.425</u>

(*) Trong năm, phần lợi nhuận sau thuế tương ứng với tỷ lệ mà PVOIL được hưởng từ BCC là 35.778.036.715 đồng (năm 2022: 121.849.319.576 đồng), trong đó, phần lợi nhuận sau thuế còn phải thu từ kết quả kinh doanh của BCC tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 7.385.759.182 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 đồng).

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	VND Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu khó đòi theo đối tượng				
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	-	124.164.578.894	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xăng dầu Tiền Phong	118.524.357.430	-	118.524.357.430	-
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	-	87.946.610.123	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	-	77.865.356.829	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	69.438.325.811	-	69.438.325.811	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Vũ Anh	43.257.741.001	-	43.257.741.001	-
Công ty Cổ phần Song Phát	26.371.285.621	-	26.371.285.621	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	20.056.024.362	8.765.142.821	20.065.312.035	14.950.507.466
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cẩm Giàng	20.010.740.366	-	20.010.740.366	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Cái Lân	19.576.761.700	-	19.576.761.700	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đình Phong	12.839.699.605	-	12.839.699.605	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Anh Thúy	12.047.043.901	-	12.047.043.901	-
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	9.996.785.688	-	9.996.785.688	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Ninh Bình	8.906.024.795	-	8.906.024.795	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	7.799.179.244	-	7.799.179.244	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ 1932	6.875.172.043	-	6.875.172.043	-
Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	-	6.315.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Thành Phát	4.270.513.122	-	4.270.513.122	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Kiên Giang	3.312.890.390	-	4.412.890.390	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	3.681.404.379	3.681.404.379	3.681.404.379	3.681.404.379
Công ty Cổ phần Thương mại Phương Hoàng	3.287.903.374	-	3.287.903.374	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Hồng Việt	3.145.082.500	-	3.145.082.500	-
Công ty TNHH Công nghiệp Ngôi sao xanh	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000
Khách hàng khác	178.901.414.096	17.683.560.257	181.471.535.210	11.444.711.969
	871.289.895.274	32.830.107.457	874.969.304.061	32.776.623.814

Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu như sau:

- Dựa trên giá trị sổ sách trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập đối với những khoản phải thu không có tài sản đảm bảo.

- Đối với các khoản công nợ phải thu có giá trị tài sản đảm bảo lớn hơn giá trị phải thu, giá trị có thể thu hồi xác định bằng giá gốc của khoản phải thu. Đối với các khoản công nợ có tài sản đảm bảo nhỏ hơn giá trị phải thu, giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá trị sổ sách trừ giá trị của tài sản đảm bảo và trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	645.153.007.290	-	229.861.314.947	-
Nguyên liệu, vật liệu	420.816.460.295	-	576.460.705.712	(1.014.618.341)
Công cụ, dụng cụ	13.421.993.904	-	14.272.495.197	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	75.615.847	-	199.987.532	-
Thành phẩm tồn kho	110.478.034.254	-	230.377.319.447	-
Hàng hóa	2.999.691.851.159	(18.459.717.232)	1.907.590.996.324	(19.068.414.105)
Hàng gửi đi bán	-	-	2.776.598.086	-
	4.189.636.962.749	(18.459.717.232)	2.961.539.417.245	(20.083.032.446)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho và đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 18.459.717.232 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 20.083.032.446 đồng) đối với các mặt hàng có giá trị thuần thấp hơn giá gốc tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 20.083.032.446 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: hoàn nhập 78.361.150 đồng).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	15.369.350.647	3.741.061.509
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.522.478.246	5.380.848.778
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	19.676.433.053	30.825.340.158
	41.568.261.946	39.947.250.445
b. Dài hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	653.328.157.789	437.300.064.723
Giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý (i)	434.343.655.420	306.906.076.019
Chi phí san lấp mặt bằng	16.720.064.038	17.328.066.370
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	48.413.163.942	32.139.761.774
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng chờ phân bổ	51.974.389.091	26.954.818.752
Chi phí trả trước dài hạn khác	189.228.035.955	96.333.039.569
	1.394.007.466.235	916.961.827.207

- (i) Bao gồm giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê trả tiền hàng năm ghi nhận vào giá trị Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP ("PETEC" - một công ty con của Tổng Công ty) khi cổ phần hóa ngày 18 tháng 5 năm 2011 với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 142.558.494.871 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 162.640.683.830 đồng). PETEC thực

hiện phân bổ khoản giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý này theo quy định của Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

12. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là phần thuế giá trị gia tăng đầu vào mà Tổng Công ty chưa thực hiện khấu trừ. Việc khấu trừ khoản thuế này trong năm tiếp theo sẽ phụ thuộc vào việc kê khai của Tổng Công ty và sự kiểm tra, phê duyệt của cơ quan thuế địa phương.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số được khấu trừ/đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Các khoản thuế phải thu Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	225.414.490	225.414.490
Thuế tiêu thụ đặc biệt	155.072.491.228	-	44.774.634.414	199.847.125.642
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.109.885.189	112.568.116.290	88.968.490.765	25.510.259.664
Thuế thu nhập cá nhân	42.097.500	421.369.891	970.198.581	590.926.190
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	680.125.488	10.878.852.901	11.957.884.042	1.759.156.629
Các loại thuế khác	48	21.000.048	676.304.315	655.304.315
	204.904.599.453	123.889.339.130	147.572.926.607	228.588.186.930
Các khoản thuế phải trả, phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	50.801.794.598	1.627.720.396.847	1.598.512.036.904	80.010.154.541
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.490.615.483.571	1.490.615.483.571	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	110.099.295.916	110.099.295.916	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.712.277.855	57.295.521.790	61.405.729.715	27.602.069.930
Thuế thu nhập cá nhân	6.998.210.350	67.015.683.583	63.483.792.226	10.530.101.707
Thuế tài nguyên	43.230.000	680.680.000	691.900.000	32.010.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	80.322.422.740	80.322.422.740	-
Thuế môn bài	500.000	549.964.806	550.464.806	-
Các loại thuế khác	265.860.699.840	6.610.599.083.684	6.247.534.058.225	628.925.725.299
Các khoản phải nộp khác	410.599.866	3.981.607.161	3.726.707.152	665.499.875
Các khoản phí, lệ phí	410.599.866	3.981.607.161	3.726.707.152	665.499.875
	355.827.312.509	10.048.880.140.098	9.656.941.891.255	747.765.561.352

Trong đó: chi tiết các khoản phải thu/phải trả với cơ quan thuế tại nước ngoài như sau:

Các khoản thuế phải thu	-	-	-	-
Các khoản thuế phải trả	24.559.661.607	664.346.504.632	669.568.022.874	19.338.143.365

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	4.520.743.151.431	1.394.838.648.973	483.616.851.621	112.200.472.698	42.266.860.349	6.553.665.985.072
Tăng trong năm	45.809.026.486	41.344.612.932	57.404.234.594	18.655.745.598	880.151.295	164.093.770.905
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	43.822.954.022	12.808.042.994	-	34.500.000	-	56.665.497.016
Phân loại lại	(4.735.056.406)	4.735.056.406	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(13.675.320.472)	(1.145.765.611)	(1.121.809.355)	(1.009.342.990)	-	(16.952.238.428)
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	(7.994.268.808)	(5.565.585.261)	(1.492.610.581)	(725.346.403)	(499.339.623)	(16.277.150.676)
Tăng/(giảm) khác	2.984.863.751	(489.232.485)	(1.011.678.998)	(861.813.995)	(1.706.355.583)	(1.084.217.310)
Số dư cuối năm	4.586.955.350.004	1.446.525.777.948	537.394.987.281	128.294.214.908	40.941.316.438	6.740.111.646.579
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	2.962.715.788.996	1.084.440.195.962	364.072.520.431	87.135.497.602	37.437.931.462	4.535.801.934.453
Khấu hao trong năm	175.431.169.604	52.206.364.540	25.536.671.985	8.672.731.259	1.372.822.727	263.219.760.115
Phân loại lại	(288.609.805)	288.609.805	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(11.128.937.488)	(912.798.838)	(1.121.809.355)	(1.009.342.990)	-	(14.172.888.671)
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	(6.619.994.773)	(5.500.774.816)	(1.486.096.542)	(752.834.773)	(476.135.367)	(14.835.836.271)
Tăng/(giảm) khác	596.965.802	(637.200.225)	195.133.692	(913.347.509)	411.464.800	(346.983.440)
Số dư cuối năm	3.120.706.382.336	1.129.884.396.428	387.196.420.211	93.132.703.589	38.746.083.622	4.769.665.986.186
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	1.558.027.362.435	310.398.453.011	119.544.331.190	25.064.975.096	4.828.928.887	2.017.864.050.619
Tại ngày cuối năm	1.466.248.967.668	316.641.381.520	150.198.567.070	35.161.511.319	2.195.232.816	1.970.445.660.393

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.452.608.385.514 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.146.085.353.148 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, các tài sản cố định hữu hình được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 222.467.919.350 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 191.538.564.195 đồng).

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.807.555.389.994	115.463.827.931	1.373.735.751	1.924.392.953.676
Tăng trong năm	88.555.690.602	4.963.310.000	599.935.717	94.118.936.319
Phân loại lại sang chi phí trả trước	(213.220.863.197)	-	-	(213.220.863.197)
Thanh lý, nhượng bán	(5.501.531.934)	-	-	(5.501.531.934)
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	(2.751.164.128)	-	-	(2.751.164.128)
Tăng/(giảm) khác	(13.314.465.646)	(262.986.458)	-	(13.577.452.104)
Số dư cuối năm	1.661.323.055.691	120.164.151.473	1.973.671.468	1.783.460.878.632
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	221.011.917.534	72.910.909.785	1.158.030.121	295.080.857.440
Khấu hao trong năm	26.253.297.437	9.086.044.408	70.776.600	35.410.118.445
Phân loại lại sang chi phí trả trước	(1.961.623.089)	-	-	(1.961.623.089)
Tăng/(giảm) khác	(73.894.584)	(251.406.548)	-	(325.301.132)
Số dư cuối năm	245.229.697.298	81.745.547.645	1.228.806.721	328.204.051.664
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	1.586.543.472.460	42.552.918.146	215.705.630	1.629.312.096.236
Tại ngày cuối năm	1.416.093.358.393	38.418.603.828	744.864.747	1.455.256.826.968

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 19.327.502.663 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 18.603.785.027 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, giá trị quyền sử dụng đất của Tổng Công ty và các công ty con với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 246.860.787.146 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 227.828.730.937 đồng) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

16. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	138.543.596.361	771.255.889	139.314.852.250
Thanh lý, nhượng bán	-	(121.415.087)	(121.415.087)
Số dư cuối năm	138.543.596.361	649.840.802	139.193.437.163
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	33.630.046.438	771.255.889	34.401.302.327
Khấu hao trong năm	3.425.850.668	-	3.425.850.668
Thanh lý, nhượng bán	-	(121.415.087)	(121.415.087)
Số dư cuối năm	37.055.897.106	649.840.802	37.705.737.908
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	104.913.549.923	-	104.913.549.923
Tại ngày cuối năm	101.487.699.255	-	101.487.699.255

Trong năm, Tổng Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 37.133.970.116 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 34.110.232.681 đồng). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 13.816.571.310 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 13.587.307.589 đồng).

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 8.808.617.423 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 8.808.617.423 đồng).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

17. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (i)	56.164.171.321	56.164.171.321
Mở rộng Kho Xăng dầu Vũng Rô	37.930.989.339	1.316.892.173
Đầu tư xây dựng các cửa hàng xăng dầu	33.547.865.730	36.154.243.623
Nhà văn phòng tại CHXD Cầu Tre	8.419.527.928	55.555.556
Kho Trung chuyển xăng dầu Hợp Thịnh - Kỳ Sơn, Hòa Bình (ii)	5.683.769.124	5.683.769.124
Dự án duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và cải tạo kho xăng dầu Nghi Sơn	5.647.026.944	-
Đầu nối đường ống xuất sản phẩm ra cầu cảng PETEC Cái Mép	3.675.088.394	-
Công trình khác	35.889.147.732	17.009.718.402
	186.957.586.512	116.384.350.199

- (i) Thể hiện giá trị san lấp mặt bằng giai đoạn 02 của Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (“PETEC”- một công ty con của Tổng Công ty) đã dừng thực hiện dự án từ năm 2012 và đang chờ quyết định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc tiếp tục triển khai dự án này trong thời gian tới.
- (ii) Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ (“PVOIL Phú Thọ” - một công ty con của Tổng Công ty) đã chấm dứt việc tiếp tục triển khai dự án này theo Quyết định số 46/QĐ-SKHĐT ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, PVOIL Phú Thọ đang hoàn thiện các thủ tục bàn giao đất trên thực địa và xin chứng nhận đầu tư dự án mới cho Công ty TNHH Petro Bình Minh, đồng thời đã nhận khoản tiền hỗ trợ theo tiến độ tương ứng.

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

a. Đầu tư vào công ty liên kết

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	608.440.531.993	624.998.871.670
Phần lãi phát sinh trong năm	20.873.454.375	5.198.503.895
Cổ tức được chia trong năm	(11.289.832.860)	(15.909.695.000)
Các khoản trích quỹ và điều chỉnh khác trong năm	(4.418.919.162)	(5.847.148.572)
Thanh lý công ty liên kết trong năm (i)	(20.898.570.259)	-
Số dư cuối năm (ii)	592.706.664.087	608.440.531.993

- (i) Trong năm, Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (“PETEC”- một công ty con của Tổng Công ty) đã thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Petec Bình Định.
- (ii) Bao gồm giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (“PVB”), công ty liên kết của Tổng Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất với giá trị là 271.593.756.068 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 272.716.534.896 đồng). Giá trị khoản đầu tư được tính toán theo số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được kiểm toán của PVB được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Theo Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ, dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ do PVB làm chủ đầu tư được đề nghị xem xét phương án giải thể, phá sản theo quy định pháp luật. Ngày 24 tháng 10 năm 2018, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã gửi văn bản trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc triển khai phương án phá sản PVB. Ngày 10 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã gửi Công văn số 211/DVN-TCKT cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để đề xuất được xác định lại khoản đầu tư này về mức không đồng (0 đồng) khi thực hiện quyết toán cổ phần hóa và trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản dự án, nếu có phát sinh thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, Tổng Công ty sẽ nộp toàn bộ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Vấn đề này đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xin ý kiến xử lý của Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại Công văn số 3540/DKVN-HĐTV ngày 01 tháng 7 năm 2019 về sắp xếp lại, xử lý nhà đất và khó khăn vướng mắc trong quyết toán cổ phần hóa PVOIL. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với các cổ đông còn lại của PVB và các cơ quan có liên quan (các cổ đông còn lại ngoài Tổng Công ty, Ngân hàng tài trợ vốn, Tòa án...) để xem xét, quyết định phương án xử lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	5.422.770.813.871	5.050.680.381.979

Tổng công nợ	4.710.957.006.572	4.117.462.415.261
Tài sản thuần	711.813.807.299	933.217.966.718
Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết	592.706.664.087	608.440.531.993

Năm nay
VND

Năm trước
VND

Doanh thu	13.107.229.963.179	11.581.477.741.821
(Lỗ) thuần	(135.388.304.063)	(177.902.394.768)
Phần lãi thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết	20.873.454.375	5.198.503.895

b. Góp vốn liên doanh

Năm nay
VND

Năm trước
VND

Số dư đầu năm	81.273.531.538	83.440.461.516
Phần (lỗ) phát sinh trong năm	(10.403.343.702)	(2.159.643.752)
Cổ tức được chia trong năm	(24.254.640.000)	-
Các khoản trích quỹ và điều chỉnh khác trong năm	3.268.564.450	(7.286.226)
Số dư cuối năm	49.884.112.286	81.273.531.538

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên doanh của Tổng Công ty được trình bày như sau:

Số cuối năm
VND

Số đầu năm
VND

Tổng tài sản	2.203.753.936.938	2.397.927.606.474
Tổng công nợ	3.263.318.770.257	3.318.192.286.187
Tài sản thuần	(1.059.564.833.319)	(920.264.679.713)
Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh	49.884.112.286	81.273.531.538

Năm nay
VND

Năm trước
VND

Doanh thu	3.029.526.123.505	3.573.862.981.645
(Lỗ) thuần	(150.172.711.101)	(210.295.525.761)
Phần (lỗ) thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh	(10.403.343.702)	(2.159.643.752)

19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Số cuối năm
VND

Số đầu năm
VND

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	47.241.749.605	47.241.749.605
Công ty Cổ phần Âu Lạc	26.482.144.914	26.482.144.914
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	10.549.395.047	10.549.395.047
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	7.263.016.037	7.263.016.037
Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	4.736.610.000	4.736.610.000
Đầu tư dài hạn khác	5.638.738.529	5.638.738.529
	108.911.654.132	108.911.654.132
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(41.900.039.086)	(35.822.248.898)
	67.011.615.046	73.089.405.234

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chưa thu thập được thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Giá trị VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	223.644.147.290
Số dư cuối năm	223.644.147.290
HAO MÒN	
Số dư đầu năm	222.260.595.299
Phân bổ lợi thế thương mại trong năm	723.317.121
Số dư cuối năm	222.983.912.420
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	1.383.551.991
Số dư cuối năm	660.234.870

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	3.821.535.268.385	3.821.535.268.385	4.428.096.708.696	4.428.096.708.696
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.239.269.501.635	3.239.269.501.635	2.627.601.138.308	2.627.601.138.308
BCP Trading Pte. Ltd.	2.802.809.507.566	2.802.809.507.566	-	-
PetroChina International - HongKong	2.096.936.003.428	2.096.936.003.428	-	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	617.447.033.590	617.447.033.590	-	-

Hợp đồng BCC số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 (i)	387.412.090.473	387.412.090.473	497.537.359.621	497.537.359.621
Brunei Shell Petroleum Company Sdn Bhd	-	-	669.361.981.680	669.361.981.680
Glencore Singapore Pte Ltd	-	-	212.124.525.471	212.124.525.471
Elico Oil Pte. Ltd.,	-	-	230.028.905.253	230.028.905.253
Các đối tượng khác	665.296.030.949	665.296.030.949	599.534.794.685	599.534.794.685
	13.630.705.436.026	13.630.705.436.026	9.264.285.413.714	9.264.285.413.714

Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 40)

	7.741.675.818.717	7.741.675.818.717	7.125.844.415.522	7.125.844.415.522
--	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------

- (i) Phản ánh khoản phải trả tiền mua xăng nền RON91 và DO sản phẩm đáy theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 13/2021/ PVGAS/TT-PVOIL/D4 giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (“PVGAS”).

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí mua hàng, tài sản trích trước	160.205.180.825	173.599.775.578
Chi phí vận chuyển	10.785.758.825	-
Chi phí lãi vay	3.537.519.425	5.693.138.040
Chi phí trích trước sản phẩm dầu	3.061.044.455	1.510.511.604
Các khoản chi phí phải trả khác	18.671.341.121	35.389.908.239
	196.260.844.651	216.193.333.461

Trong đó: Chi phí phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 40)

	67.660.207.768	377.142.536.590
--	----------------	-----------------

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất khẩu ủy thác	4.444.538.603.794	4.396.993.671.925
Thu hộ, trả hộ tiền dầu nhập khẩu ủy thác	447.511.212.070	-
Thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ	70.828.163.731	46.229.366.244
Phải trả tiền thu từ bán cổ phần (i)	6.508.956.732	6.508.956.732
Hợp đồng BCC số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 (ii)	6.390.597.832	-
Phải trả về cổ phần hóa (iii)	5.078.241.760	5.078.241.760
Tiền chuyển nhượng cổ phiếu nhận trước	-	33.139.404.640
Phải trả, phải nộp khác	172.607.957.124	100.046.029.338
	5.153.463.733.043	4.587.995.670.639

Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 40)

	2.035.448.576.197	2.153.423.050.232
--	-------------------	-------------------

-
- (i) Phản ánh số tiền Tổng Công ty thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và phải trả cho chủ sở hữu số tiền thu từ việc chào bán cổ phần này. Khoản tiền thu về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.
 - (ii) Phản ánh số tiền phải trả liên quan đến chi phí điều chuyển và khoản phân chia lợi nhuận sau thuế của Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.
 - (iii) Phản ánh khoản phải trả về cổ phần hóa sau khi ghi nhận đủ số vốn điều lệ của Tổng Công ty sau cổ phần hóa là 10.342.295.000.000 đồng theo Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Vay ngắn hạn	2.680.177.178.922	2.680.177.178.922	27.703.689.564.128	23.441.223.532.846	6.942.643.210.204	6.942.643.210.204
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24b)	20.554.288.602	20.554.288.602	23.989.180.825	21.683.833.051	22.859.636.376	22.859.636.376
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24b)	582.272.724	582.272.724	2.548.112.497	1.970.051.401	1.160.333.820	1.160.333.820
	2.701.313.740.248	2.701.313.740.248	27.730.226.857.450	23.464.877.417.298	6.966.663.180.400	6.966.663.180.400

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng và các cá nhân để bổ sung vốn lưu động của Tổng Công ty và Công ty con. Các khoản vay từ các ngân hàng có thể rút bằng Đô la Mỹ, Kíp Lào hoặc Đồng Việt Nam theo từng hạn mức tín dụng ký kết với các ngân hàng. Các khoản vay từ các ngân hàng chịu lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, dao động từ 3,2% đến 6,1%/năm đối với Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 2,6% đến 6,9%/năm), dao động từ 7,9% đến 8,5%/năm đối với Kíp Lào (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 8% đến 9,5%/năm) và dao động từ 1,7% đến 7,7%/năm đối với Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 6,1% đến 9,5%/năm).

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay bằng VND	5.682.894.069.612	2.443.327.162.670
Vay bằng LAK	135.866.424.993	141.461.180.657
Vay bằng USD	1.123.882.715.599	95.388.835.595
	6.942.643.210.204	2.680.177.178.922

Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Vay tín chấp	5.178.637.393.090	2.307.404.273.910
Vay có tài sản đảm bảo của Tổng Công ty	1.764.005.817.114	372.772.905.012
	<u>6.942.643.210.204</u>	<u>2.680.177.178.922</u>

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số đầu năm</u> VND		<u>Trong năm</u> VND		<u>Số cuối năm</u> VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản vay dài hạn (i)	81.154.504.657	81.154.504.657	72.066.349.641	45.673.013.876	107.547.840.422	107.547.840.422
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	2.639.839.567	2.639.839.567	6.160.994.315	4.518.163.898	4.282.669.984	4.282.669.984
	<u>83.794.344.224</u>	<u>83.794.344.224</u>	<u>78.227.343.956</u>	<u>50.191.177.774</u>	<u>111.830.510.406</u>	<u>111.830.510.406</u>
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 24a)	21.136.561.326	21.136.561.326	26.537.293.322	23.653.884.452	24.019.970.196	24.019.970.196
- Số phải trả sau 12 tháng	62.657.782.898	62.657.782.898	51.690.050.634	26.537.293.322	87.810.540.210	87.810.540.210

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

- (i) Các khoản vay dài hạn cho mục đích tài trợ các dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu tại Tổng Công ty và các Công ty con. Các khoản vay chịu lãi suất từ 7,00% đến 12,75%/năm (năm 2022 từ 6,50% đến 12,00%/năm) đối với các khoản vay bằng Đồng Việt Nam. Các khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại các cửa hàng xăng dầu và các tài sản cố định khác của Tổng Công ty và các công ty con.
- (ii) Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn cuối năm là khoản vay có thời hạn trên 12 tháng của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn và Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng thuê tài chính.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay tín chấp	3.500.000.000	2.902.000.000
Vay có tài sản đảm bảo	108.330.510.406	80.892.344.224
	111.830.510.406	83.794.344.224

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	24.019.970.196	21.136.561.326
Trong năm thứ hai	17.773.628.775	20.921.272.277
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	34.047.559.027	31.392.504.055
Sau năm năm	35.989.352.408	10.344.006.566
	111.830.510.406	83.794.344.224
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả)	(24.019.970.196)	(21.136.561.326)
Số phải trả sau 12 tháng	87.810.540.210	62.657.782.898

25. QUỸ BÌNH ỔN GIÁ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	(513.398.942.699)	(776.690.178.255)
Trích quỹ trong năm	611.253.108.416	759.352.582.961
Sử dụng quỹ trong năm	(238.373.781.530)	(493.802.375.690)
Lãi tính trên số dư Quỹ bình ổn giá âm	(3.808.784.676)	(2.258.971.715)
Số dư cuối năm	(144.328.400.489)	(513.398.942.699)

Trong đó:

Số dư đã chuyển tiền gửi ngân hàng	-	-
Số dư tài khoản Quỹ Bình ổn chưa được kết chuyển	(144.328.400.489)	(513.398.942.699)

Việc trích lập và sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được thực hiện theo các quy định của Bộ Tài chính và Bộ Công thương tại từng thời điểm (như trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4 – Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, mục “Quỹ Bình ổn giá xăng dầu”). Trong năm, Tổng Công ty thực hiện trích lập và sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu theo các quy định hiện hành. Phần chênh lệch trích và sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu phát sinh sẽ được thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Công thương trong thời gian tiếp theo.

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay	đổi		vốn		chủ		sở			hữu
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (i) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	(Lỗ) lũy kế VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022										
Số dư đầu năm	10.342.295.000.000	(163.981.446.150)	211.457.940.243	19.805.997.473	(21.113.618.263)	(401.912.043.108)	5.326.859.943	18.967.801.779	1.174.295.342.932	11.185.141.834.849
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	723.197.826.925	-	-	-	723.197.826.925
Trích các quỹ ngoài biểu vốn	-	-	-	-	-	(154.516.574.057)	-	-	(11.335.181.638)	(165.851.755.695)
Trích các quỹ trong biểu vốn	-	-	16.521.807.227	-	-	(16.521.807.227)	-	-	-	-
Phân loại lại giữa cổ đông không kiểm soát và cổ đông công ty mẹ	-	-	-	-	-	74.911.754.923	-	-	(74.911.754.923)	-
Phân loại lại giữa các nguồn vốn	-	-	5.326.859.943	-	13.429.502.443	(13.429.502.443)	(5.326.859.943)	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(72.003.551.030)	-	-	72.003.551.030	-
Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát	-	-	(5.692.527.227)	-	(4.124.081.749)	17.027.708.865	-	-	-	7.211.099.889
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	(43.473.841.571)	-	-	-	4.124.081.749	(39.349.759.822)
Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp	-	-	-	-	-	17.316.822.175	-	-	(17.316.822.175)	-
Tăng vốn công ty con bằng nguồn lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	4.644.644.548	-	4.644.644.548
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(361.980.325.000)	-	-	(31.651.461.098)	(393.631.786.098)
Khác	-	-	1.052.956.042	688.011.191	-	2.374.803.021	-	-	1.730.506.181	5.846.276.435
Số dư cuối năm	10.342.295.000.000	(163.981.446.150)	228.667.036.228	20.494.008.664	(55.282.039.140)	(185.534.886.956)	-	23.612.446.327	1.116.938.262.058	11.327.208.381.031
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023										
Số dư đầu năm	10.342.295.000.000	(163.981.446.150)	228.667.036.228	20.494.008.664	(55.282.039.140)	(185.534.886.956)	-	23.612.446.327	1.116.938.262.058	11.327.208.381.031
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	621.347.297.539	-	-	-	621.347.297.539
Trích các quỹ ngoài biểu vốn	-	-	-	-	-	(132.761.307.987)	-	-	(11.640.899.046)	(144.402.207.033)
Trích các quỹ trong biểu vốn	-	-	5.051.356.057	42.400.344	-	(5.093.756.401)	-	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(58.717.064.247)	-	-	58.717.064.247	-
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	(35.221.540.805)	-	-	-	(29.077.962.891)	(64.299.503.696)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	4.193.423.700	-	-	(31.977.683.629)	-	-	(61.613.080.200)	(89.397.340.129)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(206.845.900.000)	-	-	(41.599.891.783)	(248.445.791.783)
Khác	-	-	-	-	-	(6.606.989.959)	-	-	(2.344.208.755)	(8.951.198.714)
Số dư cuối năm	10.342.295.000.000	(163.981.446.150)	237.911.815.985	20.536.409.008	(90.503.579.945)	(6.190.291.640)	-	23.612.446.327	1.029.379.283.630	11.393.059.637.215

Chênh lệch đánh giá lại tài sản thể hiện khoản điều chỉnh hợp nhất cho khoản chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết phát sinh từ việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với giá trị vốn chủ sở hữu tại các công ty nhận đầu tư.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.445.036	200.445.036
Cổ phiếu phổ thông	200.445.036	200.445.036
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.034.229.500	1.034.229.500
Cổ phiếu phổ thông	1.034.229.500	1.034.229.500

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 13 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 10.342.295.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số lượng	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	832.803.564	80,52%	8.328.035.640.000
Các cổ đông khác	201.425.936	19,48%	2.014.259.360.000
	1.034.229.500	100,00%	10.342.295.000.000

Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty mẹ - Tổng Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý với số tiền 119.515.000.000 đồng. Trong năm 2022, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã tạm trích 117.744.000.000 đồng, theo đó, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm với số tiền là 1.771.000.000 đồng.
- Chia cổ tức năm 2022 theo tỷ lệ 2% vốn điều lệ, tương đương với số tiền 206.845.900.000 đồng. Thực hiện Nghị quyết 15/NQ-ĐHĐCĐ, Hội đồng Quản trị của Công ty mẹ - Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 60/NQ-DVN ngày 09 tháng 8 năm 2023 về việc chi trả cổ tức năm 2022 của Công ty mẹ - Tổng Công ty.

Ngoài ra, căn cứ mức độ hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2023, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động và Quỹ thưởng Ban Điều hành Công ty mẹ - Tổng Công ty từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo quy định hiện hành với số tiền là 105.444.587.078 đồng. Số liệu sau cùng liên quan đến trích Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động và Quỹ thưởng Ban Điều hành sẽ được trình Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua.

27. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của chủ sở hữu	1.011.204.442.336	1.062.856.004.465
Thặng dư vốn cổ phần	22.444.504.530	22.444.504.530
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(33.685.156.494)	(4.607.193.602)
Quỹ đầu tư phát triển	132.423.197.690	132.936.335.644
(Lỗ) lũy kế	(103.007.704.432)	(96.691.388.979)
	1.029.379.283.630	1.116.938.262.058

28. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tại ngày kết niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cho tổng diện tích thuê 3.459,11 m² tại số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 70.622.316 đồng/m²/50 năm. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn là 50 năm từ ngày 10 tháng 01 năm 2010 cho phần diện tích 2.952,67 m² và 48 năm từ ngày 24 tháng 7 năm 2012 cho phần diện tích 506,44 m². Toàn bộ số tiền thuê văn phòng không gồm thuế GTGT đã được thanh toán với giá trị 244.290.357.799 đồng.

Hàng hóa nhận giữ hộ

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
- Xăng Ron 95	Lít	2.716.690	36.117.785
- Xăng Ron 92	Lít	22.769.414	28.712.031
- Xăng E5	Lít	2.173.841	3.743.861
- Dầu DO 0,05%	Lít	70.308.109	63.922.497
- Dầu FO	Kg	534.749	9.432.718
- Xăng E100	Lít	595	320.053
- Naptha	Lít	1.795.533	6.527.331
- Condensate	Lít	-	5.299.429
- DO đáy	Lít	-	554.302
- Dung môi	Lít	173.003	118.352

Ngoại tệ

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ (USD)	USD	34.756.458	22.588.818
- Đồng Euro (EUR)	EUR	310	320
- Đô la Singapore (SGD)	SGD	103.270	536.780
- KIP Lào (KIP)	KIP	173.065.601.836	16.989.485.187
- Bath Thái (THB)	THB	42.366.027	32.693.611

29. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động của Tổng Công ty chủ yếu là hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô, xăng dầu.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hoạt động tại khu vực nội địa và nước ngoài. Dưới đây là phân tích doanh thu của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nội địa	87.817.398.242.246	80.591.035.055.606
Quốc tế	14.845.500.927.178	23.622.761.576.115
	102.662.899.169.424	104.213.796.631.721

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó (Thuyết minh số 14 và Thuyết minh số 15).

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
	VND	VND	VND	VND
Nội địa	3.391.383.054.294	3.606.492.213.429	310.862.063.354	308.000.989.569
Quốc tế	34.319.433.067	40.683.933.426	4.016.140.886	288.348.770
	3.425.702.487.361	3.647.176.146.855	314.878.204.240	308.289.338.339

30. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.672.062.635.968	104.220.729.403.371
- Doanh thu bán hàng	101.995.109.738.647	103.619.460.275.058
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	572.390.220.410	493.615.384.225
- Doanh thu từ ủy thác xuất khẩu dầu thô	104.562.676.911	107.653.744.088
Các khoản giảm trừ doanh thu	(9.163.466.544)	(6.932.771.650)
- Chiết khấu thương mại	(9.163.466.544)	(6.932.771.650)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.662.899.169.424	104.213.796.631.721
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 40)</i>	<i>14.610.266.680.436</i>	<i>15.540.557.767.486</i>

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	98.626.861.293.644	99.984.014.607.702
Giá vốn dịch vụ cung cấp	182.547.330.624	162.842.682.036
	98.809.408.624.268	100.146.857.289.738

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.231.081.209.246	10.364.554.197.098
Chi phí nhân công	1.550.575.728.600	1.222.395.970.409
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	302.899.388.213	336.185.567.199
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.203.173.407.254	1.044.224.901.454
Chi phí khác bằng tiền	961.646.947.050	836.510.869.321
	14.249.376.680.363	13.803.871.505.481

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	695.108.829.866	417.778.258.963
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	141.796.904.504	134.363.223.241
Cổ tức được chia	4.654.051.100	5.080.150.600
Lãi bán hàng trả chậm	1.797.196.408	2.193.520
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	12.240.834.381	3.517.858.237
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.021.696.975	6.390.960.574
	864.619.513.234	567.132.645.135

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	261.163.524.272	179.692.092.511
Lỗ chênh lệch tỷ giá	117.317.537.765	132.102.526.944
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	6.077.793.608	9.733.982.018
Chi phí tài chính khác	18.621.033.823	8.552.912.630
	403.179.889.468	330.081.514.103

35. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng	2.482.580.855.823	2.370.193.962.567
Chi phí nhân viên bán hàng	955.717.279.769	802.901.506.813
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	181.277.973.093	193.168.533.399
Chi phí vận chuyển	167.955.381.856	200.574.891.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	711.053.566.028	537.995.005.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	215.917.734.592	236.518.316.074
Các khoản dự phòng	-	21.342.647.279
Các khoản chi phí bán hàng khác	250.658.920.485	377.693.061.921
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.144.547.307.630	1.041.591.430.338
Chi phí nhân viên quản lý	463.776.300.039	392.375.602.719
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	51.007.619.063	34.691.190.937
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.133.428.486	33.182.571.171
Trích lập các khoản dự phòng	5.163.538.572	23.669.301.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.864.812.502	151.176.778.311
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	437.601.608.968	406.495.985.489
	3.627.128.163.453	3.411.785.392.905

36. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	111.645.213.227	52.494.988.208
Hoàn nhập quỹ dự phòng rủi ro môi trường (i)	66.120.284.378	-
Tiền bồi thường nhận được	12.489.134.202	13.550.877.396
Thu nhập từ kiểm kê thừa hàng tồn kho	12.377.569.388	11.597.952.840
Thu từ thanh lý tài sản cố định	4.025.170.105	5.338.499.246

Vận chuyển nhân sự các lô dầu	-	5.126.578.695
Các khoản thu nhập khác	16.633.055.154	16.881.080.031
Chi phí khác	12.048.110.761	35.523.003.026
Các khoản tiền phạt	1.306.791.769	8.652.591.071
Hao hụt vận chuyển	772.125.170	364.017.118
Chi phí hủy bỏ, thu hồi dự án	-	11.926.593.168
Các khoản chi phí khác	9.969.193.822	14.579.801.669
Lợi nhuận khác	99.597.102.466	16.971.985.182

(i) Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập Quỹ dự phòng rủi ro môi trường theo quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 03.

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	176.873.163.608	162.463.829.922
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	176.873.163.608	162.463.829.922

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là số liệu tạm tính. Số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức phải nộp sẽ phụ thuộc vào kết quả quyết toán thuế với cơ quan thuế.

38. LỖ/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	562.630.233.292	651.194.275.895
- Trích các quỹ ngoài biểu vốn từ nguồn lợi nhuận (VND) (i)	(129.652.932.885)	(131.155.899.046)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	432.977.300.407	520.038.376.849
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	1.034.229.500	1.034.229.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	419	503

(i) Cho mục đích trình bày chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, số liệu liên quan đến việc trích các quỹ ngoài biểu vốn từ nguồn lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được ước tính dựa trên mức độ hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2023 và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông/Nghị quyết của Hội đồng thành viên của các công ty con.

Tổng Công ty thực hiện tính toán lại lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước để phản ánh khoản thực trích các quỹ ngoài biểu vốn từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông/Nghị quyết của Hội đồng thành viên của các công ty con, chi tiết như sau:

	Năm trước	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	651.194.275.895	651.194.275.895

- Trích các quỹ ngoài biểu vốn từ nguồn lợi nhuận (VND)	(141.608.608.637)	(131.155.899.046)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	509.585.667.258	520.038.376.849
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	1.034.229.500	1.034.229.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	493	503

39. CAM KẾT VỐN

Theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ (“Nghị quyết 15”) ngày 27 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, trong đó, giá trị đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản trong năm 2023 với số tiền 638 tỷ đồng. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã thực hiện giải ngân đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản với tổng giá trị là khoảng 494 tỷ đồng và đang triển khai các công việc cần thiết để hoàn thành đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản theo đúng Nghị quyết 15 nói trên.

40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Các công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Các công ty liên kết	Công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	14.610.266.680.436	15.540.557.767.486
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	6.997.359.866.113	4.851.797.885.166
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	4.285.802.412.002	7.934.166.265.804
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	1.918.571.853.951	2.115.358.936.361
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	667.830.222.141	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	282.080.053.409	148.495.117.625
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	118.851.959.732	3.068.297.182
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	80.406.449.508	24.746.478.399
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	79.078.493.673	176.796.831.483
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	56.833.403.449	80.284.235.136
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	37.217.765.064	108.589.153.679
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	36.763.775.654	46.265.549.497
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	10.121.053.760	4.359.156.908
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn	-	-
-	6.750.000.000	6.750.000.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	-
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	4.834.418.725	6.323.295.447
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	4.621.323.592	6.991.338.944
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	4.186.989.515	5.124.575.079
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	2.533.208.182	5.294.425.545
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu Khí	2.835.721.823	3.115.232.656
Các đối tượng khác	13.587.710.143	13.030.992.575

Mua hàng, sử dụng dịch vụ	62.682.992.988.304	63.866.933.056.104
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn		
-	32.054.519.406.772	30.905.023.052.679
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	28.955.420.113.284	29.234.897.234.227
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	622.593.963.335	2.612.598.378.813
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	522.260.104.060	612.115.321.354
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	358.056.098.418	288.201.758.739
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	57.737.017.831	51.194.766.783
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	29.020.668.792	68.923.064.132
Công ty Cổ phần Giám định năng lượng Việt Nam	23.540.481.170	19.768.586.276
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	17.645.475.229	33.155.117.777
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển	10.348.982.883	9.159.325.654
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	9.124.080.001	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	7.848.802.535	7.555.817.374
Công ty TNHH MTV Chế biến Khí Vũng Tàu	3.307.863.200	3.013.076.833
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD	2.040.000.000	2.049.981.060
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	343.432.321	10.112.961.696
Các đối tượng khác	9.186.498.473	9.164.612.707

Tiền lương, phụ cấp và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm Tổng Giám đốc; tiền lương của Ban Kiểm soát, của các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được hưởng trong năm tại Công ty Mẹ như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tiền lương, phụ cấp và thù lao của Hội đồng Quản trị (bao gồm Tổng Giám đốc)	8.110.914.250	8.732.051.767
Ông Cao Hoài Dương	1.571.622.735	1.417.358.885
Ông Đoàn Văn Nhuộm	1.571.622.735	1.417.358.885
Ông Lê Văn Nghĩa	1.255.275.034	1.132.145.346
Ông Nguyễn Đăng Trình	1.255.275.034	1.132.145.346
Ông Nguyễn Mậu Dũng	1.318.268.690	1.188.752.613
Ông Hạng Anh Minh	418.425.011	1.132.145.346
Ông Lê Ngọc Quang	418.425.011	1.132.145.346
Ông Trần Hoài Nam	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Xuân Quyền	122.000.000	-
Tiền lương của Ban Kiểm soát	3.321.679.769	3.143.880.538
Ông Nguyễn Đức Kện	1.255.275.034	1.132.145.346
Ông Phạm Thanh Sơn	1.115.493.492	1.005.867.596
Ông Lê Vinh Văn	579.080.079	-
Bà Trần Thị Phượng	371.831.164	1.005.867.596
Tiền lương của các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	6.140.739.314	5.800.067.695

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.809.534.311.544	538.886.994.347
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	4.242.042.358.563	23.825.807.585
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	460.013.128.406	278.849.547.063
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	27.923.549.334	26.916.080.480

Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	21.473.789.127	17.832.514.001
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	14.275.423.888	15.886.940.146
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	13.941.073.250	29.381.135.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	12.008.006.130	3.931.142.623
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	2.834.939.259	2.603.970.025
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	2.543.770.086	2.543.770.086
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn	2.430.000.000	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	2.349.154.460	1.695.314.920
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	2.201.342.830	2.437.766.930
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.362.230.984	1.362.230.984
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	879.581.090	914.117.180
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	663.403.870	11.966.516.086
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	316.422.100	2.072.896.390
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	-	72.338.010.316
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	-	30.553.040.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	-	7.045.330.439
Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm khí quốc tế	-	4.439.568.400
Các đối tượng khác	2.276.138.167	2.291.295.693

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	3.056.532.564.106	3.302.535.799.338
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	2.346.895.416.008	3.092.519.548.663
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	455.507.382.262	8.545.468.176
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	172.629.795.269	172.131.795.269
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	22.987.935.799	23.134.972.605
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	43.434.218.463	7.121.381
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	12.583.561.645	3.931.506.847
Các đối tượng khác	2.494.254.660	2.265.386.397
Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn	7.741.675.818.717	7.125.844.415.522
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	3.821.535.268.385	4.428.096.708.696
Chi nhánh Phân phối sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn	3.239.269.501.635	2.627.601.138.308
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	617.447.033.590	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	44.943.337.114	55.308.480.038
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	4.800.000.000	4.801.068.120
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	3.687.260.908	-
Công ty Cổ phần Giám định năng lượng Việt Nam	3.090.780.856	3.469.834.229
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	2.150.498.977	3.362.687.487
Ban Quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.954.237.323	1.954.237.323
Các đối tượng khác	2.797.899.929	1.250.261.321
Phải trả ngắn hạn khác	2.035.448.576.197	2.153.423.050.232

Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	1.745.537.815.133	1.819.686.460.776
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	286.811.871.118	327.015.456.822
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	2.123.115.499	5.742.593.422
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	437.246.000	155.100.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	224.387.802	724.387.802
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	184.140.645	99.051.410
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	130.000.000	-
Vay	9.463.440.282	11.829.300.352
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	9.463.440.282	11.829.300.352
Chi phí phải trả ngắn hạn	67.660.207.768	50.127.079.768
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	45.344.487.340	48.694.214.435
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn	-	-
-	7.544.179.440	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	6.860.240.358	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	6.658.558.180	-
Tổng Công ty bảo hiểm PVI	1.016.787.339	931.602.514
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	246.340.000
Các đối tượng khác	235.955.111	254.922.819

41. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 399.868.061.708 đ là giá trị phần lãi từ hoạt động đầu tư trong năm chưa thu được năm trước: 211.952.050.415 đồng vay, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Phùng Tố Vân
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 03 năm 2024